CÔNG TY CP THAN CAO SƠN - TKV
ĐẾN Số: 314
Ngày: 21/02/2024
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ký bởi: Phạm Phú Mỹ
Ngày ký: 26/04/2024 15:48:01
Tổ chức xác thực: VNPT Certification Authority

HỢP ĐỒNG
KHAI THÁC, SÀNG TUYỂN, CHẾ BIẾN THAN NĂM 2024
Số: 363 /2023/HĐKD

I. CÁC CĂN CỨ ĐỂ KÝ HỢP ĐỒNG

Luật thương mại được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 105/2018/NĐ-CP ngày 08/8/2018 của Chính phủ về việc Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV);

Căn cứ Quyết định số 2312/QĐ-TKV ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2024 của Tập đoàn các công ty TKV (Tổ hợp công ty mẹ - Công ty con Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam);

Căn cứ Thỏa thuận chung ngày 29/12/2023 về thực hiện Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2024;

Hôm nay, ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại TP Hà Nội, Chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) là Công ty TNHH 1 TV do Nhà nước làm chủ sở hữu, được Nhà nước giao nhiệm vụ thực hiện chức năng chủ thể quản lý tài nguyên khoáng sản than,... với mục tiêu phát triển công nghiệp than và các ngành, nghề khác một cách bền vững; đáp ứng nhu cầu than của nền kinh tế; hoàn thành các nhiệm vụ do Nhà nước giao. Trong Hợp đồng này TKV là ***Bên A***.

Địa chỉ: Số 226, đường Lê Duẩn, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại số: (84)024.5180141-(84)024.8510780, Fax (84)024.510724

Tài khoản số: 102010000011613 mở tại Ngân hàng công thương Hoàn Kiếm Hà Nội. Mã số thuế doanh nghiệp: 5700100256

Đại diện là Ông: Đặng Thanh Hải. Chức vụ: Tổng giám đốc.

2. Công ty CP Than Cao Sơn - TKV là một công ty có tư cách pháp nhân Việt Nam, chuyên ngành khai thác mỏ, tự nguyện nhận khai thác than giao cho Bên A trên cơ sở hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến than; trong Hợp Đồng này Công ty Cổ phần than Cao Sơn - TKV được gọi là Bên B.

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, TP. Cẩm phả, Tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 02033.862337, Fax: 02033.863945

Mã số thuế doanh nghiệp: 5702053837

Tài khoản: 100 868 6868 mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cẩm Phả, Quảng Ninh.

Đại diện là Ông: Phạm Quốc Việt. Chức vụ: Giám đốc.

II. HAI BÊN THOẢ THUẬN KÝ HỢP ĐỒNG VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU:

Điều 1. Nội dung

1.1. Bên B đồng ý nhận khai thác, sàng tuyển, chế biến than năm 2024 và giao cho Bên A với khối lượng, chất lượng, giá cả được quy định trong hợp đồng này và các văn bản hướng dẫn, quy định của TKV trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).

Trong trường hợp thị trường có biến động làm ảnh hưởng đến Kế hoạch phối hợp kinh doanh thì bên A sẽ cùng với bên B xem xét, điều chỉnh lại kế hoạch để phù hợp với nhu cầu của khách hàng theo kế hoạch điều hành sản xuất - tiêu thụ than hàng tháng của TKV giao. Căn cứ báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 9 tháng và dự báo thực hiện cả năm của đơn vị và các văn bản chỉ đạo điều hành của TKV, hai bên thống nhất điều chỉnh một số chỉ tiêu KH PHKD, khoán chi phí theo Quy chế quản trị chi phí kinh doanh của TKV ban hành và các văn bản hướng dẫn, điều chỉnh bổ sung (nếu có).

1.2. Bên B có trách nhiệm hoàn thành tiến độ cải tạo, mở rộng và xây dựng mới các mỏ than, các công trình theo kế hoạch đầu tư phát triển và bảo vệ môi trường đảm bảo theo quy định của TKV và pháp luật hiện hành.

Điều 2. Giá mua bán than

2.1. Hai bên thỏa thuận và thống nhất rằng: Đối với sản phẩm giao nộp (mua bán) theo tiến độ, khối lượng và chất lượng trong Điều 1, Bên A thanh toán (trả) cho Bên B chi phí thực hiện các công đoạn sản xuất trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, bao gồm cả lợi nhuận định mức kế hoạch.

2.2. Điều chỉnh giá:

- Căn cứ tình hình thực hiện, hai bên thống nhất điều chỉnh giá mua bán theo Quy chế quản trị chi phí kinh doanh của TKV ban hành, được áp dụng thống nhất trong Tập đoàn các công ty TKV và các văn bản hướng dẫn, điều chỉnh bổ sung (nếu có).
- Trường hợp Bên B được Bên A chi khuyến khích sản lượng, chất lượng than, Bên A thực hiện điều chỉnh giá mua than tương ứng số tiền khuyến khích sản lượng, chất lượng than Bên B được hưởng.

2.3. Bên B có trách nhiệm thực hiện công tác thăm dò, công tác trắc địa; chi phí môi trường; chi phí cấp cứu mỏ; đào tạo y tế đã được tính toán giao khoán trong kế hoạch PHKD và các văn bản hướng dẫn của TKV.

Điều 3. Phương thức nghiệm thu sản phẩm và thanh toán

3.1. Sản phẩm được công nhận là đã giao nộp cho Bên A khi đã bốc dỡ lên phương tiện của khách hàng, phương tiện của Bên A tại cảng, nhà ga của Bên B do Bên A chỉ định; hoặc giao tại kho, bãi của Bên A và được Bên A (hoặc đơn vị được Bên A uỷ quyền) chấp nhận.

3.2. Sản phẩm giao nộp (mua bán) cho TKV (thông qua các công ty kho vận, NMT) phải có phiếu chứng nhận số lượng và chất lượng của Công ty giám định.

3.3. 6 tháng, 9 tháng và cả năm Bên A tổ chức kiểm tra, xác nhận tổng sản phẩm mà Bên B đã giao nộp và các chỉ tiêu khác như đã thống nhất trong các Phụ lục hợp đồng này.

3.4. Bên A thanh toán tiền than cho Bên B từ 7 đến 10 ngày một lần đối với than giao nhận cho Tập đoàn (thông qua các công ty kho vận, NMT) hoặc quy định điều chỉnh bổ sung (nếu có).

3.5. Kết thúc năm, căn cứ vào khối lượng sản phẩm giao nộp theo quy định và các chỉ tiêu theo hợp đồng đã ký, hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng.

Điều 4. Nghĩa vụ và quyền lợi của các bên

4.1. Bên A

4.1.1. Có các nghĩa vụ sau:

4.1.1.1. Giao cho Bên B quản lý, sử dụng phần vốn của chủ sở hữu tại công ty để kinh doanh.

4.1.1.2. Về thị trường:

- Thống nhất quản lý thị trường tiêu thụ than của TKV ở trong và ngoài nước.

- Uỷ quyền cho các công ty Kho vận, công ty Tuyển than của TKV nhận sản phẩm của Bên B giao theo tiến độ, khối lượng, chất lượng ghi trong Phụ lục hợp đồng để tiêu thụ và thanh toán tiền than cho Bên B theo thoả thuận trong Điều 3.

4.1.1.3. Thống nhất quản lý, hỗ trợ về công nghệ, quản lý và điều hành của TKV, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các công tác sau đây:

a. Tổ chức nghiên cứu và triển khai áp dụng công nghệ mới trong khai thác, chế biến than.

b. Nghiên cứu hoàn thiện và nâng cao hiệu quả quản lý, áp dụng các phương pháp quản lý tiên tiến, hiện đại. Hướng dẫn, ban hành các quy chế, quy trình, quy định, định mức KTKT và đơn giá áp dụng trong phạm vi toàn Tập đoàn.

c. Giải quyết kịp thời các đề xuất, kiến nghị của Bên B trong việc thẩm định các phương án sản xuất, chế biến than; trong các lĩnh vực đầu tư XDCB; an toàn lao động, quản lý lao động, tiền lương; công tác tổ chức cán bộ; công tác kế toán, tài chính và các công tác khác theo đúng Điều lệ TKV, quy chế, quy định hiện hành.

4.1.1.4. Hướng dẫn các công ty tham gia kế hoạch phối hợp kinh doanh thực hiện các cam kết trong các hợp đồng về giám định và cấp chứng thư khối lượng và chất lượng than do Bên B giao, cung ứng vật tư, hàng hoá, dịch vụ, xây dựng cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng công tác đào tạo nguồn nhân lực, phục vụ và chăm lo sức khỏe người lao động trong toàn Tập đoàn.

4.1.1.5. Các quyết định, văn bản hướng dẫn về điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch phối hợp kinh doanh, giá bán sản phẩm, cơ chế khuyến khích sản xuất-tiêu thụ, các văn bản hướng dẫn, quy định nội bộ có liên quan của Tổng giám đốc TKV và/hoặc người được Tổng giám đốc uỷ quyền đều được coi là phụ lục của Hợp đồng này.

4.1.2. Các quyền lợi:

4.1.2.1. Sử dụng các công cụ quản lý, điều tiết toàn ngành về tài nguyên, vốn, lao động, công nghệ, thị trường nhằm đảm bảo tăng trưởng, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh chung toàn Tập đoàn.

4.1.1.2. Tăng cường tích luỹ vốn, đầu tư phát triển sản xuất, ...

4.1.1.3. Tổng giám đốc TKV tự mình và/hoặc uỷ quyền cho các Phó Tổng giám đốc, các viên chức thuộc bộ máy quản lý điều hành của TKV kiểm tra tiến độ thực hiện hợp đồng.

4.2. Bên B

4.2.1. Có các nghĩa vụ sau:

4.2.1.1. Bên B cam kết sử dụng mọi nguồn lực và các giải pháp quản lý trong phạm vi quyền hạn của mình được Pháp luật quy định để bảo vệ tài nguyên, ranh giới mỏ đã được Bộ Tài nguyên - Môi trường cấp phép và được bên A giao, không để thất thoát than hoặc để khai thác, vận chuyển, tiêu thụ than trái phép trong phạm vi ranh giới mỏ, kho, bến cảng được giao quản lý.

4.2.1.2. Tuân thủ quy phạm kỹ thuật, quy trình công nghệ, cải thiện điều kiện kỹ thuật, điều kiện làm việc cho người lao động; là chủ thể chịu trách nhiệm chính đảm bảo an toàn lao động, an toàn về máy móc thiết bị, an toàn về vốn, bảo vệ môi trường.

4.2.1.3. Chuẩn bị đầy đủ các nguồn lực, bao gồm nhưng không giới hạn bởi đầu tư máy móc, thiết bị, chuẩn bị đủ nguồn nhân lực,... để hoàn thành các chỉ tiêu đã cam kết tại Điều 1 và đảm bảo sự phát triển bền vững của đơn vị. Chủ động đổi mới công nghệ, tăng năng suất lao động, giảm tổn thất than trong khai thác và tăng giá trị than thu được sau chế biến so với năm trước.

4.2.1.4. Quản trị chặt chẽ khối lượng mỏ và chỉ tiêu công nghệ, chi phí theo Quy chế quản trị chi phí kinh doanh của TKV đã ban hành; chịu trách nhiệm về công tác khoán quản chi phí, giao và nghiệm thu chi phí khoán và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị mình; chịu trách nhiệm trước Tập đoàn, Pháp luật về số liệu do đơn vị thực hiện, báo cáo. Trường hợp, Bên B báo cáo không đúng số liệu thực tế thực hiện thì sẽ phải tự chịu trách nhiệm theo quy định của TKV, của Nhà nước và tự chịu các chi phí phát sinh tăng, giảm nếu có theo quy định pháp luật hiện hành.

4.2.1.5. Đảm bảo các chế độ về ăn ca, ăn định lượng, bồi dưỡng độc hại, thu nhập của người lao động và lợi nhuận không giảm so với kế hoạch.

4.2.1.6. Thực hiện đầy đủ các quy định về điều hành sản xuất, tiêu thụ (bao gồm cả cơ chế khuyến khích sản xuất-tiêu thụ than nếu có), chế độ báo cáo thống kê, các quy chế, quy định khác của TKV và Nhà nước đã ban hành. Duy trì tất cả các báo cáo và hồ sơ liên quan đến việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này, và giữ an toàn tất cả các bản vẽ, tài liệu liên quan đến thực hiện Hợp Đồng này.

4.2.1.7. Cho phép tiếp cận và cung cấp các thông tin hợp lý cho Đại diện của Bên A cũng như tất cả các đại diện được uỷ quyền hợp lệ của các cơ quan Nhà nước Trung Ương hay Địa phương, trong quá trình mà những cán bộ này tiến hành giám sát một cách hợp lý sản xuất kinh doanh của đơn vị.

4.2.1.8. Nộp thuế vào ngân sách Nhà nước theo quy định hiện hành.

4.2.2. Các quyền lợi:

4.2.2.1. Toàn quyền sử dụng tổng chi phí mà bên A thanh toán để chi trả theo yêu cầu sản xuất và theo chế độ quy định.

4.2.2.2. Chủ động điều hành quá trình sản xuất kinh doanh trên cơ sở thực hiện các điều khoản ghi trong hợp đồng này.

Điều 5. Thủ tục giải quyết các vướng mắc và trách nhiệm của các bên do vi phạm hợp đồng

5.1. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề bất lợi gì phát sinh, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và chủ động bàn bạc giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai bên (có biên bản ghi toàn bộ nội dung đó).

5.2. Trường hợp cần sửa đổi hợp đồng: khi cần thay đổi quy cách, chất lượng sản phẩm cho phù hợp với nhu cầu người tiêu dùng, …

5.3. Bên nào đã ký hợp đồng mà không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ như đã thống nhất trong hợp đồng sẽ bị phạt vi phạm hợp đồng và bên vi phạm hợp đồng còn phải bồi thường cho bên kia những thiệt hại do vi phạm hợp đồng gây ra. Trong đó:

a. Trường hợp Bên B để xảy ra tình trạng khai thác than trái phép trong ranh giới mỏ và/hoặc để thất thoát than trong quá trình khai thác, vận chuyển, tiêu thụ than thì: Bên B phải bồi thường cho Bên A toàn bộ giá trị sản phẩm bị thất thoát và các chi phí liên quan khác.

b. Bên B phải chịu phạt vi phạm hợp đồng bằng 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

Điều 6. Thời hạn có hiệu lực của hợp đồng

Hợp đồng có giá trị hiệu lực từ ngày 01/01/2024 và thực hiện trong năm 2024. Hợp đồng được lập thành 6 bản mỗi bên 03 bản có giá trị ngang nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B **GIÁM ĐỐC CTY CP THAN CAO SƠN**	**ĐẠI DIỆN BÊN A** **TỔNG GIÁM ĐỐC TKV**
M.S.D.N: 5702053837 CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV TP. CẨM PHẢ - T. QUẢNG NINH	TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM Q. ĐỐNG ĐA - T.P HÀ NỘI
Phạm Quốc Việt	**Đặng Thanh Hải**

PHỤ LỤC SỐ 01

TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH PHKD NĂM 2024

(Kèm theo Hợp đồng số: 363 /2023/HĐKD ngày 29 /12 /2023)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Công ty than Cao Sơn	
			Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
1	**Quản trị tài nguyên**			
	a - Bóc đất đá lộ thiên	1000m3	58 250	
	Trong đó: Đất CBSX	"	58 250	
	Đất XDCB	"		
	* Hệ số bóc đất đá CBSX	m3/tấn	14,21	
	b - Đào lò tổng số	m		
	Trong đó: Đào lò CBSX	"		
	Đào lò XDCB	"		
	* Hệ số đào lò CBSX	m/1000t		
	c -Tỷ lệ tổn thất tài nguyên khai thác			
	- Khai thác lộ thiên	%		
	- Khai thác hầm lò	"		
	d -Tỷ lệ thu hồi than sạch từ nguyên khai	%	100,00	
2	**Sản phẩm chủ yếu**			
2.1	Than nguyên khai	1000t	4 100	
	- Lộ thiên	"	4 100	
	- Hầm lò	"		
2.2	Than sạch sàng tại mỏ	1000t	680	
	- Than sạch từ nguyên khai	"	80	
	- Than sạch từ đất đá lẫn than	"	600	
2.3	Than tiêu thụ (giao cho Tập đoàn)	1000t	4 700	
a	Than giao cho các Công ty tuyển than	"	4 020	
	- Than sạch	"		
	- Than nguyên khai	"	3 940	
	- Giao nguyên khai Cty CB (giao tay ba)	"	80	
b	Than giao cho các Công ty kho vận, cảng	"	680	
	- Than sạch	"	680	
3	**Doanh thu tổng số**	**tr.đồng**	**9 424 516**	
3.1	Doanh thu sản xuất than	"	9 424 516	
3.2	Doanh thu sản xuất kinh doanh khác	"		
4	**Lợi nhuận**	**tr.đồng**	**130 398**	
	- Sản xuất than	"	130 398	
	- Sản xuất khác	"		
5	**Tỷ lệ lợi nhuận/Vốn CSH**	**%**	**30,43**	
6	**Giá thành, giá bán**			
	- Giá bán bình quân than quy sạch	đ/tấn	2300 346	
	- Giá thành bình quân than quy sạch	,,	2268 518	
7	**Lao động - Tiền lương**			
7.1	Lao động định mức	người	3 641	
	Trong đó: Sản xuất than		3 641	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Công ty than Cao Sơn	
			Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
7.2	Tiền lương bình quân	1000đ/ng-thg	11 855	
	Trong đó: Sản xuất than	,,	11 855	
7.3	Đơn giá tiền lương			
	+ Sản xuất than [không b.gồm lương người q.lý]	đ/1000đ DT SXT	54,6	
8	**Khấu hao tài sản**			
	- Công ty trích khấu hao theo chế độ quy định			
	tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày			
	25/4/2013			

PHỤ LỤC SỐ 02:
KẾ HOẠCH GIAO THAN CHO TẬP ĐOÀN NĂM 2024

ĐVT: 1000t

TT	Chủng loại than	Công ty Cao Sơn
	Tổng số (1+2):	**4 700**
1	**Than sạch**	**680**
	- Cục 2a.4	
	- Cục 2b.2	
	- Cục 4a.2	
	- Cục 4a.3	
	- Cục 4b.3	
	- Cục 5a.1	
	- Cục 5b.1	
	- Cục 5b.2	
	- Cục xô 1a	
	- Cục xô 1b	84
	- Cục xô 1c	
	- Cục 7c	
	- Cục 8a	
	- Cục 8b	
	- Cám 2	
	- Cám 3b	
	- Cám 3c	
	- Cám 4a	
	- Cám 4b	
	- Cám 5a	
	- Cám 5b	
	- Cám 6a	
	- Cám 6b	
	- Cám 7a	60
	- Cám 7b	256
	- Cám 7c	
	- Cám 8a	280
	- Cám 8b	
	- Cám 8c	
	- Bùn tuyển 3a	
	- Bùn tuyển 3b	
	- Bùn tuyển 3c	
	- Bùn tuyển 4c	
2	**Than nguyên khai**	**4 020**
2.1	**Than nguyên khai NMT**	**2 140**
	Đất đá (15%)	321
	- Than cục +15mm	58
	- Than cám 0-15 mm	1 656
	- Kẹp xít	105
2.2	**Than nguyên khai NMT (Khe Chàm)**	**1 800**

TT	Chủng loại than	Công ty Cao Sơn
	Đất đá (15%)	270
	- Than cục +15mm	49
	- Than cám 0-15 mm	1 393
	- Kẹp xít	88
2.3	**Than NK giao Cty chế biến**	**80**
	Đất đá (15%)	12
	- Than cục +15mm	2
	- Than cám 0-15 mm	62
	- Kẹp xít	4

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TUYỂN THAN CỬA ÔNG - TKV

Số **05** /HĐ-TTCO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cửa Ông, ngày 02 tháng 01 năm 2024

HỢP ĐỒNG
V/v: Mua bán than mỏ năm 2024
(Vận chuyển bằng đường sắt)

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015; Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ quyết định số 1221/QĐ-TKV ngày 04/08/2022 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt nam v/v ban hành quy định về quản lý cân thương mại và giao nhận than về khối lượng trong nội bộ Tập đoàn;

Căn cứ quyết định số 1222/QĐ-TKV ngày 04/08/2022 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam v/v: Ban hành quy định về công tác giám định khối lượng, chất lượng than;

Căn cứ quyết định số 699/QĐ- TKV ngày 05/5/2022 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc ban hành Quy định phát hành hóa đơn, thanh toán công nợ trong nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam;

Căn cứ quyết định số 2318/QĐ-TKV ngày 26/12/2023 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, về việc ban hành các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2024 của Tập đoàn các công ty TKV;

Chúng tôi gồm có:

Bên bán:	**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN -TKV**
Địa chỉ:	Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm phả, tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại:	0203.3862 337 FAX:0203.3863.945
Tài khoản số:	1106 4242 8888, Mở tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh
Mã số thuế:	5702053837
Người đại diện:	**Ông Phạm Quốc Việt** Chức vụ: Giám đốc làm đại diện
Bên mua:	**CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN KHOÁNG SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY TUYỂN THAN CỬA ÔNG-TKV**
Địa chỉ:	Tổ 48, Khu 4B2, P.Cửa Ông, TP Cẩm phả, Tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại:	0203 3865 054 FAX: 0203 3865 656
Tài khoản số:	119 0000 10610 Mở tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh.
Mã số thuế:	5700100256-033
Người đại diện:	**Ông Nguyễn Quang Hưng** Chức vụ: Phó Giám đốc làm đại diện

Ủy quyền ngày 14/12/2023 của Giám đốc Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng mua bán than mỏ với các điều khoản sau:

Điều 1. Khối lượng; chất lượng than

1. Khối lượng

Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV bán cho Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV 2.140.000 tấn than nguyên khai mỏ;

2. Chất lượng than

- Chất lượng than nguyên khai: Giao nhận chất lượng theo quy định của Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam năm 2024. Bên bán không được giao than nguyên khai có tỷ lệ Đá, xít thuần +15mm; cỡ hạt; độ tro Cấp -15mm vượt quá phẩm cấp than nguyên khai theo Quyết định ban hành giá bán than của TKV năm 2024, nếu vượt thì bên mua dừng nhận than.

- Bên bán có trách nhiệm xử lý tối đa tạp chất lẫn trong than như: dăm gỗ, sắt thép, đất sét và các loại tạp chất khác.

- Để ổn định công nghệ sàng tuyển và giảm tỉ lệ than bùn theo kế hoạch TKV giao, bên bán giao than nguyên khai có cỡ hạt -1mm <34%. Nếu tỷ lệ cỡ hạt -1mm trong than nguyên khai từ 34% ÷ 40%, bên bán có trách nhiệm thông báo kịp thời cho bên mua, để bên mua có phương án điều chỉnh công nghệ sàng tuyển, không để ách tắc sản xuất. Nếu bên bán liên tục giao than có tỷ lệ cỡ hạt -1mm từ 34%÷40% và không có giải pháp để xử lý cỡ hạt -1mm < 34% thì bên mua từ chối nhận than.

- Yêu cầu than nguyên khai giao cho bên mua, bên bán phải tổ chức chế biến pha trộn từ đầu nguồn, đảm bảo than giao phải đồng đều và ổn định về chất lượng. Bên mua từ chối nhận các đoàn than hoặc các toa xe than có tỷ lệ cỡ hạt -1mm trong than nguyên khai >40%, các đoàn than có các toa xe than tốt xấu lẫn lộn không đồng đều chất lượng (làm ảnh hưởng xấu đến công nghệ sản xuất trong các nhà máy tuyển) mặc dù chất lượng cả đoàn tàu đạt yêu cầu theo bình quân gia quyền.

Điều 2. Vận chuyển, giao nhận than

1. Thời gian; địa điểm giao nhận than

a) Vận chuyển than: Bên mua vận chuyển than từ máng ga các mỏ về các nhà máy Tuyển của bên mua bằng đường sắt.

b) Thời gian giao nhận: than giao nhận liên tục 3 ca (24 giờ) trong ngày, trường hợp có sự cố hai bên gặp nhau giải quyết kịp thời thông qua Phòng Điều khiển Sản xuất của các bên.

c) Địa điểm giao nhận

- Giao nhận chất lượng than tại máng ga của Đơn vị giao than.
- Giao nhận số lượng than tại trạm cân tầu hoả động của Công ty Tuyển than Cửa Ông –TKV tại Phường Cửa Ông, Cẩm phả, Quảng ninh.

2. Tiến độ giao nhận: Giao nhận căn cứ kế hoạch hàng tháng, quí, năm theo điều hành của Tập đoàn Công nghiệp Than -Khoáng sản Việt Nam và căn cứ vào chỉ tiêu tiêu thụ than.

3. Thành phần và các chứng từ giao nhận

a) Đại diện của bên mua (Gồm có: Công nhân KCS và vận hành cân);

b) Đại diện của bên bán;

c) Đại diện của Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomin;

- Đại diện của Bên mua và Bên bán chấp nhận khối lượng; chất lượng thì lập chứng từ mua bán than theo từng loại than và từng chuyến tàu. Chứng từ lập thành 6 liên, bên mua giữ 4 liên, bên bán giữ 2 liên.Chứng từ gồm có:

+ Phiếu giao nhận than mỏ;

+ Giấy chứng nhận số lượng (Phiếu giao than tàu kéo);

+ Giấy chứng nhận chất lượng, khối lượng do C.ty Cổ phần Giám định–Vinacomin cấp

+ Các giấy tờ khác nếu cần thiết.

- Chứng từ đối chiếu thanh toán phải đầy đủ hợp lệ và không tẩy xoá.

- Hai bên cử đại diện (do Giám đốc đơn vị uỷ quyền) thực hiện hợp đồng mua bán than ký kết vào các chứng từ giao nhận than hàng ngày và hoàn toàn chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng than đã giao nhận, tổ chức đối chiếu số lượng, chất lượng làm cơ sở thanh toán theo quy định.

- Chứng từ giao nhận số lượng, chất lượng hàng ngày: bên bán gửi cho bên mua chứng từ ngày hôm trước ngay ngày hôm sau liền kề để làm cơ sở báo cáo TKV theo quy định.

- Công ty Cổ phần Giám định là đơn vị chủ trì giám định khối lượng, chất lượng và cấp đầy đủ chứng thư giám định về khối lượng, chất lượng than giao nhận cho các bên (*căn cứ quyết định số 1222/QĐ-TKV ngày 04/08/2022 của Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than -Khoáng sản Việt Nam*), chịu trách nhiệm trước TKV về các kết quả thể hiện trong chứng thư giám định. Chứng thư giám định là cơ sở để thanh toán hàng tháng giữa các bên theo quy định của TKV. Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomin chủ trì giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện giám định.

4. Phương thức giao nhận

a) Giao nhận chất lượng

- Hai bên tổ chức lấy mẫu và giao nhận chất lượng than tại các điểm lấy mẫu của máng ga Bên bán (Đơn vị giao than).

- Chất lượng than nguyên khai ban đầu được xác định tại máng ga mỏ tỷ lệ Than thuần (cục) +15mm; tỷ lệ Than trung gian +15mm; tỷ lệ Đá, xít thuần +15mm trong than nguyên khai, độ tro Cấp -15mm trong than nguyên khai. Kết quả phân tích của Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomin, làm cơ sở để cấp chứng thư. Các bên tham gia giám định tự đối chiếu, khi có sai lệch về kết quả giám định thì kiến nghị Công ty Cổ phần Giám định -Vinacomin, bóc niêm phong mẫu lưu có sự chứng kiến, giám sát của các bên để phân tích đối chứng tại trạm Giám định TKV, kết quả phân tích mẫu lưu được dùng để cấp chứng thư.

b) Giao nhận số lượng

- Giao nhận mô hình ban đầu tại các máng ga mỏ: Bên mua ký phiếu giao nhận than ban đầu khi đoàn tầu than đã được kéo ra khỏi ranh giới sân ga của Đơn vị giao than (Bên bán). Phiếu do bên bán (Công ty giao than phát hành) và có ghi rõ nội

dung: Mô hình chất tải than trên các toa xe đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, còn nguyên vẹn, không có hiện tượng cào bới mất cắp than.

- Khối lượng than được hai bên giao nhận xác định bằng khối lượng than thực tế qua hệ thống cân tầu hoả động của Công ty Tuyển than Cửa Ông –TKV. Các bên tham gia giám định khối lượng ký phiếu xác nhận khối lượng từng đoàn than qua cân (phiếu do trạm cân in ra). Kết thúc ca sản xuất ký xác nhận phiếu tổng hợp và xác nhận tổng số lượng than giao nhận trong ca.

- Tất cả các đoàn tàu không tải (Đầu máy+ toa xe) trước khi nhận than đều phải qua cân tàu hỏa động để cân khối lượng không tải và được hai bên giao nhận thống nhất mới được chất tải lên toa xe.

- Đối với các đoàn tàu chở than mỏ khi chất tải xuống toa xe mà kiểm tra không đảm bảo chất lượng hoặc các bên chưa thống nhất về chất lượng thì không được kéo, bộ phận giao nhận phải báo cáo điều hành sản xuất xin ý kiến giải quyết của giám đốc hai bên.

- Để đảm bảo cân tàu hoả động hoạt động ổn định và chính xác, tốc độ chạy tàu khi qua cân khống chế ở mức tối đa: 15km/h.

- Bên mua có trách nhiệm quản lý, vận hành cân đúng quy trình và đảm bảo cân hoạt động chính xác, liên tục. Khi có chương trình sửa chữa, kiểm định hoặc trạm cân bị lỗi kỹ thuật phải mời cơ quan kiểm định và thành phần các bên tham gia giám sát (Đại diện Công ty Tuyển than Cửa Ông- TKV, Đại diện các đơn vị giao than, Công ty Cổ phần Giám định- Vinacomin) về để giải quyết, thì trong thời gian này áp dụng giao than bằng mô hình toa xe, đồng thời bên mua phải thông báo trước cho bên bán bằng văn bản, để hai bên phối hợp thực hiện.

- Trường hợp trạm cân hoạt động bình thường, không phát hiện được các lỗi kỹ thuật cụ thể nhưng kết quả của phép cân không bình thường, nằm ngoài giới hạn khảo sát thì trường hợp này trạm cân được coi là bị lỗi kỹ thuật.

- Khi trạm cân bị lỗi kỹ thuật, hoặc có chương trình sửa chữa, kiểm định phải mời cơ quan kiểm định và thành phần các bên tham gia giám sát (đại diện bên mua, bên bán, Công ty CP Giám định – Vinacomin). Bên mua phải thông báo kịp thời cho bên bán bằng văn bản để hai bên phối hợp thực hiện, đồng thời trong thời gian này áp dụng giao than bằng phương pháp giám định khối lượng riêng (**khối lượng = thể tích x tỷ khối**) và phải được thống nhất bằng biên bản giữa hai bên và Công ty CP Giám định – Vinacomin. Tỷ khối than được áp dụng theo mùa hàng năm (mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 9, mùa khô từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau).

- Khối lượng bù trừ được tính toán khi độ ẩm toàn phần ($W_{tp}^{\%}$) giảm hoặc tăng so với độ ẩm toàn phần trung bình theo TCVN, TCCS hiện hành được TKV công bố.

Điều 3. Đơn giá và thanh toán

1. Đơn giá: Thực hiện theo các Quyết định ban hành giá của Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt nam.

Khi TKV có quyết định điều chỉnh đơn giá mua/bán than hai bên căn cứ cùng nhau thực hiện.

2. Thanh toán

- Khối lượng và chất lượng thanh toán:

+ Chất lượng than sạch trong nguyên khai tính bình quân theo chuyến làm căn cứ để giám sát việc giao nhận chất lượng, tính bình quân 15 ngày 01 lần đối chiếu làm cơ sở thanh toán.

+ Hàng ngày căn cứ số lượng chất lượng than giao nhận, hai bên lập biên bản đối chiếu tiền than, bên bán xuất hóa đơn cho bên mua theo đúng quy định của TKV.

+ Kết thúc tháng, hai bên cùng nhau đối chiếu thống nhất số lượng, chất lượng than mua bán, lập biên bản đối chiếu xác nhận số lượng và giá trị theo quy định của TKV.

- Đồng tiền thanh toán: Việt nam đồng

- Phương thức thanh toán: Thanh toán trực tiếp hoặc bù trừ công nợ trong TKV. Bên Bán lập hóa đơn giao cho bên mua và Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam thanh toán cho bên Bán than theo hình thức trực tiếp hoặc bù trừ công nợ (*Thực hiện theo các quy định hiện hành của TKV ban hành*)

-Thời hạn thanh toán: Theo quy định Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam.

Điều 4. Trách nhiệm vật chất trong quá trình giao nhận than

1. Trách nhiệm vật chất trong công tác vận chuyển than

- Bên bán (Đơn vị giao than) chịu trách nhiệm bảo vệ toàn bộ khối lượng than trên đoàn tầu nằm trong khu vực sân ga do bên bán quản lý.

- Bên mua (Đơn vị nhận than) chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc bảo vệ khối lượng than và an toàn cho con người trên đoàn tầu khi đoàn tầu ra hết địa phận ga (Kết thúc ranh giới) của bên bán và trên suốt quãng đường vận chuyển đến vị trí cuối cùng là trạm cân toa xe tại Cửa Ông .

- Trường hợp than bị đánh cắp trên đường vận chuyển: Khi phát hiện ra trường hợp này, đoàn tầu than vẫn được đưa vào cân bình thường theo đúng quy trình cân toa xe, sau đó bên giao và bên nhận than lập biên bản mất than trong quá trình vận chuyển với nội dung cơ bản sau:

+ Xác nhận số toa xe bị mất than (Ghi rõ số toa xe; số lượng toa xe).

+ Xác nhận khối lượng than bị mất. Căn cứ vào kết quả cân để xác định và cách xác định như sau:

Khối lượng than bị mất = (Khối lượng trung bình của các toa xe có than nguyên vẹn - Khối lượng trung bình của các toa xe có than bị mất) x Số lượng toa xe mất than

- Căn cứ vào biên bản được lập, bên mua có trách nhiệm đền bù khối lượng than bị mất theo đơn giá mua bán than Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam quy định tại từng thời điểm.

2. Hai bên phối hợp

- Căn cứ kế hoạch tháng TKV giao cho từng đơn vị mỏ, bên bán chủ động đăng ký với bên mua về số lượng giao thực tế trong tháng.

- Hai bên phối hợp trao đổi thông tin tác nghiệp hàng ngày, tuần, tháng về các thay đổi thời gian (như ca/ngày nghỉ sửa chữa, nghỉ luân phiên....), các vướng mắc trong công tác giao than,... (các thông báo trao đổi qua phòng Điều khiển sản xuất hai bên)

- Đảm bảo an toàn cho người và thiết bị trong khu vực ga.

- Bên mua chịu trách nhiệm đưa đoàn tàu vào nhận than mỏ đảm bảo an toàn khi chất tải, toa xe đã được đóng chắc chắn, đảm bảo số lượng than trên đường vận chuyển.

- Bên bán chỉ tổ chức rót than khi các toa xe của bên mua đã được đóng chắc chắn, đảm bảo an toàn khi rót than và vận chuyển.

- Bên bán có trách nhiệm chất tải than 30m^3/1toa xe để tận dụng sức kéo và đảm bảo khối lượng khi giao bằng mô hình. Nếu bên bán không rót đủ tải theo sơ đồ qui định phải bồi thường cho bên mua chi phí vận tải ứng với số tấn thiếu tải theo đơn giá vận chuyển đường sắt TKV ban hành hoặc theo thảo thuận giữa hai bên.

- Bên bán chịu trách nhiệm đảm bảo đủ ánh sáng, vệ sinh, an toàn và bảo vệ tài sản trong khu vực sân ga cách hai đầu máng + 50 m. Than rơi vãi, bị mất cắp trên toa xe trong khu vực ga, bên mua trừ vào than đã chất lên thùng xe. Quá trình chất tải và đoàn tàu hoạt động trong khu vực ga nếu bị mất cắp tài sản hoặc sự cố làm hư hỏng đầu tầu, toa xe, đường sắt, nhà ga, thông tin tín hiệu hoặc tài sản của mỏ thì do lỗi của bên nào bên đó phải bồi thường vật chất cho bên thiệt hại.

- Bên bán tạo điều kiện tối đa về ánh sáng, chống bụi và các điều kiện hỗ trợ khác tại mặt bằng máng ga, phục vụ cho việc lấy mẫu xác định chất lượng - số lượng đảm bảo khách quan trung thực.

- Khi rót than tại máng ga, nếu bên mua phát hiện có đá +100 mm, dăm gỗ, đất sét và tỷ lệ đá +15mm>15% bên bán có phương án xử lý kịp thời trước khi bên mua kéo than về Nhà máy tuyển.

3. Quy định tăng giảm giá theo chất lượng than nguyên khai

Thực hiện theo các quyết định của Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam về giá bán than tại từng thời điểm.

4. Thủ tục giải quyết tranh chấp

- Những phát sinh ngoài các thoả thuận trên trong quá trình sản xuất xảy ra thì đại diện 2 bên tại máng ga kịp thời giải quyết để không gây ách tắc cho sản xuất và thông báo về cơ quan mỗi bên. Các trường hợp tai nạn, sự cố hoặc mất cắp tài sản thì 2 bên cử cán bộ điều tra, lập biên bản xác định nguyên nhân quy kết trách nhiệm bồi thường thiệt hại và phối hợp xử lý nhanh để sản xuất.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản đã ghi trong Hợp đồng này. Nếu gặp khó khăn vướng mắc, hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết và thống nhất bằng văn bản. Trường hợp vướng mắc mà không thương lượng được, thì có thể đưa vụ việc ra tòa án kinh tế Quảng Ninh giải quyết tranh chấp theo quy định của Pháp luật.

- Các điều kiện không quy định trong Hợp đồng này sẽ được hai bên thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam ban hành các văn bản quyết định mới thì hai bên sẽ thực hiện theo văn bản mới của Tập đoàn và được coi là phụ lục không tách rời kèm theo bản hợp đồng này.

- Hợp đồng lập thành 08 bản mỗi bên 04 bản và có hiệu lực từ ngày ký đến 31/12/2024.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN **GIÁM ĐỐC**	**ĐẠI DIỆN BÊN MUA** **KT.GIÁM ĐỐC** **PHÓ GIÁM ĐỐC**
Phạm Quốc Việt	**Nguyễn Quang Hưng**

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TUYỂN THAN CỬA ÔNG - TKV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số **07** /HĐ-TTCO

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 01 năm 2024

HỢP ĐỒNG
Mua bán than mỏ năm 2024
(Vận chuyển bằng băng tải cấp than cho PX Tuyển than 4 - C.ty Tuyển than Cửa Ông)

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015, Luật Thương mại số 36 ngày 14 tháng 6 năm 2005 ;

Căn cứ quyết định số 1221/QĐ-TKV ngày 04/08/2022 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt nam v/v ban hành quy định về quản lý cân thương mại và giao nhận than về khối lượng trong nội bộ Tập đoàn;

Căn cứ quyết định số 1222/QĐ-TKV ngày 04/08/2022 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam v/v: Ban hành quy định về công tác giám định khối lượng, chất lượng than;

Căn cứ quyết định số 699/QĐ- TKV ngày 05/5/2022 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc ban hành Quy định phát hành hóa đơn, thanh toán công nợ trong nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam;

Căn cứ quyết định số 2318/QĐ-TKV ngày 26/12/2023 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, về việc ban hành các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2024 của Tập đoàn các công ty TKV;

Chúng tôi gồm có:

Bên bán:	**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN –TKV**
Địa chỉ:	Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm phả, tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại:	0203.3862 337 FAX: 0203 3863 945
Tài khoản số:	1106 4242 8888, Mở tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh
Mã số thuế:	5702053837
Người đại diện:	**Ông Phạm Quốc Việt** Chức vụ Giám đốc
Bên mua:	**CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN KHOÁNG SẢN VIỆT NAM- CÔNG TY TUYỂN THAN CỬA ÔNG-TKV**
Địa chỉ:	Tổ 48, Khu 4B2, P.Cửa Ông, TP Cẩm phả, Tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại:	0203 3865 054 FAX: 0203 3865 656
Tài khoản số:	119 0000 10610 Mở tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh.
Mã số thuế:	5700100256-033
Người đại diện:	**Ông Nguyễn Quang Hưng** Chức vụ: Phó Giám đốc làm đại diện Ủy quyền ngày 14/12/2023 của Giám đốc Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng mua bán than mỏ với các điều khoản sau:

Điều 1. Khối lượng; chất lượng than

1. Khối lượng

Công ty Cổ phần Than Cao Sơn –TKV bán cho Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV 1.800.000 tấn than nguyên khai mỏ cấp cho phân xưởng Tuyển than 4 (Tuyển than Khe Chàm).

2. Chất lượng than

- Chất lượng than nguyên khai: Giao nhận chất lượng theo quy định của Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam năm 2024. Bên bán không được giao than nguyên khai có tỷ lệ Đá, xít thuần +15mm; cỡ hạt; độ tro Cấp -15mm vượt quá phẩm cấp than nguyên khai theo Quyết định ban hành giá bán than của TKV năm 2024, nếu vượt thì bên mua dừng nhận than.

- Bên bán có trách nhiệm xử lý tối đa tạp chất lẫn trong than như: dăm gỗ, sắt thép, đất sét và các loại tạp chất khác.

Điều 2. Vận chuyển, giao nhận than

1. Vận chuyển; thời gian; địa điểm giao nhận than

a) Vận chuyển than: Bên mua thuê Công ty Môi trường vận chuyển than bằng băng tải về Nhà máy Tuyển than 4.

b) Thời gian giao nhận: Hai bên giao nhận liên tục 3 ca (24 giờ) trong ngày. Trường hợp có sự cố hai bên gặp nhau giải quyết kịp thời thông qua Phòng Điều khiển Sản xuất của các bên.

c) Địa điểm giao nhận

- Giao nhận chất lượng: Tại điểm lấy mẫu hai bên thống nhất.
- Giao nhận số lượng: Giao nhận bằng cân băng tải của bên bán.

2. Tiến độ giao nhận: Giao nhận căn cứ kế hoạch điều hành của Tập đoàn Công nghiệp Than -Khoáng sản Việt Nam.

3. Thành phần và các chứng từ giao nhận

a) Đại diện của bên mua;

b) Đại diện của bên bán;

c) Đại diện bên vận chuyển (Nếu có);

d) Đại diện của Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomin;

- Đại diện của Bên mua; Bên bán và Bên vận chuyển chấp nhận khối lượng; chất lượng thì lập chứng từ mua bán than theo từng loại than. Chứng từ lập thành 6 liên, bên mua giữ 4 liên, bên bán giữ 2 liên.Chứng từ gồm có:

+ Phiếu giao nhận than mỏ;

+ Giấy chứng nhận số lượng (Phiếu giao than cho từng lô than qua băng tải);

+ Giấy chứng nhận chất lượng, khối lượng do Công ty Cổ phần Giám định-Vinacomin cấp

+ Các giấy tờ khác nếu cần thiết.

- Chứng từ đối chiếu thanh toán phải đầy đủ hợp lệ và không tẩy xoá.

- Hai bên cử đại diện (do Giám đốc đơn vị uỷ quyền, cho phép) để thực hiện hợp đồng mua bán than ký kết vào các chứng từ giao nhận than hàng ngày và hoàn toàn chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng than đã giao nhận, tổ chức đối chiếu số lượng, chất lượng làm cơ sở thanh toán theo quy định.

- Chứng từ giao nhận số lượng, chất lượng hàng ngày: bên bán gửi cho bên mua chứng từ ngày hôm trước ngay ngày hôm sau liền kề để làm cơ sở báo cáo TKV theo quy định.

- Công ty Cổ phần Giám định là đơn vị chủ trì giám định khối lượng, chất lượng và cấp đầy đủ chứng thư giám định về khối lượng, chất lượng than giao nhận cho các bên (*căn cứ quyết định số 1222/QĐ-TKV ngày 04/08/2022 của Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than -Khoáng sản Việt Nam*), chịu trách nhiệm trước TKV về các kết quả thể hiện trong chứng thư giám định. Chứng thư giám định là cơ sở để thanh toán hàng tháng giữa các bên theo quy định của TKV. Công ty Cổ phần Giám định -Vinacomin chủ trì giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện giám định.

4. Phương thức giao nhận

a) Giao nhận chất lượng

Chất lượng than nguyên khai được các bên giao, nhận cùng lấy mẫu xác định tại điểm lấy mẫu quy định trên băng tải: tỷ lệ Than thuần (cục) +15mm; tỷ lệ Than trung gian +15mm; tỷ lệ Đá, xít thuần +15mm trong than nguyên khai, độ tro Cấp -15mm trong than nguyên khai. Kết quả phân tích của Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomin, làm cơ sở để cấp chứng thư. Các bên tham gia giám định tự đối chiếu, khi có sai lệch về kết quả giám định thì kiến nghị Công ty Cổ phần Giám định -Vinacomin, bóc niêm phong mẫu lưu có sự chứng kiến, giám sát của các bên để phân tích đối chứng tại trạm Giám định TKV, kết quả phân tích mẫu lưu được dùng để cấp chứng thư.

b) Giao nhận số lượng

- Bên bán có trách nhiệm quản lý, vận hành cân đúng quy trình và đảm bảo cân hoạt động chính xác, liên tục. Cân thực hiện giao nhận phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kiểm định và cấp chứng chỉ kiểm định cân.

- Khối lượng than được hai bên giao nhận xác định bằng khối lượng than thực tế qua hệ thống cân băng tải của bên bán tại điểm giao nhận được hai bên thống nhất. Các bên có nhiệm vụ cùng tham gia giám định khối lượng ký xác nhận khối lượng từng lô than qua cân tại các phiếu cân do trạm cân in ra. Kết thúc ca sản xuất ký xác nhận phiếu tổng hợp và xác nhận tổng số lượng than giao nhận trong ca.

- Khối lượng bù trừ được tính toán khi độ ẩm toàn phần (Wtp%) giảm hoặc tăng so với độ ẩm toàn phần trung bình theo TCVN, TCCS hiện hành được TKV công bố.

- Trường hợp trạm cân bị lỗi kỹ thuật: Có thể xác định được ngay trạm cân bị lỗi kỹ thuật hoặc tình trạng trạm cân bình thường không phát hiện được các lỗi kỹ thuật cụ thể nhưng kết quả của phép cân không bình thường, nằm ngoài giới hạn khảo sát thì trường hợp này trạm cân được coi là bị lỗi kỹ thuật và khi đó khối lượng than giao nhận được thực hiện bằng cân đối chứng của bên mua.

- Khi trạm cân bị lỗi kỹ thuật hoặc có chương trình sửa chữa, kiểm định, bên bán phải mời cơ quan kiểm định và thành phần các bên tham gia giám sát (đại diện bên mua, bên bán, Công ty Cổ phần Giám định- Vinacomin). Bên bán phải thông

báo kịp thời cho bên mua bằng văn bản để hai bên phối hợp thực hiện, đồng thời trong thời gian này áp dụng giao than bằng cân đối chứng của bên mua.

- Trong trường hợp cân của bên mua, bên bán và đơn vị vận chuyển đều bị lỗi, hai bên cùng Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomin lập biên bản và cùng nhau thống nhất phương án giao nhận.

Điều 3. Đơn giá và thanh toán

1. Đơn giá: Thực hiện theo các Quyết định ban hành giá của Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt nam.

Khi TKV có quyết định điều chỉnh đơn giá mua/bán than hai bên cùng căn cứ thực hiện.

2. Thanh toán

- Khối lượng và chất lượng thanh toán:

+ Chất lượng than nguyên khai tính bình quân theo lô than làm căn cứ để giám sát việc giao nhận chất lượng, tính bình quân 15 ngày 01 lần đối chiếu làm cơ sở thanh toán.

+ Hàng kỳ căn cứ số lượng chất lượng than giao nhận, hai bên lập biên bản đối chiếu bên bán xuất hóa đơn cho bên mua theo đúng quy định của TKV.

+ Kết thúc tháng, hai bên cùng nhau đối chiếu thống nhất số lượng, chất lượng than mua bán, lập biên bản đối chiếu xác nhận số lượng và giá trị theo quy định của TKV.

- Đồng tiền thanh toán: Việt nam đồng

- Phương thức thanh toán: Thanh toán trực tiếp hoặc bù trừ công nợ trong TKV. Bên bán lập hóa đơn giao cho bên mua và Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam thanh toán cho bên Bán than theo hình thức trực tiếp hoặc bù trừ công nợ (*Thực hiện theo các quy định hiện hành của TKV ban hành*)

-Thời hạn thanh toán: Theo quy định Tập đoàn CN than - Khoáng sản Việt Nam.

Điều 4. Trách nhiệm vật chất trong quá trình giao nhận than

1. Trách nhiệm vật chất trong công tác vận chuyển than

- Bên bán chịu trách nhiệm vận chuyển than đến máng cấp liệu của bên mua.

- Bên bán chịu trách nhiệm về khối lượng và chất lượng than đến vị trí giao nhận

- Bên mua phối hợp với bên vận chuyển chịu trách nhiệm bảo vệ toàn bộ khối lượng than qua cân bên bán (cân thương mại)

2. Hai bên phối hợp

- Căn cứ kế hoạch tháng TKV giao cho từng đơn vị mỏ, bên bán chủ động đăng ký với bên mua về số lượng giao thực tế trong tháng.

- Hai bên phối hợp trao đổi thông tin tác nghiệp hàng ngày, tuần, tháng về các thay đổi thời gian (như ca/ngày nghỉ sửa chữa, nghỉ luân phiên....), các vướng mắc trong công tác giao than,... (các thông báo trao đổi qua phòng Điều khiển sản xuất hai bên)

- Đảm bảo an toàn cho người và thiết bị trong khu vực giao nhận.

- Bên bán chịu trách nhiệm đảm bảo đủ ánh sáng, vệ sinh, an toàn và bảo vệ tài sản trong khu vực giao than.

- Bên mua tạo điều kiện tối đa về ánh sáng, chống bụi, chống mưa gió tại khu vực lấy mẫu và các điều kiện hỗ trợ khác tại mặt bằng địa điểm giao than, phục vụ cho việc lấy mẫu xác định chất lượng đảm bảo khách quan trung thực.

3. Quy định tăng giảm giá theo chất lượng than nguyên khai

Thực hiện theo các quyết định của Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam về giá bán than tại từng thời điểm.

4. Thủ tục giải quyết tranh chấp

Những phát sinh ngoài các thoả thuận trên trong quá trình sản xuất xảy ra thì đại diện 2 bên tại địa điểm giao than kịp thời giải quyết để không gây ách tắc cho sản xuất và thông báo về cơ quan mỗi bên. Các trường hợp tai nạn, sự cố hoặc mất cắp tài sản thì 2 bên cử cán bộ điều tra, lập biên bản xác định nguyên nhân quy kết trách nhiệm bồi thường thiệt hại và phối hợp xử lý nhanh để sản xuất.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản đã ghi trong Hợp đồng này. Nếu gặp khó khăn vướng mắc, hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết và thống nhất bằng văn bản. Trường hợp vướng mắc mà không thương lượng được, thì có thể đưa vụ việc ra tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết tranh chấp theo quy định của Pháp luật. Chi phí cho việc giải quyết tranh chấp bên vi phạm chịu 100%.

- Các điều kiện không quy định trong Hợp đồng này sẽ được hai bên thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam ban hành các văn bản quyết định mới thì hai bên sẽ thực hiện theo văn bản mới của Tập đoàn và được coi là phụ lục không tách rời kèm theo bản hợp đồng này.

- Hợp đồng lập thành 08 bản mỗi bên 04 bản và có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2024.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN	**ĐẠI DIỆN BÊN MUA**
GIÁM ĐỐC	**KT.GIÁM ĐỐC**
	PHÓ GIÁM ĐỐC
M.S.D.N: 5702053837 CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV TP. CẨM PHẢ - T. QUẢNG NINH	M.S.C.N: 5700[illegible]033-C.T.[illegible] CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN CN THAN - KS VIỆT NAM CÔNG TY TUYỂN THAN CỦA ÔNG - TKV TP. CẨM PHẢ - T. QUẢNG NINH
Phạm Quốc Việt	**Nguyễn Quang Hưng**

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TUYỂN THAN CỬA ÔNG - TKV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số **09** /HĐ-TTCO

Cửa Ông, ngày 02 tháng 01 năm 2024

HỢP ĐỒNG
V/v: Mua bán than nguyên khai năm 2024
(Than nguyên khai giao thẳng)

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015, Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ quyết định số 1221/QĐ-TKV ngày 04/08/2022 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt nam v/v ban hành quy định về quản lý cân thương mại và giao nhận than về khối lượng trong nội bộ Tập đoàn;

Căn cứ quyết định số 1222/QĐ-TKV ngày 04/08/2022 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam v/v: Ban hành quy định về công tác giám định khối lượng, chất lượng than;

Căn cứ quyết định số 699/QĐ- TKV ngày 05/5/2022 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc ban hành Quy định phát hành hóa đơn, thanh toán công nợ trong nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam;

Căn cứ quyết định số 2318/QĐ-TKV ngày 26/12/2023 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, về việc ban hành các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2024 của Tập đoàn các công ty TKV;

Chúng tôi gồm có:

Bên bán: **CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN –TKV**
Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm phả, tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại: 0203.3862 337 FAX: 0203 3863 945
Tài khoản số: 1106 4242 8888, Mở tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh
Mã số thuế: 5702053837
Người đại diện: **Ông Phạm Quốc Việt** Chức vụ Giám đốc

Bên mua: **CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN KHOÁNG SẢN VIỆT NAM- CÔNG TY TUYỂN THAN CỬA ÔNG-TKV**
Địa chỉ: Tổ 48, Khu 4B2, P.Cửa Ông, TP Cẩm phả, Tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại: 0203 3865 054 FAX: 0203 3865 656
Tài khoản số: 119 0000 10610 Mở tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh.
Mã số thuế: 5700100256-033
Người đại diện: **Ông Nguyễn Quang Hưng** Chức vụ: Phó Giám đốc làm đại diện
Ủy quyền ngày 14/12/2023 của Giám đốc Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng mua bán than mỏ với các điều khoản sau:

Điều 1. Khối lượng; chất lượng than.

1. Khối lượng

Công ty Cổ phần Than Cao Sơn–TKV bán cho Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV than nguyên khai mỏ để giao cho các Công ty chế biến than (Công ty Chế biến Than Quảng ninh – TKV và Công ty CP Kinh doanh than Cẩm phả - Vinacomin) theo điều hành của TKV hàng tháng.

Số lượng: thực hiện theo kế hoạch điều hành của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

2. Chất lượng than

- Chất lượng than nguyên khai: Giao nhận chất lượng theo quy định của Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam năm 2024.

Điều 2. Giao nhận than

1. Thời gian; địa điểm giao nhận than

a) Thời gian giao nhận: Từ 6^h00 đến 18^h00 hàng ngày kể cả ngày chủ nhật và ngày lễ.

b) Địa điểm giao nhận

- Than được giao tại kho của bên bán: kho than mức + 33 ÷ +40 (khu vực Cao Sơn) và kho mặt bằng + 135 (Khu vực Khe Chàm II) và các kho khác của bên bán (nếu có).

- Bên bán chịu trách nhiệm chất tải than lên phương tiện vận chuyển của Công ty Chế biến Than Quảng Ninh – TKV, Công ty Cổ phần Kinh doanh Than Cẩm Phả - Vinacomin.

2. Tiến độ giao nhận: Giao nhận căn cứ theo kế hoạch điều hành của Tập đoàn Công nghiệp Than -Khoáng sản Việt Nam.

3. Phương thức giao nhận

Than giao tại cân ô tô (cân thương mại) trên phương tiện vận chuyển (ô tô tải) của Công ty chế biến than (giao nhận tay ba giữa Công ty CP Than Cao Sơn- TKV; Công ty Tuyển than Cửa Ông –TKV và Công ty chế biến than)

- Chất lượng than nguyên khai giao, được xác định tại điểm lấy mẫu có các tỷ lệ Than thuần (cục) +15mm; tỷ lệ Than trung gian +15mm; tỷ lệ Đá, xít thuần +15mm trong than nguyên khai, độ tro Cấp -15mm và độ ẩm các cấp hạt trong than nguyên khai. Kết quả phân tích của Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomin, làm cơ sở để cấp chứng thư. Các bên tham gia giám định tự đối chiếu khi có sự sai lệch về kết quả giám định vượt quá quy định (không đồng ý với kết quả của Giám định) thì kiến nghị Công ty Cổ phần Giám định -Vinacomin, bóc niêm phong mẫu lưu có sự chứng kiến, giám sát của các bên để phân tích đối chứng tại trạm Giám định TKV, kết quả phân tích mẫu lưu được dùng để cấp chứng thư.

- Khối lượng than được hai bên giao nhận xác định bằng khối lượng than thực tế qua hệ thống cân ô tô bên bán (hoặc cân thương mạibên bán thuê)

- Bên bán có trách nhiệm quản lý, vận hành cân đúng quy trình và đảm bảo cân hoạt động chính xác, liên tục. Cân thực hiện giao nhận phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kiểm định và cấp chứng chỉ kiểm định cân.

- Than nguyên khai giao nhận tại điểm giao nhận của đơn vị giao than (trạm cân bên bán), các bên có nhiệm vụ cùng tham gia giám định khối lượng ký xác nhận khối lượng từng lô than qua cân tại các phiếu cân do trạm cân in ra. Kết thúc ngày giao nhận ký xác nhận phiếu tổng hợp và xác nhận tổng số lượng than giao nhận trong ngày.

- Trường hợp trạm cân hoạt động bình thường, không phát hiện được các lỗi kỹ thuật cụ thể nhưng kết quả của phép cân không bình thường, nằm ngoài giới hạn khảo sát thì trường hợp này trạm cân được coi là bị lỗi kỹ thuật các thành phần giao nhận cùng nhau lập biên bản, dừng giao nhận đồng thời báo cáo lãnh đạo Công ty và TKV.

- Khối lượng bù trừ được tính toán khi độ ẩm toàn phần ($W_{tp}^{\%}$) giảm hoặc tăng so với độ toàn phần trung bình theo TCVN, TCCS hiện hành được TKV công bố.

4. Thành phần và các chứng từ giao nhận

- Thành phần giao nhận:

+ Đại diện của bên mua;

+ Đại diện của bên bán;

+ Đại diện Công ty chế biến than;

+ Đại diện của Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomin;

- Chứng từ gồm có:

+ Biên bản tổng hợp xác nhận khối lượng qua cân (phiếu cân)

+ Biên bản đối chiếu số lượng than nguyên khai (cho từng lô than)

+ Biên bản lấy mẫu (cho từng lô than)

+ Biên bản kết quả giám định khối lượng chất lượng than (cho từng lô than)

+ Các giấy tờ khác nếu cần thiết.

- Chứng từ đối chiếu thanh toán phải đầy đủ hợp lệ và không tẩy xoá.

- Các bên cử đại diện (do Giám đốc đơn vị uỷ quyền/giao nhiệm vụ) để thực hiện hợp đồng mua bán than ký kết vào các chứng từ giao nhận than hàng ngày và hoàn toàn chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng than đã giao nhận, tổ chức đối chiếu số lượng, chất lượng làm cơ sở thanh toán theo quy định.

- Chứng từ giao nhận số lượng, chất lượng hàng ngày: Công ty Cổ phần Giám định -Vinacomin gửi cho bên mua chứng từ ngày hôm trước ngay ngày hôm sau liền kề để làm cơ sở báo cáo TKV theo quy định.

- Công ty Cổ phần Giám định là đơn vị chủ trì giám định khối lượng, chất lượng và cấp đầy đủ chứng thư giám định về khối lượng, chất lượng than giao nhận cho các bên (*căn cứ quyết định số 1222/QĐ-TKV ngày 04/08/2022 của Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than -Khoáng sản Việt Nam*), chịu trách nhiệm trước TKV về các kết quả thể hiện trong chứng thư giám định. Chứng thư giám định là cơ sở để thanh

toán hàng tháng giữa các bên theo quy định của TKV. Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomin chủ trì giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện giám định.

Điều 3. Đơn giá và thanh toán

1. Đơn giá: Thực hiện theo các Quyết định ban hành giá của Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt nam.

Khi TKV có quyết định điều chỉnh đơn giá mua/bán than hai bên căn cứ cùng nhau thực hiện.

2. Thanh toán

- Khối lượng và chất lượng thanh toán:

+ Các bên tham gia giám định đối chiếu, thống nhất kết quả thực hiện đối với từng đoàn than, từng ca, từng ngày, 15 ngày để làm cơ sở cấp chứng thư 15 ngày.

+ Kết thúc giao nhận 1 lô hàng căn cứ số lượng chất lượng than giao nhận, hai bên lập biên bản đối chiếu tiền than, bên bán xuất hóa đơn cho bên mua theo đúng quy định của TKV.

+ Kết thúc tháng, hai bên cùng nhau đối chiếu thống nhất số lượng, chất lượng than mua bán, lập biên bản đối chiếu xác nhận số lượng và giá trị theo quy định của TKV.

- Đồng tiền thanh toán: Việt nam đồng

- Phương thức thanh toán: Bên Bán lập hóa đơn giao cho bên Mua và bên Mua thanh toán cho bên Bán than theo hình thức trực tiếp hoặc bù trừ công nợ (*Thực hiện theo các quy định hiện hành của TKV ban hành*)

-Thời hạn thanh toán: Theo quy định Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam.

Điều 4. Trách nhiệm vật chất trong quá trình giao nhận than

1. Trách nhiệm vật chất trong công tác vận chuyển than

- Bên bán chịu trách nhiệm chất tải than lên phương tiện vận chuyển của Đơn vị chế biến than (bên thứ ba) đảm bảo tải trọng vận chuyển.

- Bên bán chịu trách nhiệm bảo vệ toàn bộ khối lượng và chất lượng than trên phương tiện nằm trong khu vực giao than do bên bán quản lý.

- Bên mua và Đơn vị chế biến chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc bảo vệ khối lượng, chất lượng than và an toàn cho con người trên suốt quãng đường vận chuyển đến vị trí cuối cùng.

2. Các bên phối hợp

- Các bên phối hợp trao đổi thông tin tác nghiệp hàng ngày, tuần, tháng về các thay đổi thời gian (như ca/ngày nghỉ sửa chữa, nghỉ luân phiên....), các vướng mắc trong công tác giao than,... (các thông báo trao đổi qua phòng Điều khiển sản xuất hai bên).

- Đảm bảo an toàn cho người và thiết bị trong khu vực giao nhận.

- Bên bán tạo điều kiện tối đa về ánh sáng, chống bụi và các điều kiện hỗ trợ khác tại mặt bằng địa điểm giao than, phục vụ cho việc lấy mẫu xác định chất lượng - số lượng đảm bảo khách quan trung thực.

- Bên bán và đơn vị chế biến phối hợp thống nhất trước về các thông tin giao nhận (số lượng; vị trí kho; phương tiện vận tải…), sau đó đăng ký với Công ty Tuyển than Cửa Ông – TKV (phòng Điều khiển sản xuất) cụ thể để bố trí sắp xếp.

3. Quy định tăng giảm giá theo chất lượng than nguyên khai

Thực hiện theo các quyết định của Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam về giá bán than tại từng thời điểm.

4. Thủ tục giải quyết tranh chấp

- Những phát sinh ngoài các thoả thuận trên trong quá trình sản xuất xảy ra thì đại diện hai bên tại địa điểm giao than kịp thời giải quyết để không gây ách tắc cho sản xuất và thông báo về cơ quan mỗi bên. Các trường hợp tai nạn, sự cố hoặc mất cắp tài sản thì hai bên cử cán bộ điều tra, lập biên bản xác định nguyên nhân quy kết trách nhiệm bồi thường thiệt hại và phối hợp xử lý nhanh để sản xuất.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản đã ghi trong Hợp đồng này. Nếu gặp khó khăn vướng mắc, hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết và thống nhất bằng văn bản. Trường hợp vướng mắc mà không thương lượng được, thì có thể đưa vụ việc ra tòa án kinh tế Quảng Ninh giải quyết tranh chấp theo quy định của Pháp luật.

- Các điều kiện không quy định trong Hợp đồng này sẽ được hai bên thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam ban hành các văn bản quyết định mới thì hai bên sẽ thực hiện theo văn bản mới của Tập đoàn và được coi là phụ lục không tách rời kèm theo bản hợp đồng này.

- Hợp đồng lập thành 08 bản mỗi bên 04 bản và có hiệu lực từ ngày ký kết đến hết 31/12/2024.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN **GIÁM ĐỐC**	**ĐẠI DIỆN BÊN MUA** **KT.GIÁM ĐỐC** **PHÓ GIÁM ĐỐC**
Phạm Quốc Việt	**Nguyễn Quang Hưng**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN THAN NĂM 2024

SỐ: **04/2024**/HĐ/KVCP-TCS

- *Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số: 91/2015/QH13 do Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2015;*
- *Căn cứ Luật Thương Mại số: 36/2005/QH11 do Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14 tháng 06 năm 2005;*
- *Căn cứ Quyết định số: 966/QĐ-TKV ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Tập Đoàn Công Nghiệp Than - Khoáng Sản Việt Nam về việc Ban hành quy định về tổ chức hoạt động kinh doanh than;*
- *Căn cứ Quyết định số: 462/QĐ-TKV ngày 10 tháng 3 năm 2014 của Tập Đoàn Công Nghiệp Than - Khoáng Sản Việt Nam về việc Ban hành quy trình giao nhận than giữa các công ty kho vận với các đơn vị sản xuất trong Tập đoàn trên địa bàn Quảng Ninh;*
- *Căn cứ quyết định số: 699/QĐ- TKV ngày 05/5/2022 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc ban hành Quy định phát hành hóa đơn, thanh toán công nợ trong nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam;*
- *Căn cứ Quyết định số: 1221/QĐ-TKV ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tập Đoàn Công Nghiệp Than - Khoáng Sản Việt Nam về việc Ban hành quy định quản lý cân thương mại và giao nhận than về khối lượng trong nội bộ TKV;*
- *Căn cứ Quyết định số: 1222/QĐ-TKV ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tập Đoàn Công Nghiệp Than - Khoáng Sản Việt Nam về việc Ban hành quy định về công tác Giám định khối lượng, chất lượng than;*
- *Căn cứ Công văn số: 2113/TKV-KTTC ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Tập đoàn Công Nghiệp Than - Khoáng Sản Việt Nam về việc Tính toán số liệu tiền than tuần cho các đơn vị sản xuất;*
- *Căn cứ Quyết định số: 2318/QĐ-TKV ngày 26/12/2023 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng Sản Việt Nam về việc ban hành các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2024 của Tập đoàn các công ty TKV;*
- *Căn cứ nhu cầu sử dụng than của Kho Vận Và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin và khả năng cung cấp than của Công ty Cổ Phần Than Cao Sơn - TKV.*

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2024, chúng tôi gồm:

BÊN BÁN: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Địa chỉ	:	Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại	:	02033.862.337 Fax: 020333.863945
Tài khoản số	:	1106 4242 8888 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh và tài khoản số 1008686868 tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả.
Mã số thuế	:	57 020 53837
Người đại diện	:	Ông **Phạm Quốc Việt** Chức vụ: Giám đốc

BÊN MUA: CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

Địa chỉ	:	Tổ 93, khu 9B, phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Điện thoại	:	02033 865122 Fax: 02033 731097
Tài khoản số	:	112000010656 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cẩm Phả, Quảng Ninh.
Mã số thuế	:	5700100256-001
Người đại diện	:	Ông **Đinh Trung Kiên** Chức vụ: Phó Giám đốc (Theo giấy ủy quyền số: 15898/UQ-KVCP ngày 27/12/2023 do ông Trần Văn Quảng - Giám đốc Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin ký)

Hai Bên cùng thoả thuận ký kết Hợp Đồng Mua Bán Than Năm 2024 ("**Hợp đồng**") với các nội dung và điều khoản như sau:

Điều 1. Khối lượng, chất lượng, chủng loại than mua bán

1.1- Khối lượng: Bên Bán đồng ý bán và Bên Mua đồng ý mua 680.000 tấn than các loại để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu, chi tiết chủng loại theo kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2024 ban hành kèm theo quyết định số: 2318/QĐ-TKV ngày 26/12/2023 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng Sản Việt Nam.

1.2 Chủng loại: Bao gồm các chủng loại than theo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN), tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) hiện hành.

1.3- Chất lượng than mua bán:

Căn cứ theo các Tiêu chuẩn chất lượng (TCVN và TCCS) do TKV công bố hoặc công bố áp dụng.

1.4- Thoả thuận về hàm lượng ẩm toàn phần:

- Hàm lượng ẩm giao nhận: Là hàm lượng ẩm thực tế, riêng than cám không lớn hơn 13,0%.

- Hàm lượng ẩm để thanh toán tiền than: Là hàm lượng ẩm trung bình theo các TCVN và TCCS hiện hành; theo đó, tất cả các lô than có hàm lượng ẩm thực tế khác với hàm lượng ẩm trung bình đều được quy đổi khối lượng về hàm lượng ẩm trung bình để làm khối lượng thanh toán.

Khối lượng than thanh toán được xác định theo công thức:

$$K_{tt} = K_{gn} \times \frac{100\% - W^{tp}_{gn}}{100\% - W^{tp}_{tb}}$$

Trong đó:

K_{tt} : Khối lượng than thanh toán.

K_{gn}: Khối lượng than thực tế giao nhận tương ứng hàm lượng ẩm thực tế tại địa điểm giao hàng.

W^{tp}_{gn} : Hàm lượng ẩm thực tế của than giao nhận.

W^{tp}_{tb}: Hàm lượng ẩm trung bình của than theo các TCVN và TCCS hiện hành.

Điều 2. Điều kiện giao hàng

2.1- Địa điểm giao hàng:

- Than được giao tại kho khai trường của Bên Bán:

+ Kho than mức +33; + 40 TBCS.

+ Kho mặt bằng +135 (Khu Khe Chàm II).

Và các kho khác của Bên Bán được TKV công nhận.

2.2- Chuyển rủi ro: Rủi ro về mất mát hoặc hư hại hàng hóa được chuyển cho Bên Mua kể từ khi hàng hóa được giao lên phương tiện vận chuyển của Bên Mua tại địa điểm giao hàng.

2.3- Xác định và chấp nhận về khối lượng, chất lượng:

a) Về khối lượng: Tại địa điểm giao hàng, khối lượng giao nhận sẽ được xác định bằng cân điện tử đủ các điều kiện theo quy định của nhà nước, của TKV quy định về quản lý cân thương mại và giao nhận than về khối lượng trong nội bộ Tập đoàn.

Trường hợp cân điện tử bị sự cố hoặc trong thời gian kiểm định, hiệu chỉnh hai bên sẽ xem xét xác định khối lượng bằng cân khác hoặc phương pháp khác theo đúng quy định của TKV, trong trường hợp này hai bên sẽ có biên bản thống nhất trước khi thực hiện.

Trường hợp số lượng than nhận qua cân của Bên Bán và cân của Bên Mua có sai lệch vượt quá sai số cho phép theo quy định hiện hành thì hai Bên sẽ cử người phối hợp cùng với Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomin ("**Quacontrol**") để kiểm tra ngay lại cân của hai Bên, số lượng than giao nhận sẽ được lấy theo kết quả của cân đảm bảo độ chính xác do Quacontrol quyết định.

b) Về chất lượng:

- Lấy mẫu, chuẩn bị mẫu và phân tích các chỉ tiêu chất lượng than thực hiện theo TCVN hiện hành và do Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomin (Quacontrol) thực hiện.
- Quacontrol chủ trì cùng đại diện hai bên tiến hành lấy mẫu, mẫu được chia làm 04 phần (mẫu) như nhau: 02 mẫu giao cho Quacontrol (01 mẫu để phân tích, 01 mẫu để lưu), 01 mẫu giao cho Bên Mua, 01 mẫu giao cho Bên Bán.
- Trong vòng 06 giờ kể từ khi kết thúc giao hàng cho từng lô hàng, Quacontrol cấp Chứng thư giám định cho lô hàng.
- Chứng thư chất lượng tất cả các lô than Bên Bán giao cho Bên Mua được cấp đủ các chỉ tiêu chất lượng, bao gồm: Độ tro, Chất bốc, Độ ẩm, Nhiệt năng, Lưu huỳnh và Cỡ hạt theo Tiêu chuẩn Việt Nam và các Tiêu chuẩn cơ sở hiện hành.

2.4. Chứng từ giao nhận:

- Biên bản giao, nhận than (cho từng chuyến xe ô tô);
- Biên bản tổng hợp xác nhận khối lượng qua cân;
- Biên bản lấy mẫu cho từng lô than;
- Kết quả giám định khối lượng cho từng lô than;
- Chứng thư giám định cho từng lô than.

Điều 3. Giá than mua bán và thanh toán

3.1- Giá than mua bán:

Thực hiện theo Quyết định của TKV về việc ban hành giá mua/bán than trong nội bộ TKV.

Trong trường hợp nếu TKV thay đổi giá mua/bán than và/hoặc có thay đổi về các chỉ tiêu số lượng, chất lượng than giao thì hai Bên coi đó là phụ lục điều chỉnh của Hợp Đồng này.

3.2- Chứng từ thanh toán:

- Chứng thư giám định của Quacontrol cấp cho từng lô hàng;

- Hóa đơn GTGT của từng lô hàng: Không quá 24 giờ kể từ khi nhận được Chứng thư giám định khối lượng và chất lượng Bên Bán phát hành hóa đơn GTGT cho Bên Mua;

- Biên bản đối chiếu tổng hợp khối lượng, chất lượng than: Từ ngày 01 đến ngày 04 hàng tháng, Bên Bán và Bên Mua đối chiếu và lập biên bản đối với sản lượng than đã mua/bán của tháng trước liền kề;

- Biên bản đối chiếu tổng hợp giá trị than mua/bán : Từ ngày 05 đến ngày 07 hàng tháng, Bên Bán và Bên Mua đối chiếu tổng hợp giá trị than mua/bán đồng thời viết hóa đơn GTGT bổ sung lần 2 (nếu có) đối với giá trị than đã mua/bán của tháng trước liền kề;

3.3- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng của Bên Bán hoặc thanh toán bù trừ.

3.4- Thời hạn thanh toán: Theo quy định của TKV.

Điều 4. Trách nhiệm của các bên.

4.1- Trách nhiệm của Bên Bán:

- Bên Bán chuẩn bị nguồn than và thông báo cho Bên Mua trước 01 (một) ngày về số lượng, chủng loại than để Bên Mua bố trí phương tiện đến nhận than.

- Bên Bán có trách nhiệm phải san gạt than bằng thành xe trước khi vào cân có tải nhằm tránh rơi vãi than dọc đường gây ô nhiễm môi trường. Bố trí năng lực thiết bị phù hợp để bốc than lên phương tiện của Bên Mua để việc lấy hàng của Bên Mua không bị gián đoạn hoặc phải chờ đợi.

- Thực hiện theo đúng các nội dung liên quan giữa hai bên trong quy trình trách nhiệm thực hiện giao than xuất khẩu, quy định giao than trong nước, qui định về kế hoạch phối hợp kinh doanh và các văn bản hướng dẫn khác (nếu có) của TKV ban hành cho năm 2024.

- Đối với chủng loại than cám 6a.1 giao cho Trung tâm Nhiệt điện Mông Dương, Bên Bán có trách nhiệm chuẩn bị nguồn than đảm bảo số lượng, chất lượng, giao than theo đúng tiến độ kế hoạch hàng tháng của TKV, độ ẩm than giao nhận không vượt quá 12%.

- Cử người có trách nhiệm phối hợp với các bên để giao nhận than và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình giao nhận.

4.2. Trách nhiệm của Bên Mua:

- Căn cứ theo kế hoạch điều hành tiêu thụ than hàng tháng của TKV và đăng ký của Bên Bán, hằng ngày Bên Mua sẽ thông báo cho Bên Bán dự kiến kế hoạch tiếp nhận than ngày hôm sau.

- Bố trí đủ phương tiện vận chuyển để đảm bảo vận chuyển đủ khối lượng đã thông báo trong ngày.

- Thực hiện đúng những nội dung trong quy trình trách nhiệm thực hiện giao than xuất khẩu và quy trình tiêu thụ than trong nước của TKV đã quy định đối với Bên Mua.

- Đối chiếu công nợ và gửi hồ sơ cho TKV kịp thời để TKV căn cứ chuyển tiền hoặc bù trừ công nợ cho Bên Bán.

- Cử người có trách nhiệm phối hợp với các bên để giao nhận than và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình giao nhận.

Điều 5. Bất khả kháng

5.1- Sự kiện bất khả kháng là bất kỳ sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống nào xảy một cách khách quan sau khi ký Hợp đồng này, không thể khắc phục được, nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các Bên, làm Bên bị ảnh hưởng

không thể thực hiện được một phần hay toàn bộ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

5.2- Sự kiện bất khả kháng bao gồm các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống hoặc tương tự các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống như liệt kê dưới đây và thoả mãn các quy định tại Khoản 5.1 Điều này:

a) Bão lớn, gió lốc, lũ lụt, hạn hán, động đất, sóng thần, thời tiết khắc nghiệt bất thường hoặc bất kỳ một thiên tai nào khác;

b) Cháy, nổ, dịch bệnh phải cách ly theo quy định của các cơ quan chức năng;

c) Chiến tranh (tuyên bố hoặc không tuyên bố), xâm lược, xung đột vũ trang, hoặc các hành động thù địch của nước ngoài;

d) Hành động khủng bố, phong tỏa, cấm vận, bạo loạn, nổi loạn, phá hoại;

e) Bãi công, đình công, tấn công, phong toả mỏ than, nhà máy;

f) Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

5.3- Khi xảy ra sự kiện Bất khả kháng Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên kia trong thời gian sớm nhất về sự kiện đó. Trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ khi bắt đầu xảy ra sự kiện, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia đầy đủ, chi tiết về việc xảy ra sự kiện đó cũng như tác động của nó đối với Bên bị ảnh hưởng trong việc thực hiện Hợp đồng và kiến nghị các biện pháp khắc phục. Văn bản thông báo phải được gửi kèm với văn bản của một cơ quan có thẩm quyền tại nơi xảy ra Bất khả kháng xác nhận đã xảy ra sự kiện đó. Trong vòng 02 (hai) ngày sau khi sự kiện Bất khả kháng chấm dứt, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản về việc chấm dứt sự kiện đó. Nếu Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng không thực hiện đầy đủ việc thông báo và cung cấp tài liệu về sự kiện đó theo quy định tại Khoản này thì mất quyền được miễn trách nhiệm như quy định tại Khoản 5.5 dưới đây.

5.4- Trong thời gian diễn ra sự kiện Bất khả kháng Bên bị ảnh hưởng sẽ cung cấp các báo cáo thường xuyên cho Bên kia về việc triển khai các biện pháp khắc phục nhằm ngăn chặn hoặc giảm nhẹ những tác động của của sự kiện Bất khả kháng và các thông tin khác mà Bên kia yêu cầu một cách hợp lý.

Các Bên vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng.

5.5- Ngoại trừ nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã được thực hiện trước thời điểm xảy ra Bất khả kháng và/hoặc các khoản tiền khác (nếu có), Bên vi phạm các nghĩa vụ theo Hợp đồng này do sự kiện Bất khả kháng sẽ được miễn trách nhiệm.

5.6- Nếu một Bên do sự kiện Bất khả kháng mà không thể thực hiện nghĩa vụ của mình quy định trong Hợp đồng này trong thời hạn 60 ngày liên tục kể từ ngày xảy ra sự kiện Bất khả kháng thì một trong các Bên có quyền gửi văn bản cho Bên kia trước ít nhất 15 (mười lăm) ngày để thông báo việc đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hợp đồng được coi là chấm dứt vào ngày ghi trong văn bản thông báo. Sau khi gửi văn bản thông báo chấm dứt Hợp đồng, các Bên phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ còn tồn đọng cho đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng này, trừ các nghĩa vụ được miễn trách. Để tránh hiểu nhầm, trong mọi hoàn cảnh không Bên nào được giải phóng khỏi nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu tại Khoản 5.5 Điều này dù Hợp đồng đã chấm dứt hay chưa.

Điều 6: Chấm dứt hợp đồng

Trừ trường hợp quy định tại Điều 5.6, Hợp Đồng chấm dứt trong các trường hợp sau:

a) Hết thời hạn Hợp Đồng.

b) Một trong các Bên vi phạm nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng, đã nhận được thông báo bằng văn bản của Bên còn lại nhưng Bên vi phạm vẫn không chấm dứt và/hoặc khắc phục vi phạm.

c) Một trong các Bên giải thể hoặc ngưng hoạt động vì bất cứ lý do gì.

d) Một trong các Bên vi phạm pháp luật nghiêm trọng, có khả năng gây bất lợi cho Bên còn lại.

e) Trường hợp khác do các bên thỏa thuận.

Trường hợp chấm dứt hợp đồng trước hạn, bên đề nghị chấm dứt gửi thông báo bằng văn bản cho bên còn lại trước ít nhất 30 ngày.

Điều 7. Điều khoản thi hành

7.1- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thoả thuận. Không bên nào được gây khó khăn hoặc cản trở bên kia thực hiện trách nhiệm và quyền lợi của mình qui định trong hợp đồng này.

7.2- Mọi thay đổi, bổ sung (nếu có) phải được bàn bạc, thống nhất và thể hiện bằng phụ lục hợp đồng ký giữa đại diện hai bên mới có hiệu lực thực hiện.

7.3- Trong quá trình thực hiện, nếu xảy ra vướng mắc, hai bên sẽ cùng hợp tác tìm biện pháp giải quyết trên cơ sở tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên. Nếu hai bên không thể tự giải quyết được theo hình thức thương lượng, hoà giải thì tranh chấp được đưa ra Tòa án có thẩm quyền để xét xử. Quyết định của Toà án là phán quyết cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí phát sinh do bên thua kiện chịu.

7.4- Hợp đồng này sẽ được tự động thanh lý mà không cần lập thành văn bản sau 30 ngày kể từ khi hai bên thực hiện xong mọi nghĩa vụ theo thỏa thuận.

7.5- Hợp đồng này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024, được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN	**ĐẠI DIỆN BÊN MUA**
Giám đốc	**Phó Giám đốc**
M.S.D.N: 5702053837 CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV TP. CẨM PHẢ - T. QUẢNG NINH	M.S.C.N: 5700100256-001 CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN TP. CẨM PHẢ - T. QUẢNG NINH
Phạm Quốc Việt	**Đinh Trung Kiên**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
------- ★ -------

HỢP ĐỒNG MUA BÁN NHIÊN LIỆU

Số: 02/HĐMB/VTCP-TCS/2024

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14/6/2005;

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 24/11/2015;

Căn cứ công văn số: 1046/TKV-VTM+KH ngày 29/02/2024 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam "V/v: Giao các đơn vị ký kết và thực hiện hợp đồng mua bán nhiên liệu";

Căn cứ Công văn số 1047/TKV-VTM+KH ngày 29/02/2024 của Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam V/v Hướng dẫn thực hiện mua, cung ứng nhiên liệu năm 2023-2024;

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 29/2/2024 đã ký giữa hai bên;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng thực tế của cả hai bên.

Hôm nay, ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại Văn phòng Xí nghiệp vật tư Cẩm Phả chúng tôi gồm:

BÊN MUA: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV *(Gọi tắt là bên A)*

Đại diện: Ông : **Mai Huy Giáp** Chức vụ: **Phó Giám đốc Công ty**

(Theo Giấy uỷ quyền số 1848/UQ-TCS-TCLĐ ngày 27/02/2024)

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn - Thành Phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 02033.862337 Fax: 02033.863945.

Tài khoản : 1106 4242 8888 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cẩm Phả

100 868 6868 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Cẩm Phả

Mã số thuế: 5702053837

BÊN BÁN: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV – XÍ NGHIỆP VẬT TƯ CẨM PHẢ (*Gọi tắt là bên B)*

Đại diện: Ông **Nguyễn Văn Toàn** Chức vụ: Giám đốc Xí nghiệp.

Theo Ủy quyền số: 3358/UQ-MTS ngày 12/12/2023 của Giám đốc Công ty.

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông - Thành Phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 02033 719902 Fax: 02033 862438.

Tài khoản: 114000010627 tại Ngân hàng TMCP Công thương Cẩm Phả

Hoặc 44110000001052 tại Ngân hàng đầu tư phát triển Cẩm Phả

Mã số thuế: 5700100707-013

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng của bên A, khả năng cung cấp nhiên liệu của bên B.

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng mua bán nhiên liệu, với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: TÊN HÀNG HOÁ, CHỦNG LOẠI, SỐ LƯỢNG.

Bên A đồng ý mua của bên B và bên B đồng ý cung ứng, bán cho bên A những chủng loại hàng hoá sau:

1.1- Tên hàng hóa, chủng loại xăng, dầu Diesel:

- Xăng: + Xăng không chì RON 95-III.

+ Xăng sinh học E5 RON 92-II.

- Dầu Diesel 0,05S-II (DO 0,05S-II).

- Dầu Diesel 0,001S-V (DO 0,001S-V).

1.2- Số lượng dự kiến:

- Dầu Diesel (bao gồm DO 0,05S-II và DO 0,001S-V) : 62.600.000 Lít.

- Xăng: 120.000 Lít.

(Số lượng thực hiện nghiệm thu thực tế theo nhu cầu sử dụng của bên A)

1.3-Tiến độ giao nhận:

- Giao nhận hàng ngày theo nhu cầu sử dụng của bên A hoặc theo yêu cầu mua hàng của bên A gửi cho bên B theo từng kỳ.

- Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/3/2024 đến hết ngày 28/02/2025.

1.4- Phạm vi cung cấp (Bán hàng):

- Bên B cung cấp các loại hàng hoá: Xăng, Dầu Diesel theo yêu cầu của bên A trên khai trường mỏ và mặt bằng khu vực Cẩm Phả.

ĐIỀU 2: CHẤT LƯỢNG HÀNG HOÁ.

- Xăng: + Xăng không chì RON 95-III theo TCCS 01:2023/PLX.

+ Xăng sinh học E5 RON 92-II theo TCCS 06:2023/PLX.

- Dầu Diesel 0,05S-II (DO 0,05S-II) theo QCVN 01:2022/BKHCN.

- Dầu Diesel 0,001S-V (DO 0,001S-V) theo TCCS 03:2023/PLX.

ĐIỀU 3: GIÁ BÁN.

3.1- Giá bán dầu Diesel :

3.1.1. Giá bán (giá chưa bao gồm thuế GTGT) dầu Diesel 0,05S-II cấp **qua cột bơm tại các kho/ điểm cấp** của Xí nghiệp Vật tư Cẩm phả cấp lên phương tiện của bên A = **Giá bán lẻ** (chưa bao gồm thuế GTGT);

3.1.2. Giá bán (giá chưa bao gồm thuế GTGT) dầu Diesel 0,05S-II cấp đến đầu phương tiện, thiết bị của đơn vị khách hàng trên khai trường **(Cấp lẻ đến thiết bị, phương tiện)** = **Giá bán lẻ** (chưa bao gồm thuế GTGT);

3.1.3. Giá bán (giá chưa bao gồm thuế GTGT) dầu Diesel bên B cấp đến **Kho** của khách hàng **(giao thẳng vào kho bên A)** = **Giá bán lẻ** (chưa bao gồm thuế GTGT);

3.1.4. Giá bán (giá chưa bao gồm thuế GTGT) dầu Diesel các loại bao gồm dầu Diesel 0,05S-II (DO 0,05S-II) và dầu Diesel 0,001S-V (DO 0,001S-V) tại cửa hàng bán lẻ xăng dầu của bên B cho phương tiện của bên A: Giá bán = **Giá bán lẻ** (chưa bao gồm thuế GTGT);

Giá bán quy định tại Mục 3.1.1, 3.1.2, 3.1.3 – Khoản 3.1: Là giá tạm thời áp dụng từ 01/3/2024. Khi có hướng dẫn mới của Tập đoàn TKV hai bên sẽ thống nhất giá mua bán bằng Phụ lục hợp đồng.

Khi có hướng dẫn từ TKV về giá bán nhiên liệu áp dụng từ ngày 01/03/2024. Hai bên sẽ phối hợp tổ chức đối chiếu, xác định phần giá trị chênh lệch đã lập chứng từ bán hàng cho Bên A với giá trị theo giá bán nhiên liệu theo hướng dẫn của TKV.

3.2- Giá bán Xăng các loại:

Giá bán Xăng các loại = **Giá bán lẻ** (chưa bao gồm thuế GTGT) do Petrolimex/ PVOIL công bố tại từng thời điểm áp dụng cho từng khu vực theo quy định của Nhà nước.

Ghi chú: Trong thời gian thực hiện hợp đồng, khi có quyết định thay đổi về giá bán của mặt hàng xăng, dầu (ghi ở Điều 3) từ phía cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị đầu mối cung ứng hàng, thì bên B sẽ gửi thông báo giá cho bên A.

Hàng tháng, hai bên làm Phụ lục điều chỉnh mua giá bán xăng, dầu diesel các loại trên cơ sở thông báo do Petrolimex/PVOIL công bố tại từng thời điểm áp dụng cho từng khu vực theo quy định nhà nước và thông báo giá từng thời điểm của bên B.

ĐIỀU 4: GIAO NHẬN HÀNG HÓA.

4.1- Đối với dầu Diesel (Dầu DO):

- Giao dầu DO 0,05S tại kho của bên B trên phương tiện của bên A hay giao đến tận máy móc thiết bị trên khai trường của bên A (sử dụng phương tiện cấp phát bằng xe cấp lẻ của bên B) theo thỏa thuận giữa hai bên.

- Trường hợp thỏa thuận giao dầu DO 0,05S bằng xe cấp lẻ: Khi có nhu cầu cấp lẻ dầu DO 0,05S tới từng phương tiện của bên A trên khai trường thì bên A thông báo cho bên B (qua điện thoại, giấy đăng ký….) vào đầu ca 1 (hoặc cuối giờ làm việc ngày hôm trước) về số lượng, địa điểm, thời gian cấp... để bên B bố trí xe cấp lẻ, công nhân cấp phát.

- Để công tác cấp nhiên liệu được kịp thời để phục vụ sản xuất của bên A. Hàng ca sản xuất các đơn vị sử dụng của bên A tiến hành lập lệnh cấp phát trên hệ thống cấp tự động để điểm cấp và xe cấp lẻ của bên B triển khai cấp nhiên liệu cho bên A.

- Quy định về thời gian đăng ký cấp hàng: Căn cứ sản lượng sử dụng hàng tháng, Bên A gửi bản đăng ký số lượng nhiên liệu sử dụng cho tháng kế tiếp từ ngày 15 đến ngày 20 hằng tháng cho bên B, để bên B làm căn cứ chuẩn bị đủ hàng cung cấp cho bên A.

4.2- Đối với xăng các loại, dầu DO 0,05S; DO 0,001S: Giao hàng tại Cửa hàng bán lẻ xăng dầu (CHXD Cẩm phả) của bên B trên phương tiện của bên A.

ĐIỀU 5: THANH TOÁN.

5.1- Đối chiếu số lượng giao nhận và xuất hoá đơn GTGT:

- Đối với số lượng nhiên liệu dầu Diesel (bao gồm cả số lượng cấp lẻ) bên A nhận tại kho/ nhận từ xe cấp lẻ của bên B : Hai bên thống nhất đối chiếu số lượng giao nhận **01 ngày 01 lần** và xuất hoá đơn GTGT (Hóa đơn điện tử) cho toàn bộ số lượng hai bên đã đối chiếu.

- Đối với lượng xăng dầu bên A nhận của bên B tại cửa hàng bán lẻ xăng dầu, sau khi kết thúc việc giao nhận (sau khi thiết bị của bên A nhận xong nhiên liệu tại cột bơm) ở cửa hàng xăng dầu của bên B, hệ thống sẽ tự động ghi nhận và bên B xuất hóa đơn GTGT (hóa đơn điện tử) bán hàng cho bên A. Bên A xác nhận số lượng xăng dầu và nhận hóa đơn do bên B phát hành trên địa chỉ email của bên A đã đăng ký với bên B.

5.2- Chứng từ thanh toán:

- Thanh toán tiền mua hàng hoá là nhiên liệu: Căn cứ theo các chứng từ, hoá đơn GTGT hợp pháp do bên B phát hành cho từng ngày, từng lần nhận hàng và đã được người đại diện nhận hàng bên A xác nhận dựa trên hợp đồng mua bán đã ký giữa hai bên.

5.3- Phương thức, hình thức thanh toán và thời hạn thanh toán tiền hàng:

5.3.1- Phương thức thanh toán: Bên B đồng ý cho bên A nhận hàng trước, thanh toán tiền sau.

5.3.2- Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản hoặc bù trừ công nợ qua TKV.

5.3.3- Thời hạn thanh toán: Hai bên thống nhất đối chiếu số lượng, giá trị hàng ngày để làm căn cứ xuất hóa đơn. Bên A thanh toán tiền hàng cho Bên B trong thời hạn **30 ngày tính từ ngày giao nhận hàng.** Trường hợp ngày thanh toán trùng với những ngày nghỉ lễ theo quy định của nhà nước thì ngày thanh toán được chuyển sang ngày đầu tiên sau khi kết thúc ngày nghỉ lễ.

5.3.4- Trường hợp hết thời gian quy định tại mục **5.3.3** Bên A không thanh toán đúng thời hạn (quá 30 ngày), Bên A phải trả thêm phần lãi chậm trả theo mức lãi suất vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Cẩm Phả, tương ứng với số tiền, số ngày chậm trả. Hằng tháng Bên B sẽ thực hiện đối chiếu với Bên A về số tiền chậm trả, lãi chậm trả (nếu có). Phát sinh vướng mắc trong thanh toán, hai bên lập biên bản đối chiếu và đề nghị bù trừ công nợ gửi về TKV để TKV bù trừ.

5.4 - Đơn vị thụ hưởng: Công ty cổ phần Vật tư – TKV

Tài khoản: 114000010627 tại Ngân hàng TMCP công thương Cẩm Phả

ĐIỀU 6: CAM KẾT CHUNG.

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng này phải được hai bên thống nhất bằng văn bản hoặc phụ lục hợp đồng để làm cơ sở thực hiện.

- Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc hai bên sẽ gặp nhau để trao đổi, bàn bạc giải quyết. Nếu hai bên không thể tự giải quyết được, sẽ báo cáo Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam hoặc đưa ra toà kinh tế - Tòa án nhân dân Tỉnh Quảng Ninh giải quyết. Mọi chi phí toà án bên có lỗi chịu.

- Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký. Sau 30 ngày kể từ khi hai bên thực hiện xong nghĩa vụ và trách nhiệm của mình nếu không xảy ra tranh chấp thì hợp đồng sẽ tự động được thanh lý mà không cần bất kỳ một văn bản nào.
- Hợp đồng được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 03 bản, bên B giữ 03 bản làm căn cứ thực hiện.

KT. GIÁM ĐỐC **PHÓ GIÁM ĐỐC**	
ĐẠI DIỆN BÊN A **PHÓ GIÁM ĐỐC**	**ĐẠI DIỆN BÊN B** **GIÁM ĐỐC**
M.S.D.N: 5702053837 CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV TP. CẨM PHẢ - T. QUẢNG NINH	M.S.C.N: 5700100707-013 CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV XÍ NGHIỆP VẬT TƯ CẨM PHẢ TP. CẨM PHẢ - T. QUẢNG NINH
Mai Huy Giáp	**Nguyễn Văn Toàn**

C.T.C.P ★ NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cẩm Phả, ngày 02 tháng 02 năm 2024

HỢP ĐỒNG
Số: 1278/HĐ-TCS-KH
Gói thầu số 03-TN 2024: Thuê ngoài bốc xúc, vận chuyển đất đá khai trường mỏ Cao Sơn năm 2024
Thuộc phương án: Thuê ngoài bốc xúc, vận chuyển đất đá năm 2024 tại khai trường mỏ Cao Sơn

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Nghị định số: 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ "Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu";

Căn cứ Quyết định số 9197/QĐ-TCS-TB ngày 01/12/2023 về việc Ban hành quy định về lựa chọn Nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ phục vụ và duy trì hoạt động SXKD thường xuyên, liên tục trong Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV;

Căn cứ Quyết định số: 1216/QĐ-TCS-KH ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Công ty Cổ phần than Cao Sơn – TKV về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 03-TN 2024: Thuê ngoài bốc xúc, vận chuyển đất đá khai trường mỏ Cao Sơn năm 2024;

Căn cứ thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng ngày 01 tháng 02 năm 2024.

Căn cứ Biên bản hoàn thiện Hợp đồng Gói thầu số 03-TN 2024: Thuê ngoài bốc xúc, vận chuyển đất đá khai trường mỏ Cao Sơn năm 2024 đã ký giữa hai bên.

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

I. CHỦ ĐẦU TƯ (sau đây gọi là BÊN A): CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn - TP Cẩm Phả - Quảng Ninh.

Số tài khoản: 1106 4242 8888 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Cẩm Phả.

Số tài khoản: 100 868 6868 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Cẩm Phả.

Số điện thoại: 02033.862337 Fax: 02033 863945

Mã số thuế: 5702053837.

Đại diện: Ông **Phạm Quốc Việt** Chức vụ: Giám đốc.

II. NHÀ THẦU (sau đây gọi là BÊN B) : Liên danh nhà thầu Tân Tiến - Quảng Hưng - Nam Đông Sơn - Hoa Sơn - Trung Nghĩa - Vân Đồn Đ&T.

1. Thành viên đứng đầu liên danh: Công ty Cổ phần Công nghiệp Tân Tiến

Địa chỉ: SN 507, Tổ 3, khu 9A, Phường Quang Hanh, TP Cẩm Phả, Quảng Ninh.

Điện thoại: 0203 3861728 Fax: 0203 38610728

Tài khoản: 4400062450 tại Ngân hàng BIDV Quảng Ninh

Mã số thuế: 5700657713

Đại diện là Ông: **Tống Minh Tân** Chức vụ: Giám đốc

2. Thành viên liên danh: Công ty Cổ phần Hàng Hải Quảng Hưng.

Địa chỉ: Tổ 2, khu 6C, phường Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh.

Điện thoại: 0203 3827239

Tài khoản: 4413059999 tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Cẩm Phả.

Mã số thuế: 5700471500

Đại diện là ông: **Phạm Xuân Thắng** Chức vụ: Giám đốc.

3. Thành viên liên danh: Công ty Cổ phần Nam Đông Sơn

Địa chỉ: Số 09 đường Nguyễn Cơ Thạch, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại: 0932012387

Tài khoản : 0491000155712 tại Ngân hàng Vietcombank – CN Thăng Long – HN
685613139999 tại NH Vietinbank – CN Hà Thành Hà Nội.
1293779999 Ngân hàng BIDV - CN Hoàng Mai - Hà Nội.

Mã số thuế: 5701663526

Đại diện là Bà: **Tăng Thị Hường** Chức vụ: Giám đốc.

4. Thành viên liên danh: Công ty Cổ phần Hoa Sơn.

Địa chỉ: Tổ 7 - Khu 7 - Phường Hà Tu - TP Hạ Long.

Điện thoại: 0913093198

Tài khoản: 88826299999 tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Tây Hà Nội

Mã số thuế: 5700315734

Đại diện là ông: **Bùi Văn Long** Chức vụ: Tổng Giám đốc.

5. Thành viên liên danh: Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ vận tải Trung Nghĩa.

Địa chỉ: Tổ 1 - Khu 8A - P. Quang Hanh - TP. Cẩm Phả - T. Quảng Ninh.

Điện thoại: 02033 969379

Tài khoản: 11116999999 tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Quảng Ninh.
113641519999 tại NH Vietinbank - CN Cẩm Phả.

Mã số thuế: 5700540384

Đại diện là ông: **Vũ Văn Hiệp** Chức vụ: Tổng Giám đốc.

6. Thành viên liên danh: Công ty Cổ phần Vân Đồn Đ&T.

Địa chỉ: Tổ 3, khu 4, P. Hồng Hà, TP Hạ Long, Quảng Ninh.

Tài khoản: 4400167717 Ngân hàng: BIDV – Chi nhánh Quảng Ninh.

Điện thoại: 0203 3635999

Mã số thuế: 5700960170

Đại diện là ông: **Nguyễn Trọng Trình** Chức vụ: Giám đốc.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

1.1. Đối tượng hợp đồng.

Bên A giao cho bên B thực hiện Gói thầu số 03-TN 2024: Thuê ngoài bốc xúc, vận chuyển đất đá khai trường mỏ Cao Sơn năm 2024 và các công việc bổ sung, điều chỉnh trong quá trình thực hiện (nếu có), thực hiện đúng các quy định hiện hành của Bên A.

1.2. Khối lượng hợp đồng.

+ Bốc xúc đất đá: 14.800.000 m3.
+ Vận chuyển đất đá: 307.429.515 tkm.

Khối lượng của các thành viên trong liên danh được phân chia theo thỏa thuận liên danh, cụ thể như sau:

STT	Các thành viên trong Liên danh	KL bốc xúc (Đvt: m^3)	KL vận chuyển (Đvt: Tkm)
1	Công ty Cổ phần Công nghiệp Tân Tiến	3.550.000	73.741.540
2	Công ty Cổ phần Hàng Hải Quảng Hưng	1.800.000	37.390.076
3	Công ty Cổ phần Nam Đông Sơn	2.500.000	51.930.661
4	Công ty Cổ phần Hoa Sơn	2.300.000	47.776.208
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và DV VT Trung Nghĩa	2.600.000	54.007.888
6	Công ty Cổ phần Vân Đồn Đ&T	2.050.000	42.583.142
	Tổng cộng	**14.800.000**	**307.429.515**

- Vị trí thi công: Trong ranh giới thuê ngoài bốc xúc vận chuyển đất đá tại khai trường Cao Sơn của bên A.
- Thời gian bàn giao mặt bằng thi công: Theo điều kiện thực tế được hai bên thống nhất.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Hợp đồng, các phụ lục hợp đồng;
2. Biên bản thương thảo hoàn thiện hợp đồng;
3. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;
4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp;
5. Biên bản thương thảo hợp đồng;
6. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của nhà thầu (nếu có);
7. E-HSMT và các tài liệu bổ sung E-HSMT (nếu có);
8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

- Trên cơ sở đăng ký lao động của Bên B, Bên A kiểm tra hồ sơ trích ngang, đối chiếu bằng nghề/chứng chỉ nghề và lưu hồ sơ lao động thuê ngoài theo quy định. Bên A sẽ tổ chức tập huấn an toàn, nội quy lao động. Sau khi sát hạch đủ điều kiện mới ra quyết định cấp thẻ có dán ảnh, ra quyết định cho phép lao động được vào làm việc.
- Tổ chức kiểm tra từng thiết bị, đảm bảo các thiết bị có tính năng kỹ thuật phù hợp với yêu cầu công nghệ khai thác, dây chuyền sản xuất và thông số làm việc theo đăng ký trong hồ sơ dự thầu. Chỉ cấp phép cho các phương tiện, thiết bị vào hoạt động khi đảm bảo các yêu cầu.
- Xây dựng mô hình chất tải cho các xe tham gia thực hiện làm cơ sở thống kê số liệu phục vụ công tác điều hành sản xuất.
- Cử cán bộ có thẩm quyền phối hợp bên B chỉ đạo điều hành và cùng bên B giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thi công;
- Kiểm tra lao động, thiết bị, kiểm tra quá trình thi công của bên B đảm bảo theo quy định, nội quy an toàn, quy trình kỹ thuật.

- Có quyền đình chỉ thực hiện gói thầu nếu bên B vi phạm các quy định về công tác an toàn, an ninh trật tự, tài sản, tài nguyên, PCCN, vệ sinh môi trường của Nhà nước, TKV và của bên A.

- Có quyền yêu cầu bên B điều chỉnh khối lượng hợp đồng phù hợp với điều kiện sản xuất thực tế của Bên A.

- Có quyền yêu cầu bên B bổ sung năng lực, thiết bị để đảm bảo tiến độ thực hiện khối lượng hợp đồng.

- Chủ trì phối hợp với bên B tổ chức nghiệm thu theo đúng quy định.

- Bố trí sản xuất, làm đường vận chuyển phù hợp để thiết bị bên B phát huy năng suất, đặc biệt là đối với các thiết bị có công suất lớn (máy xúc có dung tích gầu ≥ 6,7 m3, xe có tải trọng ≥ 90 tấn).

- Hàng kỳ (tháng hoặc quý) cùng bên B rà soát khối lượng thực hiện của các thiết bị có công suất lớn. Trường hợp lũy kế khối lượng các thiết bị có công suất lớn thực hiện < 65% khối lượng thực hiện của Liên danh thì bên A có quyền yêu cầu bên B tập trung bố trí thiết bị để tăng khối lượng thực hiện đối với các thiết bị có công suất lớn.

- Tưới nước dập bụi và bố trí hướng dẫn đổ thải cho bên B theo quy định.

- Cam kết thanh toán cho Bên B theo đúng quy định của hợp đồng.

- Trong trường hợp Bên B vi phạm về công tác bảo vệ an ninh trật tự, tài sản, tài nguyên (trộm cắp than, tài sản, vật tư, mua bán nhiên liệu trái phép), sử dụng nhà thầu phụ Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm trong hợp đồng, hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu. Thực hiện đúng các quy định của Nhà nước và của Bên A.

4.1. Về thiết bị:

- Bên B đăng ký danh sách thiết bị tham gia thực hiện kèm theo các số hiệu, thông số và đặc tính kỹ thuật của từng thiết bị. Thiết bị thi công thực hiện phải có tên trong Hồ sơ dự thầu. Thiết bị tham gia thực hiện phải ghi rõ phiên hiệu của đơn vị, số đăng ký theo quy định, phải sơn 1 logo "HĐ - THAN CAO SƠN", có biển kiểm soát theo quy định, số nội bộ, xe vận chuyển phải có số xe ghi bằng sơn trên bảo hiểm ca bin và 2 bên thùng xe, phải được lắp đặt hệ thống định vị GPS có mã theo xe và hòa mạng vào bản đồ số của bên A để quản lý, theo dõi thiết bị (Các thiết bị phải được lắp GPS hoàn chỉnh và cung cấp quyền truy cập cho bên A trước khi đưa vào thực hiện).

- Trường hợp có sự thay đổi, bổ sung về thiết bị thi công khác so với Hồ sơ dự thầu thì đơn vị phải xác nhận việc thay đổi bằng văn bản và phải đảm bảo nguyên tắc thiết bị được thay thế phải đáp ứng yêu cầu trong E-HSMT và phải được Bên A đồng ý.

- Bên B bố trí máy xúc có dung tích gầu ≥ 6,7 m^3, xe có tải trọng ≥ 90 tấn để thực hiện tối thiểu 70% tổng khối lượng thực hiện.

- Bên B chịu trách nhiệm về an toàn và tính pháp lý của thiết bị đưa vào hoạt động tại khai trường Bên A.

- Phối hợp với bên A điều chỉnh khối lượng hợp đồng theo điều kiện thực tế sản xuất. Bổ sung thiết bị thực hiện gói thầu khi bên A có yêu cầu để đảm bảo tiến độ hợp đồng.

- Chỉ được cho thiết bị vào khai trường mỏ và bố trí tham gia thi công theo Hợp đồng khi được cấp phép. Các thiết bị đã bố trí vào khai trường mỏ không được tự ý di chuyển ra ngoài khai trường, trường hợp cần ra ngoài khai trường Bên B phải thông báo và được Bên A đồng ý mới được thực hiện.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên B mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự cho các thiết bị của Bên B.

- Thực hiện tuân thủ đầy đủ theo quy định về việc thiết bị ra vào khai trường, các xe chở vật tư vào, ra khai trường phải có giấy đăng ký xin phép và được Bên A đồng ý mới được thực hiện.

4.2. Yêu cầu về an ninh trật tự và môi trường.

- Bên B thực hiện đúng các nội quy về an ninh trật tự của Bên A, của Tập đoàn TKV và pháp luật của Nhà Nước, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của Bên A.

- Trường hợp nếu bên B có nhu cầu mượn mặt bằng sử dụng để tập kết thiết bị, khu vực nhà điều hành…thì bên B làm văn bản gửi cho bên A để hai bên triển khai thực hiện. Khu vực văn phòng, nhà xưởng, điểm tập kết của Bên B phải được đặt tên rõ ràng và có biển chỉ dẫn lối vào.

- Bên B phải thực hiện đúng mục 4.3 Điều 4, công tác PCCC theo các quy định hiện hành của Pháp luật, của Bên A. Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Pháp luật và trước bên A về công tác môi trường, PCCC trong phạm vi mặt bằng đã được bên A bàn giao (mặt bằng nhà xưởng, các vị trí thực hiện).

- Phối hợp chặt chẽ với Bên A trong công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn khi xảy ra sự cố và khi Bên A có đề nghị.

- Bên B phải tuân thủ và thực hiện các quy định về công tác bảo vệ môi trường của Nhà nước và của Bên A trong khu vực Bên B được giao quản lý.

- Bên B tuân thủ thực hiện đầy đủ các văn bản pháp lý của Nhà Nước, nội quy quy định của bên A trong công tác quản lý. Phối hợp với bên A trong việc thực hiện công tác bảo vệ tài sản, tài nguyên, ranh giới mỏ và an ninh trật tự;

- Nếu để xảy ra vi phạm về công tác an ninh trật tự và môi trường Bên B sẽ chịu phạt theo quy định tại điều 10 của hợp đồng.

4.3. Yêu cầu về công tác an toàn:

Bên B thực hiện và tuân thủ các quy định của pháp luật và của bên A về công tác an toàn lao động. Có trách nhiệm liên hệ, đăng ký với phòng KTAT, KTKT của Bên A để được cung cấp các quy trình, quy định về kỹ thuật, an toàn để tổ chức tập huấn, phổ biến cho người lao động trước khi vào làm việc.

4.3.1. Trước khi vào làm việc, Bên B hoàn thiện gửi về Phòng Kỹ thuật An toàn của Bên A các hồ sơ sau:

a) Công văn đề nghị huấn luyện kèm theo danh sách cán bộ công nhân xin vào khai trường làm việc:

- Mỗi người trong danh sách đề nghị huấn luyện đều kèm theo 01 bộ hồ sơ photocopy gồm: sơ yếu lý lịch có dán ảnh đóng dấu treo của công ty; hợp đồng lao động đóng dấu treo của công ty; căn cước công dân; bằng nghề hoặc chứng chỉ nghề; chứng chỉ đánh giá kỹ năng nghề; 02 ảnh 2x3;

- Sau khi huấn luyện cấp thẻ lao động, người trong danh sách mới được vào làm việc và phải mang theo thẻ, xuất trình khi được kiểm tra.

- Nghiêm cấm đưa người vào làm việc khi chưa được huấn luyện;

b) Quyết định thành lập công trường, quyết định bổ nhiệm cán bộ chỉ huy kèm theo số điện thoại liên hệ;

4.3.2. Sau khi ký hợp đồng, trong khoảng thời gian không quá 30 ngày, Bên B hoàn thiện gửi về Phòng Kỹ thuật An toàn của Bên A các hồ sơ sau:

a) Nội quy lao động, thỏa ước lao động tập thể đã được đăng ký;

b) Hợp đồng với cơ sở y tế để khám sức khoẻ định kỳ hàng năm cho người lao động, sổ theo dõi sức khoẻ;

c) Quyết định ban hành Quy định chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân;

d) Quyết định bố trí người làm công tác AT-VSLĐ, công tác y tế;

e) Phiếu tự kiểm tra pháp luật lao động;

f) Quyết định ban hành phân định trách nhiệm và quyền hạn trong công tác an toàn vệ sinh lao động cho cán bộ quản lý, bộ phận nghiệp vụ và người lao động;

g) Quyết định ban hành nội quy an toàn, sổ giao việc, quy trình vận hành cho từng loại thiết bị, ngành nghề;

h) Quyết định thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh viên và quy chế hoạt động;

i) Quyết định phê duyệt kế hoạch an toàn vệ sinh lao động năm 2024;

k) Lý lịch (đăng ký, kiểm định, theo dõi hoạt động) các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động nếu có;

m) Hợp đồng huấn luyện an toàn cho cán bộ công nhân theo quy định tại Nghị định 44/2016 NĐ-CP ngày 15/6/2016;

n) Phương án xử lý sự cố và ứng cứu khẩn cấp; Kế hoạch đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn vệ sinh lao động;

4.3.3. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên B thực hiện:

a) Quy định tại Quyết định số 517/QĐ-TCS-KTAT ngày 05/8/2020 về nội quy an toàn, Quyết định số 1816/QĐ-TCS-KTAT ngày 15/3/2022 về huấn luyện an toàn, Quyết định số 521/QĐ-TCS-KTAT ngày 05/8/2020 về phân định trách nhiệm trong công tác an toàn và các văn bản quản lý khác của Bên A;

b) Đăng ký số lượng cán bộ công nhân và số lượng thiết bị làm việc hàng ca tại khai trường, chấp hành lệnh điều hành sản xuất của Phòng Điều khiển Sản xuất bên A.

c) Thực hiện tự kiểm tra theo quy định của pháp luật;

d) Lập báo cáo định kỳ về tình hình tai nạn lao động trong 06 tháng đầu năm và cả năm với cơ quan quản lý về lao động tại địa phương.

4.4. Yêu cầu về công tác bốc xúc, vận chuyển đất đá:

- Bên B cam kết tiến hành thi công gói thầu đúng ranh giới, hộ chiếu kỹ thuật đã được bàn giao, đồng thời cam kết thực hiện đúng và đầy đủ quy trình kỹ thuật, quy định, nội quy an toàn vận hành thiết bị.

- Tiếp nhận mặt bằng và triển khai thực hiện Hợp đồng theo đúng các quy định, đảm bảo tiến độ thực hiện.

- Xe ô tô vận chuyển đảm bảo chạy đúng tuyến, đổ tải đúng nơi quy định, chấp hành luật giao thông đường bộ. Trường hợp khi xe tải bị sự cố không thể vận chuyển đến bãi thải thì Bên B có trách nhiệm báo cho phòng Điều khiển sản xuất của Bên A biết và chỉ đạo đổ tải theo hướng dẫn của Bên A. Tổ chức sản xuất đảm bảo an toàn cho con người và tài sản thuộc phạm vi Bên B quản lý.

- Chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và tuân thủ sự điều hành, bố trí sản xuất của cán bộ bên A trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Kết thúc ca sản xuất thông báo sản lượng thực hiện, tình hình sản xuất trong ca, đăng ký các máy chạy ca sau về phòng Điều khiển sản xuất của Bên A. Hàng ngày thông báo sản lượng thực hiện (số thống kê) về phòng Kế toán – thống kê của Bên A.

- Nghiêm cấm bên B vận chuyển than, khai thác tài nguyên hoặc bất cứ nguồn lợi nào trong phạm vi quản lý của bên A đưa ra khỏi khai trường hoặc đưa về vị trí tập kết của Bên B nằm trong khai trường của Bên A.

- Bên B cam kết thực hiện hợp đồng theo đúng các quy định hiện hành và cam kết không được sử dụng nhà thầu phụ để thực hiện khối lượng của hợp đồng trong bất kỳ thời điểm nào. Trường hợp Bên A hoặc cơ quan chức năng kiểm tra phát hiện một trong các

thành viên Liên danh có sử dụng nhà thầu phụ thực hiện thì Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước bên A và Bên A sẽ đơn phương chấm dứt hợp đồng.

- Khi kết thúc thời gian thực hiện hợp đồng mà hai bên không có thỏa thuận thực hiện tiếp hoặc chấm dứt trước thời hạn theo yêu cầu của Bên A, trong vòng 30 ngày Bên B bằng chi phí của mình phải di chuyển thiết bị của mình ra khỏi khu vực khai trường của Bên A, phải thu dọn sạch sẽ khu vực mặt bằng nhà xưởng, hoàn trả lại mặt bằng sạch cho bên A.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức nghiệm thu, thanh toán

***1.* Giá hợp đồng: 1.780.084.334.187 đồng.**

(Bằng chữ: Một nghìn bảy trăm tám mươi tỷ, không trăm tám mươi bốn triệu, ba trăm ba mươi bốn nghìn, một trăm tám mươi bảy đồng).

Giá hợp đồng bao gồm: chi phí để thực hiện bốc xúc, vận chuyển đất đá, thuế GTGT 8% và chi phí dự phòng (10%).

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm nghiệm thu, xuất hoá đơn nếu chính sách về thuế có sự thay đổi thì hai bên thống nhất thực hiện chính sách thuế theo quy định của Nhà nước.

Chi phí dự phòng do Bên A quản lý để chi trả cho bên B trong các trường hợp do giá nhiên liệu thay đổi hoặc do khối lượng công việc phát sinh. Trong trường hợp phải sử dụng chi phí dự phòng hai bên sẽ làm việc và thực hiện theo đúng quy định.

Chi tiết khối lượng, đơn giá hợp đồng: tại phụ lục I, phụ lục II kèm theo hợp đồng.

2. Nghiệm thu:

2.1. Hồ sơ nghiệm thu khối lượng:

+ Hộ chiếu xúc tầng;

+ Hồ sơ đo đạc Trắc địa bên A;

+ Biên bản kiểm tra, đánh giá kỹ thuật xúc tầng.

+ Biên bản đánh giá, phân loại đường mỏ.

+ Biên bản xác định cung độ.

+ Biên bản ghi nhận khối lượng bốc xúc, vận chuyển theo số liệu thống kê hàng tháng được ký đóng dấu xác nhận.

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng.

+ Trường hợp xảy ra vi phạm về đổ tải không đúng quy định, chạy không đúng tuyến (nếu có), hai bên sẽ lập biên bản xác định vi phạm.

2.2. Khối lượng bốc xúc, vận chuyển đất đá:

- Hình thức nghiệm thu: Nghiệm thu theo số đo đạc trắc địa cho từng thành viên Liên danh;

+ Khối lượng của máy xúc: được nghiệm thu theo từng tầng tại khai trường khai thác.

+ Cung độ vận chuyển: được nghiệm thu bình quân gia quyền theo từng máy, từng tầng.

+ Thể trọng: được nghiệm thu theo bình quân gia quyền từng tầng.

+ Cấp đất đá: được nghiệm thu theo thực tế.

- Đơn vị tính khối lượng bốc xúc: m^3.

- Đơn vị tính khối lượng vận chuyển: Tkm (Tấn ki lô mét).

* Đối với khối lượng bốc xúc:

$$KLBX_1 = \frac{V_{td}}{V_{tk}} \times V_{tk1} \qquad (m^3)$$

$$KLBX_2 = \frac{V_{td}}{V_{tk}} \times V_{tk2} \qquad (m^3)$$

$KLBX_1$: Khối lượng nghiệm thu từ đầu tháng đến ngày điều chỉnh đơn giá.

$KLBX_2$: Khối lượng nghiệm thu từ sau ngày điều chỉnh đơn giá đến kỳ điều chỉnh giá nhiên liệu tiếp theo hoặc hết tháng;

V_{tk1}: Khối lượng bốc xúc (m^3) thống kê từ đầu tháng đến ngày điều chỉnh đơn giá.

V_{tk2}: Khối lượng bốc xúc (m^3) thống kê từ sau ngày điều chỉnh đơn giá đến kỳ điều chỉnh giá nhiên liệu tiếp theo hoặc hết tháng;

V_{tk}: Khối lượng bốc xúc (m^3) thống kê trong tháng.

V_{td}: Khối lượng bốc xúc (m^3) nghiệm thu đo đạc trắc địa trong tháng.

* Đối với nghiệm thu khối lượng vận chuyển:

$$KLVC_1 = \frac{V_{td}}{V_{tk}} \times V_{tk1} \times L_1 \times \gamma \qquad (Tkm)$$

$$KLVC_2 = \frac{V_{td}}{V_{tk}} \times V_{tk2} \times L_2 \times \gamma \qquad (Tkm)$$

$KLVC_1$: Khối lượng vận chuyển nghiệm thu từ đầu tháng đến ngày điều chỉnh đơn giá.

$KLVC_2$: Khối lượng vận chuyển nghiệm thu từ sau ngày điều chỉnh đơn giá đến kỳ điều chỉnh giá nhiên liệu tiếp theo hoặc hết tháng;

V_{tk1}: Khối lượng bốc xúc (m^3) thống kê từ đầu tháng đến ngày điều chỉnh đơn giá.

V_{tk2}: Khối lượng bốc xúc (m^3) thống kê từ sau ngày điều chỉnh đơn giá đến kỳ điều chỉnh giá nhiên liệu tiếp theo hoặc hết tháng;

V_{tk}: Khối lượng bốc xúc (m^3) thống kê trong tháng.

V_{td}: Khối lượng bốc xúc (m^3) nghiệm thu đo đạc trắc địa trong tháng.

L_1: Cung độ bình quân gia quyền của máy theo tầng từ đầu tháng đến ngày điều chỉnh đơn giá, đơn vị tính: Km

L2: Cung độ bình quân gia quyền của máy theo tầng từ sau ngày điều chỉnh đơn giá đến kỳ điều chỉnh giá nhiên liệu tiếp theo hoặc hết tháng, đơn vị tính: Km

γ: Thể trọng đất đá bình quân gia quyền theo tầng.

Khối lượng thống kê được xác định trên cơ sở biên bản thống kê trong tháng giữa Bên A và Bên B.

3. Thanh toán

- Hàng tháng căn cứ biên bản nghiệm thu khối lượng của từng thành viên Liên danh, Bên A đối chiếu xác định giá trị thực hiện trong tháng làm cơ sở thanh toán cho từng thành viên trong liên danh.
- Đơn giá thanh toán: là đơn giá bốc xúc đất đá tại các cấp đất đá, các cung độ nghiệm thu hàng tháng và được điều chỉnh theo quy định của Hợp đồng.
- Hồ sơ thanh toán bao gồm (áp dụng cho từng thành viên trong liên danh):

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng.
+ Biên bản đối chiếu xác định giá trị.
+ Các biên bản phạt vi phạm (nếu có).
+ Hóa đơn GTGT.
+ Giấy đề nghị thanh toán.

- Sau khi đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ, bên A sẽ thanh toán **90%** giá trị của phần khối lượng đã được nghiệm thu trong tháng, **10%** còn lại sẽ được bên A thanh toán cho bên B khi nghiệm thu khối lượng tháng kế tiếp.

+ **10%** giá trị của phần khối lượng đã được nghiệm thu của tháng cuối cùng sẽ được thanh toán sau khi hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng.

- Thời gian thanh toán: trong vòng 90 ngày.
- Hình thức: Thanh toán bằng chuyển khoản;
- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

Điều 6. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh.

Điều 7. Bảo đảm thực hiện hợp đồng.

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 03% giá hợp đồng. Tương đương với giá trị là: 53.402.530.026 đồng.
- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Thư bảo lãnh của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho bên A.
- Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày 31/01/2025.
- Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện Hợp đồng: trong vòng 30 ngày kể từ khi các bên hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng và bên B đề xuất hoàn trả bảo đảm thực hiện Hợp đồng.

Điều 8. Điều chỉnh đơn giá hợp đồng và điều chỉnh khối lượng hợp đồng

a) Việc điều chỉnh đơn giá hợp đồng chỉ được áp dụng trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực.

b) Việc điều chỉnh đơn giá được thực hiện từ thời điểm phát sinh yếu tố làm thay đổi giá.

c) Đơn giá Hợp đồng được điều chỉnh theo sự thay đổi của chi phí nhiên liệu đầu vào.

***) Điều chỉnh đơn giá bốc xúc do giá nhiên liệu thay đổi**

- Đơn giá gốc: là đơn giá của Hợp đồng với giá nhiên liệu là 18.982 đồng/lít (chưa bao gồm thuế GTGT).
- Khi Petrolimex điều chỉnh tăng hoặc giảm giá nhiên liệu so với giá nhiên liệu gốc thì sẽ điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng thực hiện từ ngày hôm sau.

$$ĐG_{đc} = ĐG_{gốc} + \frac{G_{nl} - G_{nl\ gốc}}{G_{nl\ gốc}} \times CF_{nl}$$

$ĐG_{đc}$: Đơn giá điều chỉnh khi giá nhiên liệu thay đổi;

$ĐG_{gốc}$: Đơn giá gốc là đơn giá hợp đồng của công việc bốc xúc khi giá nhiên liệu 18.982 đồng/lít (chưa bao gồm thuế GTGT).

G_{nl}: Giá nhiên liệu tại thời điểm điều chỉnh đơn giá bốc xúc (áp dụng theo đơn giá dầu điêzen 0,05S-II vùng 1 trong thông cáo báo chí của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam chưa bao gồm thuế GTGT);

CF_{nl}: Chi phí nhiên liệu trong đơn giá.

***) Điều chỉnh đơn giá vận chuyển đất đá do giá nhiên liệu thay đổi**

- Đơn giá hợp đồng thay đổi khi giá nhiên liệu thay đổi so với giá nhiên liệu gốc của Hợp đồng theo mỗi lần thông báo (thông cáo báo chí) của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam. Giá nhiên liệu áp dụng trong đơn giá theo giá dầu điezen 0,05S-II (vùng 1).

Giá nhiêu liệu gốc áp dụng trong đơn giá hợp đồng là 18.982 đồng/lít (chưa bao gồm thuế GTGT).

- Khi Tập đoàn xăng dầu Việt Nam có sự thay đổi về đơn giá nhiên liệu thì hai bên thống nhất điều chỉnh vào ngày hôm sau và hai bên thỏa thuận phương pháp xác định điều chỉnh trong hợp đồng theo quy định như sau:

$$ĐG_{đc} = ĐG_{gốc} + \frac{G_{nl} - G_{nl\ gốc}}{G_{nl\ gốc}} \times CF_{nl}$$

$ĐG_{đc}$: Đơn giá điều chỉnh của cung độ khi giá nhiên liệu thay đổi;

$ĐG_{gốc}$: Đơn giá gốc của cung độ tương ứng khi giá nhiên liệu 18.982 đồng/lít (chưa bao gồm thuế GTGT).

G_{nl}: Giá nhiên liệu tại thời điểm điều chỉnh đơn giá vận chuyển (áp dụng theo đơn giá dầu điêzen 0,05S-II vùng 1 trong thông cáo báo chí của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam chưa bao gồm thuế GTGT);

CF_{nl}: Chi phí nhiên liệu trong đơn giá của cung độ tương ứng.

- Đơn giá thanh toán: là đơn giá cung độ đã được nghiệm thu hàng tháng được điều chỉnh theo quy định của Hợp đồng.

d) Điều chỉnh khối lượng:

- Những khối lượng công việc tăng do lỗi chủ quan của bên B gây ra thì không được phép điều chỉnh;

- Những khối lượng công việc giảm theo tiến độ hợp đồng do lỗi chủ quan của thành viên Liên danh gây ra thì Bên A được quyền điều chỉnh giảm khối lượng của thành viên đó và bổ sung cho thành viên khác có đủ năng lực hoặc bên A tự thực hiện.

- Trường hợp khối lượng hợp đồng phải điều chỉnh do ảnh hưởng của điều chỉnh khối lượng giấy phép khai thác và/hoặc điều hành kế hoạch sản xuất của TKV thì hai bên thống nhất điều chỉnh khối lượng hợp đồng theo thực tế.

- Các trường hợp phát sinh khối lượng khác thì hai bên sẽ thỏa thuận trước khi thực hiện…

e) Điều chỉnh đơn giá vận chuyển đất đá do phân loại đường vận chuyển

Đơn giá vận chuyển đất đá của hợp đồng áp dụng trong điều kiện đường vận chuyển là đường loại III.

Khi đường vận chuyển là đường loại I, II thì áp dụng hệ số điều chỉnh k = 0,87.

Khi đường vận chuyển là đường loại IV thì áp dụng hệ số điều chỉnh k = 1,08.

g) Điều chỉnh thuế GTGT: "Được phép" áp dụng điều chỉnh thuế.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm nghiệm thu, xuất hoá đơn nếu chính sách về thuế GTGT có sự thay đổi thì hai bên thống nhất thực hiện chính sách thuế theo quy định của Nhà nước.

Điều 9. Thời gian thực hiện.

- Từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 30/12/2024.

Điều 10. Phạt vi phạm hợp đồng, bồi thường thiệt hại.

1. Phạt vi phạm hợp đồng:

- Trường hợp kết thúc thời gian thực hiện hợp đồng:

+ Bên B thực hiện khối lượng bốc xúc và khối lượng vận chuyển < 90% khối lượng của hợp đồng (hoặc khối lượng hợp đồng đã điều chỉnh) được xác định do lỗi của bên B thì bên B phải chịu phạt 10% giá trị của toàn bộ khối lượng công việc chưa hoàn thành. Đơn giá phạt áp dụng theo đơn giá điều chỉnh tại thời điểm kết thúc hợp đồng.

+ Khối lượng của các thiết bị có công suất lớn:

. Đối với máy xúc: có dung tích gầu ≥ 6,7 m3: (i) Thực hiện từ ≥ 65% đến < 70% tổng khối lượng thực hiện của Liên danh mà nguyên nhân được xác định do lỗi của bên B thì bên B phải chịu phạt 5% giá trị của phần khối lượng chưa hoàn thành. (ii) Thực hiện < 65% tổng khối lượng thực hiện của Liên danh mà nguyên nhân được xác định do lỗi của bên B thì bên B phải chịu phạt 10% giá trị của phần khối lượng chưa hoàn thành. (iii) Đơn giá phạt áp dụng theo đơn giá điều chỉnh tại thời điểm kết thúc hợp đồng.

. Đối với xe ô tô vận chuyển: xe có tải trọng ≥ 90 tấn: (i) Thực hiện từ ≥ 65% đến < 70% tổng khối lượng thực hiện của Liên danh mà nguyên nhân được xác định do lỗi của bên B thì bên B phải chịu phạt 5% giá trị của phần khối lượng chưa hoàn thành. (ii) Thực hiện < 65% tổng khối lượng thực hiện của Liên danh mà nguyên nhân được xác định do lỗi của bên B thì bên B phải chịu phạt 10% giá trị của phần khối lượng chưa hoàn thành. (iii) Đơn giá phạt áp dụng theo đơn giá điều chỉnh tại thời điểm kết thúc hợp đồng.

+ Trong trường hợp bên B bị phạt thì các đơn vị trong Liên danh thống nhất giá trị phạt của từng đơn vị. Nếu không thống nhất được thì bên A sẽ trừ toàn bộ giá trị phạt vào thành viên đứng đầu Liên danh.

- Khi bên B vi phạm về quy định quản lý tài nguyên, khoáng sản thì bên A có quyền chấm dứt hợp đồng đã ký kết.

- Trường hợp bên B vi phạm quy định môi trường, an toàn phòng chống cháy nổ, … mà dẫn đến bên bên A bị phạt theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì bên A sẽ khấu trừ bên B giá trị tương đương với giá trị bên bên A đã nộp phạt. Bên A sẽ thu hồi giá trị đó ngay trong tháng nghiệm thu. Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm về những thiệt hại và chi phí liên quan.

- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu phát hiện Bên B thực hiện đổ thải không đúng vị trí quy định, hai bên sẽ tiến hành lập biên bản, xác định khối lượng đổ thải không đúng vị trí quy định và bên B sẽ không được nghiệm thu khối lượng thực hiện trong ca sản xuất của xe vi phạm.

2. Bồi thường thiệt hại:

- Bên B phải bồi thường và chịu trách nhiệm toàn bộ những tổn hại về con người và thiết bị, tài sản của bên A xảy ra trong quá trình hoạt động tại khai trường của bên A do lỗi của bên B.

- Trường hợp phát sinh sai sót trong quá trình bên B thực hiện, trước khi kết thúc hợp đồng, bên A thông báo cho bên B về các sai sót cần khắc phục.

- Khi nhận được thông báo của bên A, bên B có trách nhiệm kịp thời khắc phục sai sót trong khoảng thời gian hợp lý mà bên A quy định trong thông báo. Trường hợp bên B không khắc phục xong sai sót trong khoảng thời gian cho phép, bên A sẽ đánh giá chi phí cần thiết để khắc phục sai sót và yêu cầu bên B thanh toán, đồng thời sẽ xem xét việc xử lý trách nhiệm theo quy định hợp đồng.

- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế và chi phí cần thiết để khắc phục những sai sót.

Điều 11. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây:

- Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;

- Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;

- Do yêu cầu về công tác sản xuất mà Bên A phải điều chỉnh tiến độ thực hiện để phù hợp với quá trình sản xuất.

- Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành hợp đồng thì hai bên thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành hợp đồng thì hai bên chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh sau khi được người có thẩm quyền cho phép;

- Việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của bên B gây ra.

Điều 12. Bất khả kháng.

- Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.

- Bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.

- Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Điều 13. Chấm dứt hợp đồng.

- Bên A có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho bên B về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau:

+ Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

+ Bên B không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng;

+ Bên B bị mất khả năng thanh toán hoặc phá sản;

- Trong trường hợp bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng, bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm đối với phần hợp đồng do mình thực hiện.

Điều 14. Giải quyết tranh chấp.

- Hai bên có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. Thời gian để tiến hành hòa giải: Trong vòng 20 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp.

- Giải quyết tranh chấp: Trong vòng 20 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng mà không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Tòa án Tỉnh Quảng Ninh để xử lý tranh chấp. Quyết định của Tòa án Tỉnh Quảng Ninh là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên. Mọi chi phí do bên thua chi trả.

Điều 15. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết và bên A nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng hợp lệ.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng lập thành 10 bộ, Bên A giữ 04 bộ, Bên B giữ 06 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A **GIÁM ĐỐC** M.S.D.N: 5702053837 CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV TP. CẨM PHẢ - T. QUẢNG NINH **Phạm Quốc Việt**	**ĐẠI DIỆN BÊN B** **CTCP CÔNG NGHIỆP TÂN TIẾN** **GIÁM ĐỐC** M.S.D.N: 5700 CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TÂN TIẾN TP. CẨM PHẢ - T. QUẢNG NINH **Tống Minh Tân**
CTCP HÀNG HẢI QUẢNG HƯNG **GIÁM ĐỐC** M.S.D.N: 5700 CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI QUẢNG HƯNG TP. HẠ LONG - T. QUẢNG NINH **Phạm Xuân Thắng**	**CTCP NAM ĐỒNG SƠN** **GIÁM ĐỐC** M.S.D.N: 5 CÔNG TY CỔ PHẦN NAM ĐỒNG SƠN THÀNH PHỐ HÀ NỘI **Tăng Thị Hường**
CTCP HOA SƠN **T.GIÁM ĐỐC** M.S.D.N: 5700315734 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN HOA SƠN TP. HẠ LONG - T. QUẢNG NINH **Bùi Văn Long**	**CTCP ĐT VÀ DVVT TRUNG NGHĨA** **T. GIÁM ĐỐC** M.S.D.N: 5700540584 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI TRUNG NGHĨA TP. CẨM PHẢ - T. QUẢNG NINH **Vũ Văn Hiệp**	**CTCP VÂN ĐỒN Đ&T** **GIÁM ĐỐC** S.Đ.K.K.D: 5700960170 CÔNG TY CỔ PHẦN VÂN ĐỒN Đ & T TP. HẠ LONG T. QUẢNG NINH **Nguyễn Trọng Trình**

PHỤ LỤC I: BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số 1278/HĐ-TCS-KH ngày 02/02/2024)

TT	Nội dung	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế VAT 8%)	Thành tiền	Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT	Chi phí nhiên liệu trong ĐG (chưa VAT)
1	Bốc xúc đất đá	m3	14.800.000	8.077,00	119.539.600.000	7.478,70	3.728,80
2	Vận chuyển đất đá (CĐbq 7,959 km)	tkm	307.429.515	4.875,00	1.498.718.885.625	4.513,89	2.254,10
I	**Tổng cộng**				**1.618.258.485.625**		
II	**Chi phí dự phòng (10%)**				**161.825.848.562,5**		
III	**Tổng giá hợp đồng (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí nếu có) (III = I+II)**				**1.780.084.334.187,5**		
	Làm tròn				**1.780.084.334.187**		

Ghi chú:

- Đơn giá trên áp dụng: Đất đá cấp III, đường vận chuyển loại III.
- Đơn giá nhiên liệu áp dụng trong đơn giá là: 18.982 đồng/lit (Chưa bao gồm thuế VAT).

PHỤ LỤC II: BẢNG CHI TIẾT ĐƠN GIÁ

(Kèm theo hợp đồng số 1278/HĐ-TCS-KH ngày 02/02/2024)

TT	Nội dung	ĐVT	Đơn giá	Chi phí nhiên liệu (đồng)
I	**Bốc xúc đất đá**			
1	Đất đá Cấp II	đ/m3	6.590,73	3.546,93
2	Đất đá Cấp III	"	7.478,70	3.728,80
II	**Công tác vận chuyển**			
	Cung độ ký hiệu L (km)			
1	4,0 < L ≤ 4,1	đ/tkm	4.740,11	2.269,56
2	4,1 < L ≤ 4,2	"	4.728,00	2.268,94
3	4,2 < L ≤ 4,3	"	4.716,84	2.268,32
4	4,3 < L ≤ 4,4	"	4.705,68	2.267,70
5	4,4 < L ≤ 4,5	"	4.695,48	2.267,08
6	4,5 < L ≤ 4,6	"	4.685,28	2.266,47
7	4,6 < L ≤ 4,7	"	4.675,56	2.265,85
8	4,7 < L ≤ 4,8	"	4.665,84	2.265,23
9	4,8 < L ≤ 4,9	"	4.656,12	2.264,61
10	4,9 < L ≤ 5,0	"	4.646,40	2.263,99
11	5,0 < L ≤ 5,1	"	4.637,86	2.263,50
12	5,1 < L ≤ 5,2	"	4.629,32	2.263,00
13	5,2 < L ≤ 5,3	"	4.620,79	2.262,51
14	5,3 < L ≤ 5,4	"	4.612,24	2.262,00
15	5,4 < L ≤ 5,5	"	4.603,69	2.261,52
16	5,5 < L ≤ 5,6	"	4.596,11	2.261,03
17	5,6 < L ≤ 5,7	"	4.588,52	2.260,53
18	5,7 < L ≤ 5,8	"	4.580,95	2.260,04
19	5,8 < L ≤ 5,9	"	4.573,36	2.259,53
20	5,9 < L ≤ 6,0	"	4.565,77	2.259,04
21	6,0 < L ≤ 6,1	"	4.560,74	2.258,80
22	6,1 < L ≤ 6,2	"	4.555,70	2.258,55
23	6,2 < L ≤ 6,3	"	4.550,66	2.258,30
24	6,3 < L ≤ 6,4	"	4.545,62	2.258,05
25	6,4 < L ≤ 6,5	"	4.540,58	2.257,80
26	6,5 < L ≤ 6,6	"	4.538,81	2.257,56
27	6,6 < L ≤ 6,7	"	4.537,02	2.257,31
28	6,7 < L ≤ 6,8	"	4.535,26	2.257,06
29	6,8 < L ≤ 6,9	"	4.533,47	2.256,81

TT	Nội dung	ĐVT	Đơn giá	Chi phí nhiên liệu (đồng)
30	6,9 < L ≤ 7,0	đ/tkm	4.531,68	2.256,57
31	7,0 < L ≤ 7,1	"	4.529,91	2.256,33
32	7,1 < L ≤ 7,2	"	4.528,12	2.256,08
33	7,2 < L ≤ 7,3	"	4.526,35	2.255,83
34	7,3 < L ≤ 7,4	"	4.524,57	2.255,58
35	7,4 < L ≤ 7,5	"	4.522,79	2.255,34
36	7,5 < L ≤ 7,6	"	4.521,01	2.255,09
37	7,6 < L ≤ 7,7	"	4.519,22	2.254,84
38	7,7 < L ≤ 7,8	"	4.517,45	2.254,59
39	7,8 < L ≤ 7,9	"	4.515,67	2.254,34
40	7,9 < L ≤ 8,0	"	4.513,89	2.254,10
41	8,0 < L ≤ 8,1	"	4.509,81	2.253,85
42	8,1 < L ≤ 8,2	"	4.505,73	2.253,60
43	8,2 < L ≤ 8,3	"	4.501,65	2.253,35
44	8,3 < L ≤ 8,4	"	4.497,56	2.253,10
45	8,4 < L ≤ 8,5	"	4.493,49	2.252,86
46	8,5 < L ≤ 8,6	"	4.489,41	2.252,61
47	8,6 < L ≤ 8,7	"	4.485,34	2.252,37
48	8,7 < L ≤ 8,8	"	4.481,25	2.252,11
49	8,8 < L ≤ 8,9	"	4.477,17	2.251,86
50	8,9 < L ≤ 9,0	"	4.473,09	2.251,62
51	9,0 < L ≤ 9,1	"	4.469,01	2.251,38
52	9,1 < L ≤ 9,2	"	4.464,94	2.251,14
53	9,2 < L ≤ 9,3	"	4.460,85	2.250,88
54	9,3 < L ≤ 9,4	"	4.456,77	2.250,63
55	9,4 < L ≤ 9,5	"	4.452,70	2.250,39
56	9,5 < L ≤ 9,6	"	4.448,62	2.250,14
57	9,6 < L ≤ 9,7	"	4.444,54	2.249,90
58	9,7 < L ≤ 9,8	"	4.440,45	2.249,64
59	9,8 < L ≤ 9,9	"	4.436,37	2.249,39
60	9,9 < L ≤ 10,0	"	4.432,30	2.249,15
61	10,0 < L ≤ 10,1	"	4.428,22	2.248,90
62	10,1 < L ≤ 10,2	"	4.424,15	2.248,66
63	10,2 < L ≤ 10,3	"	4.420,05	2.248,40
64	10,3 < L ≤ 10,4	"	4.415,97	2.248,15
65	10,4 < L ≤ 10,5	"	4.411,90	2.247,91

TT	Nội dung	ĐVT	Đơn giá	Chi phí nhiên liệu (đồng)
66	10,5 < L ≤ 10,6	đ/tkm	4.407,82	2.247,66
67	10,6 < L ≤ 10,7	"	4.403,75	2.247,42
68	10,7 < L ≤ 10,8	"	4.399,66	2.247,16
69	10,8 < L ≤ 10,9	"	4.395,58	2.246,91
70	10,9 < L ≤ 11,0	"	4.391,50	2.246,67
71	11,0 < L ≤ 11,1	"	4.387,42	2.246,43
72	11,1 < L ≤ 11,2	"	4.383,35	2.246,19
73	11,2 < L ≤ 11,3	"	4.379,26	2.245,93
74	11,3 < L ≤ 11,4	"	4.375,18	2.245,68
75	11,4 < L ≤ 11,5	"	4.371,11	2.245,44
76	11,5 < L ≤ 11,6	"	4.367,03	2.245,19
77	11,6 < L ≤ 11,7	"	4.362,95	2.244,95
78	11,7 < L ≤ 11,8	"	4.358,86	2.244,69
79	11,8 < L ≤ 11,9	"	4.354,78	2.244,44
80	11,9 < L ≤ 12,0	"	4.350,71	2.244,20
81	12,0 < L ≤ 12,1	"	4.346,63	2.243,95
82	12,1 < L ≤ 12,2	"	4.342,56	2.243,71

Ghi chú:

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT.
- Đơn giá nhiên liệu tại thời điểm tính toán: 18.982 đồng/lit (Chưa bao gồm thuế VAT).

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN-TKV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cẩm Phả, ngày 29 tháng 12 năm 2023

PHỤ LỤC
Hợp đồng số 1968/ HĐ-TCS-KH&GTSP ngày 08/4/2014

Căn cứ hợp đồng số 1968/HĐ-TCS-KH&GTSP ngày 08/4/2014 giữa Công ty cổ phần than Cao Sơn-Vinacomin với Nhà thầu Liên danh Công ty cổ phần Tân Phú Xuân và các phụ lục liên khác liên quan

Căn cứ biên bản làm việc ngày 29/12/2023 giữa Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV và Công ty cổ phần Tân Phú Xuân.

Chúng tôi gồm các bên dưới đây:

I. CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - TKV (Bên A)

Người đại diện: Ông **Phạm Quốc Việt** - Chức vụ: Giám đốc

II. CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ XUÂN (Bên B)

Người đại diện: Ông **Bùi Đức Thuận** - Chức vụ: Giám đốc.

Hai bên thỏa thuận ký phụ lục hợp đồng số 1968/HĐ-TCS-KH&GTSP ngày 08/4/2014 với các nội dung sau:

Điều 1. Sản lượng, đơn giá thuê vận chuyển đất đá bằng băng tải năm 2024:

1. Sản lượng vận chuyển, thời gian hoạt động của băng tải năm 2024:
- Sản lượng vận chuyển: 20 triệu m^3 đất đá.
- Thời gian hoạt động và công suất vận chuyển của Hệ thống băng tải thực hiện theo quy định của hợp đồng.

2. Đơn giá thuê vận chuyển đất đá bằng băng tải : Hai bên sẽ làm việc cụ thể theo quy định của hợp đồng 1968/HĐ – TCS - KH&GTSP và các phụ lục kèm theo để báo cáo TKV.

Điều 2. Các nội dung khác thực hiện theo hợp đồng số 1968/HĐ-TCS-KH&GTSP ngày 08/4/2014 và các phụ lục hợp đồng.

Điều 3. Phụ lục hợp đồng này là phần không thể tách rời của hợp đồng số 1968/HĐ-TCS-KH&GTSP ngày 08/4/2014.

Phụ lục hợp đồng được lập thành 08 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 04 bản.

Phụ lục hợp đồng được ký tại trụ sở của Công ty cổ phần than Cao Sơn: Phường Cẩm Sơn-Thành phố Cẩm Phả-Tỉnh Quảng Ninh. /.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
GIÁM ĐỐC	**GIÁM ĐỐC**
Phạm Quốc Việt	**Bùi Đức Thuận**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
XÂY DỰNG – VẬN HÀNH – VẬN CHUYỂN ĐẤT ĐÁ
Trạm nghiền và Hệ thống băng tải vận chuyển đất đá ra bãi thải Bàng Nâu

(Số: ..1.9.6.8./HĐ-TCS-KH&GTSP ngày 08/4/2014)

Giữa bên giao thầu: (Bên A)
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Và bên nhận thầu: (Bên B)
NHÀ ĐẦU TƯ-NHÀ THẦU LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ XUÂN

Gói thầu số 3:
Lựa chọn nhà đầu tư xây dựng, vận hành
Trạm nghiền và hệ thống băng tải vận chuyển đất đá ra bãi thải Bàng Nâu (Khảo sát xây dựng, lập TKBVTC-Dự toán, thi công xây dựng, vận hành)

Thuộc dự án:
Cải tạo mở rộng mỏ than Cao Sơn-Công ty cổ phần than Cao Sơn-TKV
(nay là Công ty cổ phần than Cao Sơn-Vinacomin)

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 4 năm 2014

MỤC LỤC

Trang

MỤC LỤC 2

Điều 1. CÁC TỪ VIẾT TẮT VÀ CÁC THUẬT NGỮ ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA 6
Điều 2. LOẠI HỢP ĐỒNG, THÀNH PHẦN HỢP ĐỒNG VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN ÁP DỤNG,GIẢI THÍCH 11

PHẦN I. XÂY DỰNG - VẬN HÀNH HỆ THỐNG BĂNG TẢI 12

Điều 3. PHẠM VI CÔNG VIỆC VÀ GIÁ CỦA PHẦN XÂY DỰNG – VẬN HÀNH 12
Điều 4. CÁC HỢP ĐỒNG CÓ LIÊN QUAN 13
Điều 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA THAN CAO SƠN 14
Điều 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ: 15
Điều 7. KHẢO SÁT, XÂY DỰNG, CHẠY THỬ, NGHIỆM THU HỆ THỐNG BĂNG TẢI: 19
Điều 8. MẶT BẰNG VÀ MÔI TRƯỜNG: 22
Điều 9. CÁC ĐIỀU CHỈNH: 22

PHẦN II. VẬN CHUYỂN ĐẤT ĐÁ 25

Điều 10. CÔNG SUẤT VÀ SẢN LƯỢNG VẬN CHUYỂN: 25
Điều 11. CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ THIẾT BỊ KỸ THUẬT: 25
Điều 12. CHI PHÍ VẬN CHUYỂN: 26
Điều 13. LẬP CHỨNG TỪ THANH TOÁN VÀ THANH TOÁN: 26

PHẦN III. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG 29

Điều 14. THỜI HẠN HỢP ĐỒNG: 27
Điều 15. NHÀ ĐẦU TƯ CHUYỂN GIAO HỆ THỐNG BĂNG TẢI: 29
Điều 16. CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ: 31
Điều 17. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG: 31
Điều 18. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG TRƯỚC THỜI HẠN: 34
Điều 19. THANH LÝ HỢP ĐỒNG, CÁC CHẾ TÀI XỬ LÝ VI PHẠM, TÁC ĐỘNG CỦA CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG 39
Điều 20. KHIẾU NẠI VÀ CÁC GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM CỤ THỂ: 40
Điều 21. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP: 40
Điều 22. PHỐI HỢP GIỮA CÁC BÊN: 41
Điều 23. BẢO MẬT: 42
Điều 24. THÔNG BÁO: 42
Điều 25. BẢO ĐẢM VÀ CAM KẾT: 43
Điều 26. LUẬT ÁP DỤNG: 45
Điều 27. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG: 45

CÁC PHỤ LỤC 47

PHỤ LỤC 1 VỐN ĐẦU TƯ HỆ THỐNG BĂNG TẢI 47
PHỤ LỤC 2 TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ 57
PHỤ LỤC 3 CÁC TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG 58
PHỤ LỤC 4 QUY TRÌNH KIỂM TRA CÁC TIÊU CHUẨN VẬN HÀNH 59
PHỤ LỤC 5 MẪU BẢN KÊ TÀI SẢN 61
PHỤ LỤC 6 MẪU BẢO ĐẢM THỰC HIỆN 62
PHỤ LỤC 7 MẪU GIẤY XÁC NHẬN THANH TOÁN 62
PHỤ LỤC 8 CHI PHÍ VẬN HÀNH HỆ THỐNG BĂNG TẢI 62

HỢP ĐỒNG
XÂY DỰNG – VẬN HÀNH – VẬN CHUYỂN ĐẤT ĐÁ
(sau đây gọi tắt là **Hợp Đồng**)

Hợp Đồng được ký vào ngày 08 tháng 4 năm 2014

Giữa:

BÊN GIAO THẦU (BÊN A): CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

- Địa chỉ: phường Cẩm Sơn- thành phố Cẩm Phả- tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại: 033. 3862210
- Fax: 033. 3863945
- Mã số thuế: 57 00101098
- Tài khoản số: 102010000223676 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam-Chi Nhánh Cẩm Phả - Quảng Ninh.
- Người đại diện: Ông Nguyễn Xuân Lập
- Chức vụ: Giám đốc

Và:

BÊN NHẬN THẦU (BÊN B): NHÀ ĐẦU TƯ- LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ XUÂN

1. CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ XUÂN

- Địa chỉ: Cụm 2-thị trấn Phú Thứ-huyện Kinh Môn-tỉnh Hải Dương
- Điện thoại: 0320. 3821333
- Fax: 0320. 3820547
- Mã số thuế: 0800288644
- Tài khoản số: 46210000044324 Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư phát triển Hải Dương-phòng giao dịch Hoàng Thạch.
- Người đại diện: Ông Bùi Đức Thuận
- Chức vụ: Giám đốc.

2. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG VÀ KHAI THÁC MỎ TÂN VIỆT BẮC

- Địa chỉ: số 20-ngõ 8-Ngô Gia Tự-phường Đức Giang-quận Long Biên-Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 043. 9845482
- Fax: 043. 9845563
- Mã số thuế: 0101211399
- Tài khoản số: 46210000000450 Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư phát triển Hải Dương-phòng giao dịch Hoàng Thạch.
- Người đại diện: Ông Nguyễn Văn Bắc
- Chức vụ: Giám đốc.

GIỚI THIỆU

Công ty Cổ phần Than Cao Sơn mong muốn Nhà Đầu Tư và Nhà Đầu Tư mong muốn bằng nguồn tài chính của mình: khảo sát, thiết kế, xây dựng, sở hữu, bảo dưỡng, vận hành công trình Trạm nghiền và Hệ thống Băng Tải để vận chuyển đất đá thuê cho Công ty Cổ phần Than Cao Sơn.

Để công trình Trạm nghiền và Hệ thống Băng Tải vận chuyển đất đá ra bãi thải Bàng Nâu có thể hoạt động được, Công Trình Cơ Sở Hạ Tầng và Công Trình Nhà Ở sẽ được Các Bên đầu tư xây dựng.

Công trình Trạm nghiền và Hệ thống Băng tải vận chuyển đất đá ra bãi thải Bàng Nâu, Công Trình Nhà Ở và Công Trình Cơ Sở Hạ Tầng được mô tả theo các mục (i), (ii) và (iii) dưới đây; tất cả các công trình này được đặt tại hoặc gần Địa Điểm là Khai trường Mỏ than Cao Sơn - Công ty cổ phần Than Cao Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

(i) Công trình Trạm nghiền và Hệ thống Băng tải vận chuyển đất đá ra bãi thải Bàng Nâu gồm: hệ thống Bunke, hai Máy nghiền, tuyến Băng tải, thiết bị dỡ tải và các thiết bị, máy móc cần thiết có liên quan, sẽ do Nhà Đầu Tư bằng nguồn tài chính của mình khảo sát, thiết kế, xây dựng, sở hữu, bảo dưỡng, vận hành để Nhà Đầu Tư vận chuyển thuê đất đá thải cho Công ty cổ phần Than Cao Sơn từ khai trường Mỏ than Cao Sơn đến đổ thải tại Bãi thải Bàng Nâu theo Hướng tuyến đã được Công ty Cổ phần Than Cao Sơn xác định.

(ii) Công Trình Nhà Ở: sẽ do Nhà Đầu Tư, bằng nguồn tài chính của mình khảo sát, thiết kế, xây dựng , sở hữu nhằm mục đích phục vụ cho việc thi công xây dựng, sở hữu, vận hành Trạm nghiền và Hệ Thống Băng Tải vận chuyển đất đá ra bãi thải Bàng Nâu.

(iii) Công Trình Cơ Sở Hạ Tầng gồm: Trạm cân và Hệ Thống Cung Cấp Điện sẽ được Công ty cổ phần Than Cao Sơn bằng nguồn tài chính của mình khảo sát, thiết kế, xây dựng, sở hữu , vận hành nhằm mục đích phục vụ cho vận hành Trạm nghiền và Hệ Thống Băng Tải vận chuyển đất đá ra bãi thải Bàng Nâu.

CÁC CĂN CỨ:

(1) Hiến Pháp năm 2013 của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được Quốc Hội khóa XIII thông qua ngày 28 tháng 11 năm 2013 và bất kỳ sửa đổi và bổ sung nào của Hiến Pháp đó;

(2) Bộ Luật Dân Sự số 33/2005/QH11 được Quốc Hội khóa XI thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005 và bất kỳ sửa đổi và bổ sung nào của Bộ Luật Dân Sự;

(3) Luật Đầu Tư số 59/2005/QH11 được Quốc Hội khóa XI thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và bất kỳ sửa đổi và bổ sung nào của Luật Đầu Tư;

(4) Luật Doanh Nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc Hội khóa XI thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và bất kỳ sửa đổi và bổ sung nào của Luật Doanh Nghiệp;

(5) Luật Xây Dựng số 16/2003/QH11 được Quốc Hội khóa XI thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003 và bất kỳ sửa đổi và bổ sung nào của Luật Xây Dựng;

(6) Luật Đấu Thầu số 61/2005/QH11 được Quốc Hội khóa XI thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và bất kỳ sửa đổi và bổ sung nào của Luật Đấu Thầu;

(7) Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành luật Đấu Thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo luật Xây Dựng;

(8) Các quy định khác của pháp luật về công tác Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình;

(9) Quyết định số 1257/QĐ-BTNMT ngày 22/8/2007 của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường V/v phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: Cải tạo và mở rộng sản xuất kinh doanh Công ty cổ phần than Cao Sơn;

(10) Công văn số 8754A/CV-HĐQT ngày 30/12/2008 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam V/v đầu tư dự án: Cải tạo mở rộng mỏ than Cao Sơn;

(11) Quyết định số 7768/QĐ-HĐQT ngày 31/12/2008 của HĐQT Công ty cổ phần Than Cao Sơn-TKV về việc phê duyệt dự án: Cải tạo mở rộng mỏ than Cao Sơn-Công ty cổ phần than Cao Sơn - TKV;

(12) Quyết định số 5580/QĐ-TCS-VPHĐQT ngày 27/9/2012 của HĐQT Công ty cổ phần Than Cao Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư: Cải tạo mở rộng mỏ than Cao Sơn - Công ty cổ phần than Cao Sơn - Vinacomin;

(13) Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 04/7/2012 của UBND tỉnh Quảng Ninh V/v phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án: Cải tạo mở rộng mỏ than Cao Sơn - Công ty cổ phần than Cao Sơn-Vinacomin tại phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;

(14) Quyết định số 2940/QĐ-UBND ngày 28/10/2013 của UBND tỉnh Quảng Ninh V/v phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án: Cải tạo mở rộng mỏ than Cao Sơn tại phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;

(15) Thông báo số 47/VINACOMIN-VP ngày 26/3/2012 thông báo kết luận của Phó TGĐ Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam Nguyễn Chiến Thắng về việc triển khai thực hiện đầu tư Tuyến băng tải đá đi Bắc Bàng Nâu-Công ty cổ phần than Cao Sơn-TKV và Tuyến Băng tải đá ra bãi thải Nam Khe Tam-Công ty cổ phần than Đèo Nai;

(16) Công văn số 4734/VINACOMIN–ĐT ngày 11/9/2012 của Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam V/v thông qua một số tiêu chí lập hồ sơ mời thầu gói thầu số 3: Lựa chọn Nhà Đầu Tư xây dựng, vận hành Trạm nghiền và hệ thống băng tải vận chuyển đất đá ra bãi thải Bàng Nâu (Khảo sát xây dựng, lập TKBVTC-Dự toán, thi công xây dựng, vận hành), thuộc dự án: Cải tạo mở rộng mỏ than Cao Sơn - Công ty cổ phần than Cao Sơn-TKV (nay là Công ty cổ phần than Cao Sơn-Vinacomin);

(17) Quyết định số 5781/QĐ-TCS-ĐTXD ngày 8/10/2012 của Giám đốc Công ty cổ phần Than Cao Sơn-Vinacomin V/v phê duyệt TKKT & DT Tuyến băng tải đá đi Bắc Bàng Nâu (Tuyến số 1), Hệ thống cung cấp điện phục vụ tuyến băng tải và các thiết bị phục vụ sản xuất thuộc dự án: Cải tạo mở rộng mỏ than Cao Sơn - Công ty cổ phần than Cao Sơn-TKV (nay là Công ty cổ phần than Cao Sơn-Vinacomin);

(18) Quyết định số 5836/QĐ-TCS-VPHĐQT ngày 10/10/2012 của HĐQT Công ty cổ phần Than Cao Sơn-Vinacomin V/v Phê duyệt kế hoạch đấu thầu Tuyến Băng tải đá đi Bắc Bàng Nâu (Tuyến số 1), Hệ thống cung cấp điện phục vụ tuyến băng tải và các thiết bị phục vụ sản xuất thuộc dự án: Cải tạo mở rộng mỏ than Cao Sơn - Công ty cổ phần than Cao Sơn-TKV (nay là Công ty cổ phần than Cao Sơn-Vinacomin);

(19) Công văn số 876/VINACOMIN-ĐT ngày 22/2/2013 của Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam V/v điều chỉnh hình thức lựa chọn nhà thầu, gói thầu số 3: Lựa chọn Nhà Đầu Tư xây dựng, vận hành Trạm nghiền và hệ thống băng tải vận chuyển đất đá ra bãi thải Bàng Nâu (Khảo sát xây dựng, lập TKBVTC-Dự toán, thi công xây dựng, vận hành), thuộc dự án: Cải tạo mở rộng mỏ than Cao Sơn - Công ty cổ phần than Cao Sơn-TKV;

(20) Quyết định số 1586/QĐ-TCS-VPHĐQT ngày 25/3/2013 của HĐQT Công ty cổ phần Than Cao Sơn V/v Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đấu thầu Tuyến băng tải đá đi Bắc Bàng Nâu (Tuyến số 1), Hệ thống cung cấp điện phục vụ tuyến băng tải và các thiết bị phục vụ sản xuất thuộc dự án: Cải tạo mở rộng mỏ than Cao Sơn - Công ty cổ phần than Cao Sơn-TKV;

(21) Quyết định số 1602/QĐ-TCS-DA ngày 26/3/2013của Công ty cổ phần than Cao Sơn - Vinacomin về việc Phê duyệt Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 3: Lựa chọn Nhà Đầu Tư xây dựng, vận hành Trạm nghiền và hệ thống băng tải vận chuyển đất đá ra bãi thải Bàng Nâu (Khảo sát xây dựng, lập TKBVTC-Dự toán, thi công xây dựng, vận hành), thuộc dự án: Cải tạo mở rộng mỏ than Cao Sơn - Công ty cổ phần than Cao Sơn-TKV;

(22) Văn bản số 1846/TKV-ĐC ngày 03/4/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam V/v thông qua đơn giá vận chuyển đất đá bằng băng tải gói thầu số 3: Lựa chọn Nhà Đầu Tư xây dựng, vận hành Trạm nghiền và hệ thống băng tải vận chuyển đất đá ra bãi thải Bàng Nâu (Khảo sát xây dựng, lập TKBVTC- Dự toán, thi công xây dựng, vận hành). Thuộc dự án: Cải tạo mở rộng mỏ than Cao Sơn-Công ty cổ phần than Cao Sơn-TKV (nay là Công ty cổ phần than Cao Sơn-Vinacomin);

(23) Biên bản số: 1863/BB-TCS-DA ngày 03/4/2014 V/v thương thảo, hoàn thiện Hợp Đồng Xây Dựng – Vận Hành – Vận Chuyển đất đá ra bãi thải Bàng Nâu giữa Công ty cổ phần than Cao Sơn-Vinacomin và Nhà Đầu Tư-Nhà thầu liên danh Công ty cổ phần Tân Phú Xuân;

(24) Quyết định số 1881/QĐ-TCS-DA ngày 04/4/2014 của Giám đốc Công ty cổ phần than Cao Sơn - Vinacomin về việc phê duyệt kết quả đấu thầu Gói thầu số 3: Lựa chọn nhà đầu tư xây dựng, vận hành trạm nghiền và hệ thống băng tải vận chuyển đất đá ra bãi thải Bàng Nâu (Khảo sát xây dựng, lập TKBVTC-Dự toán, thi công xây dựng, vận hành) Thuộc dự án: Cải tạo mở rộng mỏ than Cao Sơn-Công ty cổ phần than Cao Sơn-TKV (nay là Công ty cổ phần than Cao Sơn-Vinacomin);

(25) Thông báo số 1882/TB-TCS-DA ngày 04/4/2014 về việc thông báo kết quả trúng thầu.

Các Bên thỏa thuận, thống nhất ký kết hợp đồng theo các điều khoản sau:

Điều 1. CÁC TỪ VIẾT TẮT, CÁC THUẬT NGỮ ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA, GIẢI THÍCH

1.1. Các từ viết tắt, các thuật ngữ được định nghĩa

Trừ khi được định nghĩa khác đi trong Hợp Đồng, các thuật ngữ được sử dụng trong Hợp

Đồng (bao gồm cả phần giới thiệu nêu trên) sẽ có nghĩa như sau:

TKV là Tập Đoàn Công Nghiệp Than-Khoáng Sản Việt Nam.

Than Cao Sơn là Công ty cổ phần than Cao Sơn-Vinacomin.

Nhà Đầu Tư là Nhà thầu liên danh Công ty cổ phần Tân Phú Xuân, những người kế nhiệm hợp pháp hoặc những người được thừa hưởng của Nhà Đầu Tư có sự đồng ý của Than Cao Sơn.

Các Bên là Than Cao Sơn và Nhà Đầu Tư nói chung, Bên là từng bên trong Hợp Đồng.

Bên Bị Ảnh Hưởng của Sự Kiện Bất Khả Kháng được quy định tại Điều 17.

Cơ Quan Hữu Quan là bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước Việt Nam nào có liên quan trong ngữ cảnh mà thuật ngữ này được sử dụng.

UBND tỉnh Quảng Ninh là Ủy ban nhân nhân tỉnh Quảng Ninh.

QHCTXD là Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án: Cải tạo mở rộng mỏ than Cao Sơn-Công ty cổ phần than Cao Sơn-TKV (nay là Công ty cổ phần than Cao Sơn - Vinacomin) đã được UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt.

TKKT là Thiết kế kỹ thuật của dự án: Cải tạo mở rộng mỏ than Cao Sơn - Công ty cổ phần than Cao Sơn - TKV đã được Công ty cổ phần than Cao Sơn phê duyệt.

TKBVTC là Thiết kế bản vẽ thi công.

Hệ Thống Băng Tải là Trạm nghiền và Hệ thống băng tải vận chuyển đất đá ra bãi thải Bàng Nâu.

Thiết Kế Được Duyệt là TKBVTC của Hệ Thống Băng Tải do Nhà đầu tư lập theo đề xuất kỹ thuật trong Hồ sơ dự thầu, được Than Cao Sơn chấp thuận bằng văn bản.

Ngày Làm Việc là ngày làm việc chính thức theo quy định của Chính phủ.

Ngày Bắt Đầu là ngày khi Hợp Đồng có hiệu lực và Than Cao Sơn bàn giao toàn bộ mặt bằng Địa Điểm xây dựng công trình Hệ Thống Băng Tải cho Nhà Đầu Tư.

Ngày Vận Hành Thương Mại là ngày Hệ Thống Băng Tải bắt đầu vận chuyển đất đá chính thức cho Than Cao Sơn hoặc là ngày lấy theo quy định tại Điều 7 trong trường hợp có trở ngại khi thực hiện Chạy Thử.

Ngày Vận Hành Thương Mại Theo Yêu Cầu là ngày Hệ Thống Băng Tải phải bắt đầu vận chuyển đất đá cho Than Cao Sơn theo quy định cụ thể tại Phụ lục 2 (nhưng có thể được gia hạn phù hợp với quy định của Hợp Đồng).

Ngày Bắt Đầu Tính Sản Lượng Vận Tải là ngày Hệ Thống Băng Tải chính thức vận chuyển đất đá cho Than Cao Sơn.

Ngày Chấm Dứt là ngày mà Thông Báo Chấm Dứt được gửi.

Ngày Chuyển Giao là ngày sẽ do Nhà Đầu Tư và Than Cao Sơn thỏa thuận.

Sự Kiện Được Coi Là Chậm Trễ Ngày Vận Hành Thương Mại là Ngày Vận Hành Thương Mại của Hệ Thống Băng Tải không diễn ra vào Ngày Vận Hành Thương Mại Theo Yêu Cầu của Hệ Thống Băng Tải, nhưng không phải là hậu quả của bất kỳ: (i) một Sự Kiện Bất Khả Kháng; (ii) do lỗi của Than Cao Sơn.

Bồi Thường Do Chậm Trễ là khoản bồi thường mà Nhà Đầu Tư phải thanh toán cho Than Cao Sơn khi Nhà Đầu Tư vì bất cứ lý do gì (trừ khi do lỗi của Than Cao Sơn hoặc do nguyên nhân Bất Khả Kháng) để xảy ra Chậm Trễ Ngày Vận Hành Thương Mại, được quy định tại Phụ lục 8.

Bồi Thường Do Thiếu Hụt là khoản bồi thường mà Nhà Đầu Tư phải thanh toán cho Than Cao Sơn khi Nhà Đầu Tư vì bất cứ lý do gì (trừ khi do lỗi của Than Cao Sơn hoặc do nguyên nhân Bất Khả Kháng) không vận chuyển đủ khối lượng đất đá theo kế hoạch đã được Các Bên thống nhất, được quy định tại Phụ lục 8.

Bồi Thường Do Ngừng Hoạt Động là khoản bồi thường mà Nhà Đầu Tư phải thanh toán cho Than Cao Sơn khi xảy ra việc ngừng vận chuyển đất đá mà nguyên nhân là do lỗi của Nhà Đầu Tư, được quy định tại Phụ lục 8.

Bồi Thường Do Chậm Đưa Vào Sử Dụng là khoản bồi thường mà Than Cao Sơn phải thanh toán cho Nhà Đầu Tư khi Hệ Thống Băng Tải đã chạy thử không tải thành công nhưng Nhà Đầu Tư không thể tiến hành chạy thử có tải theo lịch biểu mà nguyên nhân là do lỗi của Than Cao Sơn, được quy định tại Phụ lục 8.

Thời Hạn Hợp Đồng được quy định tại Điều 14, trong đó: Thời Hạn Xây Dựng được quy định tại Điều 14.1 và Thời Hạn Vận Hành được quy định tại Điều 14.2.

Địa Điểm là địa điểm xây dựng Hệ Thống Băng Tải trong Hợp Đồng.

Chuẩn Bị Địa Điểm là Than Cao Sơn, bằng chi phí của mình thực hiện các công việc: đền bù, giải phóng mặt bằng Địa Điểm, đổ đất tạo nền theo thiết kế.

Khu Đất Xây Dựng Công Trình là khu đất được Than Cao Sơn giao cho Nhà Đầu Tư để thực hiện xây dựng và lắp đặt Hệ Thống Băng Tải. Trong suốt quá trình vận hành của Nhà Đầu Tư, Khu Đất Xây Dựng Công Trình luôn thuộc quyền sở hữu của Than Cao Sơn và Than Cao Sơn phải nộp tiền thuế sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Quy Định An Toàn Vận Hành Thiết Bị Băng Tải, Máy Nghiền là quy định an toàn vận hành thiết bị băng tải vận chuyển đất đá thông thường, bên ngoài hầm lò và quy định an toàn vận hành thiết bị máy nghiền.

Các Tiêu Chuẩn Môi Trường là các tiêu chuẩn môi trường Việt Nam (liệt kê tại Phụ lục 3).

Bản Kê Tài Sản là bản kê các tài sản, bao gồm: (i) các tài sản cố định cùng nhau hợp thành Hệ Thống Băng Tải, (i) tất cả các vật tư tiêu hao và hàng hoá hợp lý cần có cho việc vận hành và duy trì Hệ Thống Băng Tải của Nhà Đầu Tư phù hợp với Quy Định An Toàn Vận Hành Thiết Bị Băng Tải, Máy Nghiền, (iii) các quyền sở hữu trí tuệ thuộc sở hữu của Nhà Đầu Tư, bao gồm bất kỳ quyền nào liên quan đến thiết bị, thiết kế, đào tạo nhân lực, vận hành và bảo trì Hệ Thống Băng Tải.

Bản kê này sẽ được Nhà Đầu Tư tổng hợp và duy trì trong suốt thời gian vận hành. Bản Kê Tài Sản phải theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 và sẽ được Nhà Đầu Tư cập nhật vào ngày 31 tháng 12 hàng năm để ghi nhận các thay đổi trong năm về các thiết bị, tài sản thuộc sở hữu của Nhà Đầu Tư và một bản sao Bản Kê Tài Sản sửa đổi đó phải được nộp cho Than Cao Sơn. Bản Kê Tài Sản cũng sẽ được Nhà Đầu Tư cập nhật ngay trước khi chuyển giao bất kỳ tài sản nào cho Than Cao Sơn.

Nhà Đầu Tư không được phép tách một tài sản ra khỏi Hệ Thống Băng Tải hoặc đưa

ra khỏi Bản Kê Tài Sản trừ khi tài sản đó được thay thế bằng thiết bị, tài sản có chức năng hoạt động tương tự hoặc tốt hơn, hoặc trừ khi chức năng của tài sản đó không còn cần thiết cho hoạt động kinh doanh của Nhà Đầu Tư.

Hoàn Thành hoặc Đã Hoàn Thành liên quan đến một hạng mục của Hệ Thống Băng Tải, là hạng mục đó đã được Than Cao Sơn xây dựng, kiểm tra, chạy thử, đã được nghiệm thu hoàn thành và được kết nối hoặc cấp cho Nhà Đầu Tư.

Hợp Đồng là hợp đồng này và bao gồm các tài liệu kèm theo.

Hợp Đồng Xây Dựng là một hoặc nhiều hợp đồng được ký kết giữa Nhà Đầu Tư với các Nhà Thầu Xây Dựng do Nhà Đầu Tư quyết định để khảo sát, thiết kế, xây dựng, ... để thực hiện một phần hoặc toàn bộ Hệ Thống Băng Tải theo quy định của Điều 4.1.

Hợp Đồng Cung Cấp Thiết Bị là một hoặc nhiều hợp đồng được ký giữa Nhà Đầu Tư với các Nhà Thầu Cung Cấp Thiết Bị theo quyết định của Nhà Đầu Tư để cung cấp, lắp đặt một phần hoặc tất cả các máy móc, thiết bị và vật tư cần thiết cho Hệ Thống Băng Tải theo quy định của Điều 4.2.

Hợp Đồng Vận Hành Và Bảo Trì là các hợp đồng hoặc các thỏa thuận liên quan đến việc vận hành và bảo trì Hệ Thống Băng Tải giữa Nhà Đầu Tư với các Nhà Thầu Vận Hành Và Bảo Trì, kể cả việc bảo trì dài hạn cho thiết bị chính của Hệ Thống Băng Tải và/hoặc hỗ trợ kỹ thuật, cử người hoặc thu xếp hỗ trợ khác liên quan đến việc vận hành Hệ Thống Băng Tải theo quy định của Điều 4.3.

Vi Phạm là vi phạm của Bên nào đó trong Hợp Đồng.

Tranh Chấp là bất kỳ tranh chấp, bất đồng, tranh cãi hoặc khiếu nại nào phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này, hoặc một hợp đồng có liên quan, bao gồm bất kỳ vấn đề nào về việc tồn tại, hiệu lực, giải thích, vi phạm hoặc chấm dứt các văn bản nói trên.

Các Bên Tranh Chấp được quy định tại Điều 21.1.

Chuyên Gia được quy định tại Điều 21.2.

Chuyển Nhượng là chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng này, được quy định tại Điều 16.

Thông Báo Ý Định Chấm Dứt là một thông báo ý định chấm dứt Hợp Đồng được gửi theo quy định tại Điều 18.3.

Thông Báo Chấm Dứt là một thông báo chấm dứt Hợp Đồng được gửi theo quy định của bất kỳ khoản nào trong các Điều 17.5, Điều 17.8 hoặc Điều 18.

Quyền Lựa Chọn Chuyển Giao Của Than Cao Sơn được quy định tại Điều 18.5.a).

Tiền Việt Nam hoặc Đồng Việt Nam hoặc Đồng hoặc VND là đơn vị tiền tệ hợp pháp của Việt Nam.

Công Suất Thiết Kế nghĩa là năng suất vận chuyển đất đá có được của Hệ Thống Băng Tải trong Một (1) giờ là Mười nghìn bốn trăm (10.400) tấn tại các điều kiện tham chiếu về kích thước, độ cứng ... của đất đá đầu vào được Than Cao Sơn cung cấp khi thiết kế Hệ Thống Băng Tải.

Công Suất Tin Cậy nghĩa là, tại một thời điểm nhất định, là khả năng sẵn sàng vận chuyển, được tính bằng tấn mà Nhà Đầu Tư có khả năng cung cấp cho Than Cao Sơn, được xác định

lần đầu qua Kiểm Tra Công Suất Tin Cậy Ban Đầu và sau đó theo Kiểm Tra Công Suất Tin Cậy gần nhất được thực hiện, xác định theo quy định tại Phụ lục 4.

Công Suất Tin Cậy Ban Đầu nghĩa là công suất tối đa (tính bằng tấn) của Hệ Thống Băng Tải, cho thấy có khả năng cung cấp tại Điểm Giao giao nhận, được xác định qua Kiểm Tra Công Suất Tin Cậy Ban Đầu.

Kỹ Sư nghĩa là một đơn vị tư vấn độc lập được Nhà Đầu Tư và Than Cao Sơn cùng chỉ định (và được Nhà Đầu Tư thanh toán chi phí) để chứng kiến và xác nhận kết quả Kiểm Tra Công Suất Tin Cậy Ban Đầu.

Tiêu Chuẩn Vận Hành Tối Thiểu là Hệ Thống Băng Tải khi vận hành ở các điều kiện tham chiếu có Công Suất Tin Cậy bằng hoặc lớn hơn Chín mươi phần trăm (90%) Công Suất Thiết Kế và thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Hệ Thống Băng Tải có thể vận hành phù hợp với Quy Định An Toàn Vận Hành Thiết Bị Băng Tải, Máy Nghiền; và (ii) Tất cả các thông số vận hành liên quan đến an toàn của thiết bị nằm trong giới hạn cho phép của các nhà sản xuất; và (iii) Tất cả các trang thiết bị (bao gồm các trang thiết bị dự phòng) của Hệ Thống Băng Tải hoạt động trong điều kiện bình thường có tính đến các hao mòn tự nhiên.

Giới Hạn Kỹ Thuật nghĩa là giới hạn về kỹ thuật, thiết kế và theo hợp đồng được mô tả trong Phụ lục số 1 liên quan đến việc vận hành và bảo dưỡng Hệ Thống Băng Tải.

Ngừng Hoạt Động Theo Kế Hoạch nghĩa là việc ngừng hoạt động của Hệ Thống Băng Tải đã được Nhà Đầu Tư lên kế hoạch và được Than Cao Sơn thống nhất nhằm mục đích kiểm tra, thử nghiệm, bảo dưỡng, Tiểu Tu, Đại Tu và hiệu chỉnh, sửa chữa, thay thế hoặc cải tiến Hệ Thống Băng Tải, di chuyển Trạm Nghiền, được tính bằng giờ.

Ngừng Hoạt Động Do Lỗi Của Nhà Đầu Tư nghĩa là việc ngừng hoạt động của Hệ Thống Băng Tải mà nguyên nhân là do lỗi của Nhà Đầu Tư, được tính bằng giờ.

Ngừng Hoạt Động Bắt Buộc nghĩa là việc ngừng hoạt động của Hệ Thống Băng Tải vì (i) một yêu cầu của Than Cao Sơn theo Hợp Đồng hoặc một yêu cầu trong Tình Trạng Khẩn Cấp gây ra; hoặc (ii) một Sự Kiện Bất Khả Kháng, được tính bằng giờ.

Tình Trạng Khẩn Cấp nghĩa là một tình trạng hoặc tình huống mà theo ý kiến hợp lý của Bên bị ảnh hưởng hoặc có thể bị ảnh hưởng bởi tình trạng hoặc tình huống đó là sắp sảy ra nguy cơ dẫn đến (i) sự nguy hiểm đến tính mạng, tài sản, máy móc, thiết bị hoặc (ii) tạo ra mối đe dọa thực tế cho con người hoặc tài sản hoặc an ninh, sự toàn vẹn hoặc độ tin cậy của Hệ Thống Băng Tải.

1.2. Giải thích

Trong Hợp Đồng (bao gồm cả các phụ lục của Hợp Đồng), trừ khi có quy định khác đi:

a) Các dẫn chiếu đến

(i) Các Tài liệu đấu thầu, Biên bản đàm phán , Phụ lục của Hợp Đồng là một phần không tách rời của Hợp Đồng và có hiệu lực và giá trị như thể được quy định rõ ràng trong Hợp Đồng và bất kỳ dẫn chiếu nào đến Hợp Đồng, như được bổ sung, thay đổi hoặc sửa đổi vào từng thời điểm, sẽ bao gồm cả các Phụ Lục nói trên;

(ii) Một Điều, Phụ Lục hoặc Tài Liệu Kèm Theo cụ thể, trừ khi có quy định khác, là dẫn chiếu đến Điều, Phụ Lục hoặc Tài Liệu Kèm Theo tại/hoặc của Hợp Đồng, với điều kiện là các tài liệu nêu trong các Tài Liệu Kèm Theo của Hợp Đồng chỉ phục vụ cho mục đích nhận dạng;

b) Ngày nghĩa là ngày dương lịch trừ khi được nêu rõ là Ngày Làm Việc hoặc Ngày được quy định cụ thể; tuần, tháng hoặc năm sẽ là tuần, tháng hoặc năm dương lịch;

c) Khi bất kỳ một khoản thanh toán nào được yêu cầu thanh toán theo Hợp Đồng vào một ngày không phải là Ngày Làm Việc thì việc thanh toán đó sẽ được thực hiện vào Ngày Làm Việc tiếp theo sau ngày đó;

Điều 2. LOẠI HỢP ĐỒNG, THÀNH PHẦN HỢP ĐỒNG VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN ÁP DỤNG

2.1. Loại hợp đồng

Hợp đồng theo đơn giá.

2.2. Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên áp dụng

2.2.1. Hợp Đồng và các Phụ lục Hợp Đồng;

2.2.2. Biên bản số 1863/BB-TCS-DA ngày 03/4/2014 V/v thương thảo hoàn thiện Hợp Đồng;

2.2.3. Quyết định số 1881/QĐ-TCS-DA ngày 04/4/2014 phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu số 3;

2.2.4. Thông báo trúng thầu số 1882/TB-TCS-DA ngày 04/4/2014;

2.2.5. Hồ sơ dự thầu của Nhà Đầu Tư và các văn bản bổ sung, giải thích làm rõ hồ sơ dự thầu của Nhà Đầu Tư;

2.2.6. Hồ sơ mời thầu của Than Cao Sơn và các văn bản bổ sung, giải thích làm rõ hồ sơ mời thầu của Than Cao Sơn;

2.2.7. Các tài liệu liên quan khác.

PHẦN I.
XÂY DỰNG - VẬN HÀNH HỆ THỐNG BĂNG TẢI

Điều 3. PHẠM VI CÔNG VIỆC VÀ GIÁ CỦA PHẦN XÂY DỰNG – VẬN HÀNH

3.1. Phạm vi công việc

Mục đích của Hợp Đồng là quy định các điều kiện và điều khoản, theo đó Các Bên thỏa thuận: Nhà Đầu Tư bằng nguồn tài chính của mình triển khai thực hiện các công việc bao gồm: Khảo sát, TKBVTC, cung cấp vật tư thiết bị, xây dựng, lắp đặt, chạy thử, sở hữu, vận hành, bảo trì Hệ Thống Băng Tải, Công Trình Nhà Ở và khi hết thời hạn Vận Hành Thương Mại, nếu Than Cao Sơn có nhu cầu thì sẽ chuyển giao Hệ Thống Băng Tải, Công Trình Nhà Ở cho Than Cao Sơn theo thỏa thuận (chuyển giao toàn bộ hoặc một số tài sản của Hệ Thống Băng Tải, Công Trình Nhà Ở, giá trị chuyển giao được xác định theo sự thống nhất của Các Bên trên nguyên tắc luôn nhỏ hơn hoặc bằng giá trị tài sản còn lại được liệt kê trong Bản Kê Tài Sản).

Nhà Đầu Tư, kể từ Ngày Bắt Đầu Tính Sản Lượng Vận Tải cho tới hết thời hạn của Hợp Đồng, bằng Hệ Thống Băng Tải sẽ vận chuyển đất đá thuê cho Than Cao Sơn từ điểm cấp liệu của Hệ Thống Băng Tải đến điểm đổ thải là Bãi Thải Bàng Nâu và Than Cao Sơn thanh toán chi phí vận chuyển cho Nhà Đầu Tư theo đơn giá vận chuyển đất đá vào thời điểm và theo cách thức quy định trong Hợp Đồng.

a) Yêu cầu cơ bản của Than Cao Sơn đối với Hệ Thống Băng Tải:

(i) Các thông số kỹ thuật chính của Hệ Thống Băng Tải phải tuân thủ theo TKKT, QHCTXD, hồ sơ mời thầu và Biên bản đàm phán Hợp Đồng (bao gồm: Hướng tuyến; Công Suất Yêu Cầu; các điểm đấu nối và giao cắt đã được Than Cao Sơn thỏa thuận với các đơn vị và Cơ Quan Hữu Quan liên quan);

(ii) TKBVTC phải được Than Cao Sơn chấp thuận bằng văn bản thì Nhà Đầu Tư mới được phê duyệt và thi công.

(iii) Công Suất Yêu Cầu của Hệ Thống Băng Tải là vận chuyển đất đá đạt Mười nghìn bốn trăm (10.400) tấn/h và Năm mươi hai triệu bốn trăm nghìn (52.400.000) tấn/năm;

(iv) Phải phù hợp cho việc dỡ tải của các loại xe ô tô Than Cao Sơn đang sử dụng có trọng tải $\geq$ 55 tấn và đảm bảo tính hoạt động đồng bộ với các hệ thống công trình, thiết bị liên quan (như Hệ Thống cung cấp điện, Trạm cân của Than Cao Sơn....) và phải phù hợp với các điều kiện khác (mặt bằng, môi trường, ...) và các tiêu chuẩn hiện hành liên quan;

(v) Phải phù hợp với quy hoạch, quy trình đổ thải và thiết kế bãi thải của Than Cao Sơn đã được phê duyệt.

b) Yêu cầu cơ bản của Than Cao Sơn đối với Công Trình Nhà Ở:
Công Trình Nhà Ở là các công trình hữu hình được Nhà Đầu Tư xây dựng trong Thời Hạn Hợp Đồng để làm: nhà ở, khu nghỉ ngơi cho nhân viên, công nhân, nhà thầu, nhà thầu phụ ... của Nhà Đầu Tư và được xây dựng đảm bảo các tiêu chuẩn

về môi trường, về xây dựng công trình theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3.2. Giá của phần Xây Dựng – Vận Hành

Nhà Đầu Tư tự thu xếp và quản lý nguồn tài chính của mình để triển khai thực hiện tất cả các phần việc thuộc Phạm vi công việc của phần Xây Dựng – Vận Hành (quy định tại Điều 3.1) trong Thời Hạn Hợp Đồng.

Than Cao Sơn không phải thanh toán cho Nhà Đầu Tư bất kỳ một khoản chi phí nào liên quan đến các phần việc mà Nhà Đầu Tư phải thực hiện được nêu tại Điều 3.1 của Hợp Đồng.

Điều 4. CÁC HỢP ĐỒNG CÓ LIÊN QUAN

4.1. Hợp Đồng Xây Dựng

a) Nhà Đầu Tư sẽ chịu trách nhiệm về việc xây dựng Hệ Thống Băng Tải nhưng Nhà Đầu Tư có thể ký các Hợp Đồng Xây Dựng (khảo sát, thiết kế, xây dựng, ...) với các Nhà Thầu Xây Dựng khác để thực hiện tất cả hoặc một hạng mục, một phần Hệ Thống Băng Tải và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

b) Hợp Đồng Xây Dựng phải quy định các Nhà Thầu Xây Dựng thực hiện theo thiết kế, thời gian và các điều kiện thỏa mãn được Nhà Đầu Tư.

c) Các Nhà Thầu Xây Dựng phải đảm bảo việc lập mọi hồ sơ cần thiết theo quy định về Quản lý đầu tư xây dựng công trình để thực hiện các trách nhiệm của họ đối với Nhà Đầu Tư.

4.2. Hợp Đồng Cung Cấp Thiết Bị

a) Nhà Đầu Tư sẽ chịu trách nhiệm về việc cung cấp, lắp đặt thiết bị Hệ Thống Băng Tải nhưng Nhà Đầu Tư có thể ký các Hợp Đồng Cung Cấp Thiết bị (cung cấp, lắp đặt) với các Nhà Thầu Cung Cấp Thiết Bị để thực hiện tất cả hoặc một phần thiết bị Hệ Thống Băng Tải và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

b) Hợp đồng Cung Cấp Thiết Bị phải quy định các Nhà Thầu Cung Cấp Thiết Bị thực hiện cung cấp, lắp đặt thiết bị Hệ Thống Băng Tải theo thiết kế, đúng thời gian và các điều khoản thỏa mãn được Nhà Đầu Tư.

c) Các Nhà Thầu Cung Cấp Thiết Bị phải đảm bảo việc cung cấp, lắp đặt các thiết bị và lập mọi hồ sơ cần thiết theo các tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan để thực hiện các trách nhiệm của họ đối với Nhà Đầu Tư.

4.3. Hợp Đồng Vận Hành Và Bảo Trì

a) Nhà Đầu Tư sẽ chịu trách nhiệm về việc vận hành và bảo trì Hệ Thống Băng Tải nhưng Nhà Đầu Tư có thể ký các Hợp Đồng Vận Hành Và Bảo Trì với các Nhà Thầu Vận Hành Và Bảo Trì để vận hành và bảo trì tất cả hoặc một phần Hệ Thống Băng Tải và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

b) Hợp Đồng Vận Hành Và Bảo Trì phải quy định các Nhà Thầu Vận hành Và Bảo Trì áp dụng đúng Quy Định An Toàn Vận Hành Thiết Bị Băng Tải, Máy Nghiền.

c) Các Nhà Thầu Vận Hành Và Bảo Trì phải đảm bảo việc lập mọi hồ sơ cần thiết theo quy định về vận hành, sửa chữa, bảo trì định kỳ toàn bộ công trình, đảm bảo công trình hoạt động ổn định, liên tục không bị gián đoạn để thực hiện các trách

nhiệm của họ đối với Nhà Đầu Tư.

Điều 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA THAN CAO SƠN

Kể từ ngày Hợp Đồng có hiệu lực, Than Cao Sơn sẽ có các quyền và nghĩa vụ sau:

5.1. Quyền của Than Cao Sơn:

a) Ngoài các quyền khác được quy định trong Hợp Đồng, Than Cao Sơn có các quyền thực hiện các chức năng theo quy định của pháp luật về Hợp đồng kinh tế có liên quan đến Nhà Đầu Tư, ngoại trừ việc phải được TKV đồng ý chấp thuận về: giá thuê vận chuyển, điều chỉnh khối lượng vận chuyển lớn hơn Năm mươi hai triệu bốn trăm nghìn (52.400.000) tấn/năm, điều chỉnh giá thuê vận chuyển trong Thời Hạn Hợp Đồng;

b) Than Cao Sơn có quyền cử đại diện và/hoặc nhân viên của mình thường xuyên ra/vào Địa Điểm để giám sát tiến độ xây dựng và sự tuân thủ các yêu cầu cơ bản của Than Cao Sơn trong quá trình xây dựng và trong giai đoạn Vận Hành Thương Mại của Hệ Thống Băng Tải với điều kiện là các đại diện và nhân viên của Than Cao Sơn không can thiệp hoặc gây trì hoãn quá trình xây dựng hoặc sự vận hành Hệ Thống Băng Tải và có thông báo cho Nhà Đầu Tư trước Một (01) Ngày Làm Việc. Trong trường hợp khẩn cấp do cháy, nổ, thiệt hại tính mạng, tài sản hoặc chấn thương nghiêm trọng và các trường hợp tương tự xảy ra tại Địa Điểm, Than Cao Sơn và Cơ Quan Hữu Quan có quyền vào Địa Điểm mà không cần thông báo trước. Tất cả những người thay mặt cho Than Cao Sơn hoặc bất kỳ Cơ Quan Hữu Quan nào khi vào Địa Điểm cũng phải tuân thủ các hướng dẫn và chỉ dẫn hợp lý của Nhà Đầu Tư, Nhà Thầu của Nhà Đầu Tư và phải tuân thủ tất cả các quy tắc an toàn liên quan đến Địa Điểm và Hệ Thống Băng Tải.

c) Trong trường hợp một Sự Kiện Vi Phạm Của Nhà Đầu Tư không được khắc phục trong khoảng thời gian cho phép hoặc thời hạn dài hơn theo thỏa thuận của các Bên, Than Cao Sơn sẽ được quyền giữ lại tới mức toàn bộ khoản Ký Quỹ Bảo Đảm Thực Hiện hoặc khoản Ký Quỹ Bảo Đảm Vận Hành để trang trải cho những thiệt hại thực tế của Than Cao Sơn liên quan tới Sự Kiện Vi Phạm Của Nhà Đầu Tư không được khắc phục đó và rút các khoản tiền từ khoản Ký Quỹ Bảo Đảm Thực Hiện hoặc từ khoản Ký Quỹ Bảo Đảm Vận Hành để trả cho những khoản không tranh chấp mà Nhà Đầu Tư đến hạn phải trả. Trong trường hợp xảy ra tranh chấp giữa Các Bên liên quan tới (i) việc xảy ra hoặc khắc phục Sự Kiện Vi Phạm Của Nhà Đầu Tư hoặc (ii) số lượng của khoản thiệt hại có liên quan tới vi phạm đó, Than Cao Sơn vẫn có quyền rút các khoản tiền từ khoản Ký Quỹ Bảo Đảm Thực Hiện hoặc Ký Quỹ Bảo Đảm Vận Hành trong khi chờ giải quyết một tranh chấp. Sau khi tranh chấp đó được giải quyết, khoản Ký Quỹ Bảo Đảm Thực Hiện hoặc Ký Quỹ Bảo Đảm Vận Hành đó sẽ được hoàn trả cho Nhà Đầu Tư nếu Than Cao Sơn bị xử thua.

d) Khi Hợp Đồng bị chấm dứt vì một Sự Kiện Vi Phạm Của Nhà Đầu Tư, Than Cao Sơn sẽ có quyền thu toàn bộ khoản Ký Quỹ Bảo Đảm Thực Hiện hoặc khoản Ký Quỹ Bảo Đảm Vận Hành.

e) Khi Hợp Đồng bị chấm dứt vì bất kỳ nguyên nhân nào, Than Cao Sơn cũng được quyền ưu tiên nhận chuyển giao Hệ Thống Băng Tải.

5.2. Nghĩa vụ của Than Cao Sơn:

a) Than Cao Sơn sẽ cung cấp cho Nhà Đầu Tư:

(i) Quyết định phê duyệt dự án và quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án: Cải tạo mở rộng mỏ than Cao Sơn-Công ty cổ phần than Cao Sơn-TKV;

(ii) Hồ sơ TKKT của dự án: Cải tạo mở rộng mỏ than Cao Sơn-Công ty cổ phần than Cao Sơn-TKV;

(iii) Hồ sơ Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: Cải tạo mở rộng mỏ than Cao Sơn-Công ty cổ phần than Cao Sơn-TKV và Quyết định phê duyệt;

(iv) Hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng của dự án: Cải tạo mở rộng mỏ than Cao Sơn-Công ty cổ phần than Cao Sơn-TKV và Quyết định phê duyệt;

(v) Hồ sơ thiết kế, Quy trình đổ thải Bãi thải Bàng Nâu;

(vi) Có ý kiến đánh giá và chấp thuận bằng văn bản đối với TKBVTC để Nhà Đầu Tư có thể khởi công xây dựng Hệ Thống Băng Tải (nhưng Than Cao Sơn không phải chịu trách nhiệm về bất kỳ sai sót nào trong TKBVTC của Nhà Đầu Tư);

b) Ấn định thời gian bàn giao mặt bằng để Nhà Đầu Tư triển khai thực hiện TKBVTC, thi công xây dựng công trình;

c) Với tư cách là chủ sở hữu, cùng thống nhất với Nhà Đầu Tư về việc sử dụng đất và thực hiện các nghĩa vụ về đất đai theo quy định của pháp luật trên Khu Đất Xây Dựng Công Trình, nộp thuế sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

d) Theo các điều khoản của Hợp Đồng, từ Ngày Bắt Đầu Tính Sản Lượng Vận Tải cho đến ngày chấm dứt Hợp Đồng, Than Cao Sơn phải giao đất đá: đủ số lượng, đúng tiến độ, đảm bảo các tiêu chuẩn về cỡ hạt, độ cứng đất đá như trong hồ sơ mời thầu và phải chuẩn bị Bãi thải luôn sẵn sàng để nhận đất đá thải từ Hệ Thống Băng Tải;

e) Thanh toán khoản Bồi Thường Do Chậm Đưa Vào Sử Dụng (nếu có) cho Nhà Đầu Tư;

f) Ngoài các nghĩa vụ khác được quy định trong Hợp Đồng, Than Cao Sơn đồng ý thực hiện các nghĩa vụ sau:

(i) Hỗ trợ trong điều kiện có thể các hoạt động của Nhà Đầu Tư và cho bất kỳ công việc liên quan đến xây dựng, vận hành Hệ Thống Băng Tải;

(ii) Giúp Nhà Đầu Tư có quyền sử dụng và ra vào mặt bằng công trình với điều kiện việc sử dụng mặt bằng công trình của Nhà Đầu Tư đúng mục đích trong toàn bộ Thời Hạn Xây Dựng và Thời Hạn Vận Hành của Hệ Thống Băng Tải;

(iii) Xây dựng, lắp đặt Công trình cơ sở hạ tầng: Trạm cân ô tô; Hệ thống cung cấp điện (điểm đấu nối tại điểm sau các tủ phân phối 6kv của Hệ thống cung cấp điện) để cấp điện cho Hệ Thống Băng Tải vận hành.

Điều 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Kể từ ngày Hợp Đồng có hiệu lực, Nhà Đầu Tư có các quyền và nghĩa vụ sau:

6.1. Quyền của Nhà Đầu Tư:

a) Ngoài các quyền khác được quy định trong Hợp Đồng, Nhà Đầu Tư sẽ có các quyền sau đây:

(i) Toàn quyền quyết định việc thực hiện TKBVTC và hoàn toàn chịu trách nhiệm về TKBVTC của Hệ Thống Băng Tải với điều kiện là TKBVTC đó phải phù hợp với các yêu cầu cơ bản của Than Cao Sơn đối với Hệ Thống Băng Tải được quy định tại Điều 3.1; tuân thủ các Quy Định An Toàn Vận Hành Thiết Bị Băng Tải, Máy Nghiền và các quy định về môi trường, quản lý đầu tư xây dựng công trình, quản lý chất lượng công trình xây dựng và các quy định khác theo pháp luật;

(ii) Được khởi công xây dựng Hệ Thống Băng Tải theo TKBVTC đã được Than Cao Sơn chấp thuận bằng văn bản;

(iii) Tự mình hoặc thông qua các Nhà thầu, toàn quyền quản lý công việc xây dựng, vận hành và bảo trì Hệ Thống Băng Tải;

(iv) Quyết định việc lựa chọn thiết bị, vật tư và dịch vụ cho Hệ Thống Băng Tải (trừ việc bắt buộc phải sử dụng điện qua Hệ Thống Cung Cấp Điện của Than Cao Sơn) có chất lượng, chủng loại phù hợp với TKBVTC đã được Than Cao Sơn chấp thuận và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc, xuất xứ các thiết bị, vật tư này;

b) Nhà Đầu Tư có quyền và trách nhiệm thực hiện phù hợp theo quy định của pháp luật tất cả các hoạt động sau đây:

(i) Thu xếp việc thiết kế, tổ chức xây dựng công trình Hệ Thống Băng Tải;

(ii) Sở hữu Hệ Thống Băng Tải cho đến khi chuyển giao;

(iii) Chạy thử, vận hành và bảo trì Hệ Thống Băng Tải trong Thời Hạn Vận Hành;

(iv) Thực hiện tất cả các hoạt động hợp pháp liên quan đến các hoạt động kể trên;

c) Được quyền đảm nhận công việc vận chuyển đất đá thuê cho Than Cao Sơn và đó là một phần nội dung thuộc phạm vi công việc không thể tách rời trong Hợp Đồng.

d) Được quyền tạm ngừng vận hành Hệ Thống Băng Tải để xử lý sự cố của Hệ Thống Băng Tải mà nguyên nhân được Các Bên xác định là do đá quá cỡ và/hoặc vượt độ cứng trong cấp liệu đầu vào (so với tiêu chuẩn cỡ hạt, độ cứng trong hồ sơ mời thầu) gây ra. Trong thời gian ngừng hoạt động này Than Cao Sơn không phải thanh toán phí vận chuyển cho Nhà Đầu Tư và Nhà Đầu Tư không phải chịu phạt do ngừng hoạt động; khối lượng trong kế hoạch vận chuyển cũng được giảm trừ tương ứng với thời gian ngừng hoạt động.

6.2. Nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư:

Ngoài các nghĩa vụ khác được quy định trong Hợp Đồng, Nhà Đầu Tư sẽ có các nghĩa vụ sau:

a) Nộp Bảo Đảm Thực Hiện Hợp Đồng: trong vòng Bảy (7) ngày kể từ ngày ký

Hợp Đồng, Nhà Đầu Tư phải nộp cho Than Cao Sơn một khoản Ký Quỹ Bảo Đảm Thực Hiện với số tiền bằng Hai phần trăm (2%) x (Tổng giá trị vốn đầu tư Hệ Thống Băng Tải theo biên bản số 1863/BB-TCS-DA ngày 03/4/2014) để bảo đảm cho các nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư trong Hợp Đồng đối với việc khởi công xây dựng Hệ Thống Băng Tải đúng thời hạn, đạt được Ngày Vận Hành Thương Mại, đạt được Công Suất Tin Cậy Vận Hành và nộp tiền phạt (nếu có). Ký Quỹ Bảo Đảm Thực Hiện sẽ hết hiệu lực sau Một trăm tám mươi (180) Ngày Làm Việc kể từ ngày đạt được Ngày Vận Hành Thương Mại.

b) Nộp Bảo Đảm Vận Hành: trong vòng Một trăm tám mươi (180) Ngày Làm Việc kể từ ngày đạt được Ngày Vận Hành Thương Mại, Nhà Đầu Tư phải nộp cho Than Cao Sơn một khoản Ký Quỹ Bảo Đảm Vận Hành với số tiền bằng Bốn phần trăm (4%) x (Tổng giá trị vốn đầu tư Hệ Thống Băng Tải theo biên bản số 1863/BB-TCS-DA ngày 03/4/2014) để bảo đảm cho các nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư đối với việc vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng Hệ Thống Băng Tải một cách phù hợp trong thời hạn Vận Hành Thương Mại. Nhà Đầu Tư phải duy trì khoản Ký Quỹ Bảo Đảm Vận Hành tại mức Bốn phần trăm (4%) vào mọi thời điểm trong Thời Hạn Vận Hành Thương Mại với điều kiện là Nhà Đầu Tư có Mười (10) ngày để bổ sung khoản Ký Quỹ Bảo Đảm Vận Hành sao cho đủ mức ban đầu. Khoản Ký Quỹ Bảo Đảm Vận Hành có thể được áp dụng đối với (i) thanh toán các khoản bồi thường mà chưa được Nhà Đầu Tư khấu trừ và (ii) thanh toán cho các khoản bồi thường thiệt hại và lợi ích khác mà Nhà Đầu Tư phải thanh toán cho Than Cao Sơn theo các điều khoản của Hợp Đồng;

c) Chịu trách nhiệm khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công Hệ Thống Băng Tải tại Địa Điểm đã được xác định;

d) Thực hiện đầu tư Hệ Thống Băng Tải theo phạm vi công việc của phần Xây Dựng – Vận hành được quy định tại Điều 3.1;

e) Khởi công xây dựng: ngay khi có thể nhưng không được muộn hơn Ba mươi (30) Ngày Làm Việc kể từ Ngày Bắt Đầu, Nhà Đầu Tư phải triển khai thực hiện các nghĩa vụ xây dựng của Nhà Thầu theo Hợp Đồng;

f) Báo Cáo Tiến Độ: bắt đầu từ ngày ký Hợp Đồng và tiếp tục cho đến Ngày Vận Hành Thương Mại, Nhà Đầu Tư phải nộp báo cáo tiến độ lên Than Cao Sơn trước ngày thứ Mười lăm (15) của mỗi tháng; các báo cáo đó phải cung cấp các thông tin chi tiết bằng văn bản về tiến độ triển khai xây dựng và chạy thử Hệ Thống Băng Tải của tháng liền trước đó;

g) Cung Cấp Các Tài Liệu: Nhà Đầu Tư phải nộp các tài liệu sau cho Than Cao Sơn trong các khoảng thời gian tương ứng được quy định dưới đây; các tài liệu được nộp chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho Than Cao Sơn và không cần có bất kỳ chấp thuận nào của Than Cao Sơn:

(i) Trong vòng Chín mươi (90) ngày sau Ngày Bắt Đầu, một bản sao các hợp đồng có liên quan mà Nhà Đầu Tư là một bên tham gia hợp đồng đó (bao gồm tất cả các phụ lục, tài liệu liên quan kèm theo hợp đồng đó) phục vụ cho việc xây dựng Hệ Thống Băng Tải;

(ii) Không muộn hơn Ngày Vận Hành Thương Mại, chuyển giao bản đầu tiên

và bản cuối cùng của các kế hoạch và chỉ tiêu kỹ thuật của các hạng mục xây dựng và bản vẽ hoàn công đối với Hệ Thống Băng Tải;

h) Nhà Đầu Tư phải thực hiện mọi dàn xếp cần thiết và ký kết tất cả các điều khoản thương mại phù hợp trong tất cả các hợp đồng liên quan (nếu có), bao gồm: các hợp đồng khảo sát, thiết kế, xây dựng, cung cấp lắp đặt thiết bị, sở hữu, vận hành và bảo trì Hệ Thống Băng Tải;

i) Phối hợp Chạy thử: Nhà Đầu Tư phải gửi cho Than Cao Sơn một bản sao kế hoạch chạy thử Hệ Thống Băng Tải để Than Cao Sơn tham gia và giám sát bất kỳ đợt kiểm tra hoặc chạy thử nào mà Nhà Đầu Tư tiến hành;

j) Vận hành và bảo trì Hệ Thống Băng Tải trong Thời Hạn Hợp Đồng;

k) Vận chuyển đủ sản lượng đất đá theo kế hoạch tháng, quý, năm Các Bên đã thống nhất;

l) Nhà Đầu Tư phải thực hiện đổ thải theo đúng quy hoạch, quy trình và thiết kế bãi thải đã được phê duyệt;

m) Bằng kinh phí của mình tự tổ chức thực hiện việc di chuyển Trạm nghiền theo tiến độ và thời gian hai bên đã thống nhất. Trong thời gian Hệ Thống Băng Tải ngừng vận chuyển đất đá do di chuyển Trạm nghiền Than Cao Sơn không phải thanh toán chi phí vận chuyển cho Nhà Đầu Tư;

n) Nộp tất cả các loại thuế và phí theo quy định của pháp luật;

o) Theo thỏa thuận với Than Cao Sơn, giao một phần hoặc tất cả các tài sản có liên quan được kê trong Bản Kê Tài Sản của Hệ Thống Băng Tải cho Than Cao Sơn hoặc đơn vị được Than Cao Sơn chỉ định (nếu có) khi chuyển giao;

p) Đào tạo nhân viên về quản lý, vận hành và bảo trì Hệ Thống Băng Tải;

q) Tổng hợp và duy trì Bản Kê Tài Sản phù hợp với yêu cầu nêu trong Điều 1);

r) Tìm mọi biện pháp khắc phục khi xảy ra sự kiện được coi là Chậm Trễ Ngày Vận Hành Thương Mại và chịu mọi chi phí khắc phục sự kiện Chậm Trễ Ngày Vận Hành Thương Mại nếu do lỗi của Nhà Đầu Tư;

s) Nhà Đầu Tư, vì lỗi của mình mà (i) làm Chậm Trễ Ngày Vận Hành Thương Mại, thì phải thanh toán khoản Bồi Thường Do Chậm Trễ cho Than Cao Sơn; trong thời hạn Vận Hành Thương Mại mà (ii) Vận Chuyển Thiếu Hụt khối lượng đất đá theo kế hoạch Các Bên đã thống nhất thì phải thanh toán khoản Bồi Thường Do Thiếu Hụt cho Than Cao Sơn và/hoặc (iii) Ngừng Vận Chuyển đất đá thì phải thanh toán khoản Bồi Thường Do Ngừng Hoạt Động cho Than Cao Sơn;

t) Trực tiếp thanh toán tiền điện, nước thi công; tiền điện, nước vận hành Hệ Thống Băng Tải cho Nhà cung cấp theo giá do Nhà cung cấp bán, hoặc thanh toán cho Than Cao Sơn (nếu mua qua Than Cao Sơn) theo giá mà Than Cao Sơn thanh toán cho Nhà cung cấp;

u) Thông báo cho Than Cao Sơn về tên của các Nhà Thầu khi có thay đổi;

v) Bằng chi phí của mình tự di dời, dỡ bỏ các công trình, tài sản của Nhà Đầu Tư sau khi Chấm Dứt Hợp Đồng mà không Chuyển Giao;

w) Nộp cho Cơ Quan Hữu Quan và Than Cao Sơn các báo cáo định kỳ theo quy định của pháp luật;

x) Tự thu xếp vốn cho việc xây dựng, sở hữu, vận hành, bảo trì Hệ Thống Băng Tải;

y) Mua và duy trì các loại bảo hiểm theo theo qui định của pháp luật;

z) Tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 7. KHẢO SÁT, XÂY DỰNG, CHẠY THỬ, KIỂM TRA, NGHIỆM THU HỆ THỐNG BĂNG TẢI

7.1. Chạy thử các bước cho đến chạy thử không tải: do Nhà Đầu Tư chịu trách nhiệm thực hiện và phải báo trước cho Than Cao Sơn biết lịch chạy thử trước ít nhất Ba (03) Ngày Làm Việc để Than Cao Sơn tham gia giám sát quá trình chạy thử.

7.2. Chạy thử có tải: Nhà Đầu Tư phải báo trước cho Than Cao Sơn biết lịch chạy thử có tải trước ít nhất Bảy (07) Ngày Làm Việc để Than Cao Sơn chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết cho việc chạy thử có tải. Than Cao Sơn sẽ chứng kiến và giám sát việc kiểm tra các thông số vận hành của Hệ Thống Băng Tải trong quá trình chạy thử có tải. Nếu Hệ Thống Băng Tải đạt các Tiêu Chuẩn Vận Hành Tối Thiểu thì Kỹ Sư và Các bên cùng xác nhận Ngày Vận Hành Thương Mại. Nếu Hệ Thống Băng Tải chạy thử có tải không thành công và/hoặc Hệ Thống Băng Tải không đáp ứng được các Tiêu Chuẩn Vận Hành Tối Thiểu và do đó làm chậm Ngày Vận Hành Thương Mại mà nguyên nhân là do lỗi của Nhà Đầu Tư thì Than Cao Sơn có thể xem xét gia hạn cho Nhà Đầu Tư thêm một khoảng thời gian hợp lý để Nhà Đầu Tư tiến hành khắc phục; nếu quá thời hạn đã gia hạn mà nhà Đầu Tư vẫn không thể khắc phục để đạt được Ngày Vận Hành Thương Mại thì Than Cao Sơn có quyền chấm dứt Hợp Đồng.

7.3. Nếu Hệ Thống Băng Tải đã chạy thử không tải thành công nhưng Nhà Đầu Tư không thể tiến hành chạy thử có tải theo lịch biểu mà nguyên nhân là do lỗi của Than Cao Sơn thì Nhà Đầu Tư có quyền tuyên bố Hệ Thống Băng Tải đã đạt Ngày Vận Hành Thương Mại và trong trường hợp này, kể từ ngày Nhà Đầu tư tuyên bố đạt Ngày Vận Hành Thương Mại cho đến Ngày Bắt Đầu Tính Sản Lượng Vận Tải trên thực tế, Than Cao Sơn phải thanh toán cho Nhà Đầu Tư khoản Bồi Thường Do Chậm Đưa Vào Sử Dụng, theo quy định tại Phụ lục 8.

7.4. Kiểm Tra Vận Hành

Trước khi đạt được Ngày Vận Hành Thương Mại, bằng chi phí của mình, Nhà Đầu Tư phải thực hiện các kiểm tra vận hành đối với Hệ Thống Băng Tải để kiểm tra khả năng Hệ Thống Băng Tải có thể vận hành kỹ thuật theo yêu cầu tại Phụ Lục 4.

Nhà Đầu Tư phải thường xuyên cung cấp cho Than Cao Sơn các thông tin liên quan tới các chương trình kiểm tra Hệ Thống Băng Tải. Tối thiểu Mười lăm (15) ngày trước khi bắt đầu các kiểm tra vận hành, Nhà Đầu Tư phải thông báo cho Than Cao Sơn bằng văn bản kế hoạch kiểm tra sơ bộ để tiến hành các kiểm tra vận hành của Hệ Thống Băng Tải. Than Cao Sơn sẽ đưa ra những góp ý hợp lý cho Nhà Đầu Tư trong vòng Năm (5) ngày kể từ ngày nhận được kế hoạch kiểm tra sơ bộ đó. Tối thiểu Mười (10) ngày trước khi bắt đầu các kiểm tra vận hành, Nhà Đầu Tư phải thông báo bằng văn bản cho Than Cao Sơn kế hoạch kiểm tra cuối cùng để tiến hành các kiểm tra vận hành cho Hệ Thống Băng Tải. Than Cao Sơn phải gửi các góp ý hợp lý cho Nhà Đầu Tư

trong vòng Bốn mươi tám (48) giờ sau khi nhận được kế hoạch kiểm tra cuối cùng đó. Nếu kế hoạch của bất kỳ kiểm tra nào theo yêu cầu của Phụ Lục 4 được điều chỉnh sau khi Nhà Đầu Tư đã cung cấp cho Than Cao Sơn kế hoạch kiểm tra cuối cùng như vậy, thì Nhà Đầu Tư phải thông báo cho Than Cao Sơn, tối thiểu Bốn mươi tám (48) giờ trước khi bắt đầu bất kỳ kiểm tra nào như vậy. Vào mỗi ngày, kể từ ngày bắt đầu kiểm tra, Nhà Đầu Tư phải cấp cho Than Cao Sơn kế hoạch kiểm tra sẽ được thực hiện cho ngày hôm sau hoặc các ngày tiếp theo.

Than Cao Sơn sẽ giám sát và chứng kiến các kiểm tra vận hành.

Kỹ Sư phải chứng kiến, ghi kết quả của Thiết Bị Cân, giám sát và xác nhận kết quả của các kiểm tra vận hành. Xác nhận của Kỹ Sư về kết quả của các kiểm tra vận hành phải được Than Cao Sơn đồng ý và chấp nhận mới có giá trị ràng buộc Các Bên thực hiện.

7.5. Kiểm Tra Công Suất Tin Cậy Ban Đầu

Vào ngày sau ngày hoàn tất thành công kiểm tra vận hành theo Phụ Lục 4 và kết quả Kiểm Tra Công Suất Tin Cậy Ban Đầu chứng minh rằng công suất của Hệ Thống Băng Tải sau kiểm tra, khi được điều chỉnh về các điều kiện tham chiếu, nếu:

(a) Thấp hơn Chín mươi phần trăm (90%) Công Suất Thiết Kế của Hệ Thống Băng Tải thì khi đó Ngày Vận Hành Thương Mại Của Hệ Thống Băng Tải chưa xảy ra.

(b) Bằng hoặc cao hơn Chín mươi phần trăm (90%) Công Suất Thiết Kế của Hệ Thống Băng Tải, kết quả này nếu được Than Cao Sơn đồng ý chấp nhận thì Kỹ Sư sẽ cùng với Các Bên xác nhận kết quả kiểm tra này và Nhà Đầu Tư sẽ thông báo cho Than Cao Sơn Ngày Vận Hành Thương Mại đã xảy ra và kể từ ngày sau ngày hoàn tất kiểm tra Công Suất Tin Cậy Ban Đầu đó Than Cao Sơn có nghĩa vụ thanh toán cho Nhà Đầu Tư phí công suất trên cơ sở Công Suất Tin Cậy Ban Đầu; trong trường hợp cao hơn Công Suất Thiết Kế thì khi đó Công Suất Tin Cậy Ban Đầu sẽ có mức trần bằng Công Suất Thiết Kế.

7.6. Kiểm Tra Công Suất Tin Cậy sau Ngày Vận Hành Thương Mại

(a) Mỗi năm một lần sau Ngày Vận Hành Thương Mại, với chi phí của mình, Nhà Đầu Tư phải kiểm tra Hệ thống Băng Tải để xác định Công Suất Tin Cậy cho mỗi năm hợp đồng (Kiểm Tra Công Suất Tin Cậy) vào thời điểm do Nhà Đầu Tư và Than Cao Sơn cùng thỏa thuận; với điều kiện là những lần kiểm tra này, trong phạm vi có thể, sẽ được tiến hành trong vòng Một (1) tháng sau khi hoàn thành việc Đại Tu hoặc các sửa chữa đáng kể khác. Nếu theo kết quả của bất kỳ Kiểm Tra Công Suất Tin Cậy nào (luôn luôn với điều kiện là: kết quả kiểm tra đó phải được Than Cao Sơn đồng ý chấp nhận), công suất được kiểm tra (được điều chỉnh về các điều kiện tham chiếu) cho thấy:

(i) cao hơn Công Suất Tin Cậy có hiệu lực trước lần kiểm tra đó nhưng thấp hơn Công Suất Thiết Kế thì các khoản thanh toán cho Công Suất Tin Cậy sẽ được áp dụng ở mức giá trị mới được kiểm tra đó, các khoản thanh toán cho Công Suất Tin Cậy sẽ được tăng lên tới mức công suất mới được kiểm tra và có hiệu lực vào ngày hoàn thành kiểm tra đó; hoặc

(ii) cao hơn Công Suất Thiết Kế thì các khoản thanh toán cho Công Suất Tin Cậy sẽ được thực hiện theo mức trần là Công Suất Thiết Kế và có hiệu lực vào ngày hoàn thành kiểm tra đó; hoặc

(iii) thấp hơn Công Suất Tin Cậy có hiệu lực trước lần kiểm tra đó, thì Công Suất Tin Cậy sẽ được áp dụng ở mức giá trị mới được kiểm tra đó, các khoản thanh toán cho Công Suất Tin Cậy sẽ được giảm xuống tới mức công suất mới được kiểm tra và có hiệu lực vào ngày hoàn thành kiểm tra đó.

(b) Trong mọi trường hợp, Nhà Đầu Tư sẽ phải đặt Công Suất Tin Cậy của Hệ Thống Băng Tải ở công suất cao nhất đã được kiểm tra (lên tới mức trần là Công Suất Thiết Kế).

(c) Than Cao Sơn hoặc Nhà Đầu Tư có thể yêu cầu thêm một Kiểm Tra Công Suất Tin Cậy trong từng năm hợp đồng với chi phí hoàn toàn do Nhà Đầu Tư chi trả.

7.7. Quy Trình Kiểm Tra

(a) Không muộn hơn Chín mươi (90) ngày trước ngày dự kiến Vận Hành Thương Mại, Nhà Đầu Tư phải gửi cho Than Cao Sơn dự thảo qui trình kiểm tra vận hành liên quan tới mọi thủ tục, quy trình kiểm tra, lượng thời gian dự kiến của các kiểm tra theo yêu cầu của Phụ Lục 4, phù hợp với Hợp Đồng, Quy Định An Toàn Vận Hành Thiết Bị Băng Tải, Máy Nghiền và thiết kế Hệ Thống Băng Tải.

(b) Trong vòng Ba mươi (30) ngày sau khi nhận được dự thảo quy trình kiểm tra, Than Cao Sơn phải thông báo cho Nhà Đầu Tư các yêu cầu cần cắt bỏ, sửa đổi hoặc bổ sung, hoặc nếu không nhận được góp ý gì trong thời hạn Ba mươi (30) ngày đó thì quy trình kiểm tra mà Nhà Đầu Tư đề nghị đó coi như đã được Than Cao Sơn chấp nhận. Nhà Đầu Tư sẽ nỗ lực hợp lý để thực hiện mọi cắt bỏ, sửa đổi hoặc bổ sung mà Than Cao Sơn yêu cầu một cách hợp lý trừ khi những yêu cầu đó trái với: các quy định của Hợp Đồng, thiết kế của Hệ Thống Băng Tải, Quy Định An Toàn Vận Hành Thiết Bị Băng Tải, Máy Nghiền hoặc cam kết bảo hành của các nhà sản xuất có liên quan.

(c) Nhà Đầu Tư phải chỉnh sửa dự thảo quy trình kiểm tra chậm nhất là Ba mươi (30) ngày sau khi nhận được góp ý của Than Cao Sơn. Mọi bất đồng còn lại sẽ được gửi lên Ban Phối Hợp để xin ý kiến giải quyết, và trong trường hợp Tranh Chấp đó vẫn không giải quyết được sau Mười bốn (14) ngày kể từ ngày gửi lên Ban Phối Hợp, thì Tranh Chấp đó sẽ được xử lý theo trình tự giải quyết tranh chấp nêu tại Điều 21.

(d) Quy trình kiểm tra cuối cùng được các Bên đồng ý hoặc được giải quyết tuân theo thủ tục giải quyết tranh chấp sẽ thay cho dự thảo quy trình kiểm tra và có giá trị ràng buộc các Bên.

(e) Quy trình kiểm tra có thể được sửa đổi tùy từng thời điểm. Các sửa đổi đó phải được Than Cao Sơn và Nhà Đầu Tư đồng ý bằng văn bản.

7.8. Bản sao kết quả kiểm tra

Trong vòng Ba (03) ngày (hoặc thời hạn dài hơn mà Các Bên có thể thoả thuận) sau khi

kết thúc các kiểm tra vận hành và Kiểm Tra Công Suất Tin Cậy, Nhà Đầu Tư sẽ cung cấp cho Than Cao Sơn bản sao kết quả các kiểm tra đó.

Điều 8. MẶT BẰNG VÀ MÔI TRƯỜNG

8.1. Chuẩn Bị Địa Điểm:

a) Than Cao Sơn bằng chi phí của mình sẽ thực hiện việc Chuẩn Bị Địa Điểm gồm: đền bù, giải phóng mặt bằng, đổ đất tạo nền theo thiết kế để Nhà Đầu Tư triển khai xây dựng công trình Hệ Thống Băng Tải.

(i) Nhà Đầu Tư sẽ thực hiện việc chuẩn bị các điều kiện liên quan đến việc tổ chức đầu tư xây dựng công trình Hệ Thống Băng Tải trên Địa Điểm sẽ được Than Cao Sơn giao.

(ii) Trong trường hợp xảy ra chậm trễ trong việc giao mặt bằng, hoặc bất kỳ vi phạm, chậm trễ, cản trở hoặc ngăn cản nào, Than Cao Sơn trong vòng Mười (10) Ngày Làm Việc kể từ ngày Nhà Đầu Tư đưa ra đề nghị gia hạn sẽ phải gia hạn thời hạn đó.

b) Sau khi hoàn tất việc chuẩn bị Địa Điểm:

(i) Than Cao Sơn sẽ bàn giao mặt bằng của Địa Điểm cho Nhà Đầu Tư, và

(ii) Nhà Đầu Tư sẽ tiếp nhận việc bàn giao từng phần hoặc toàn bộ mặt bằng của Địa Điểm để tiến hành xây dựng công trình.

c) Khi Nhà Đầu Tư đã tiếp nhận bàn giao toàn bộ mặt bằng của Địa Điểm hoặc nếu Nhà Đầu Tư không tiếp nhận hoặc không thu xếp được việc tiếp nhận, thì:

(i) Than Cao Sơn được coi là đã được giải trừ khỏi các nghĩa vụ đối với Nhà Đầu Tư liên quan đến việc chuẩn bị Địa Điểm;

(ii) Nhà Đầu Tư phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và Than Cao Sơn trong việc sử dụng mặt bằng công trình đúng với mục đích xây dựng công trình.

8.2. Môi trường:

Hệ Thống Băng Tải do Nhà Đầu Tư thực hiện từ bước khảo sát; thiết kế bản vẽ thi công; cung cấp vật tư, thiết bị; xây dựng; lắp đặt; chạy thử; vận hành và bảo trì phải đảm bảo tuân thủ Các Tiêu Chuẩn Môi Trường Việt Nam được quy định tại Phụ lục số 3. Trong trường hợp không tuân thủ đúng, đủ Các Tiêu Chuẩn Môi Trường Việt Nam thì Nhà Đầu Tư, bằng chi phí của mình phải khắc phục mọi hậu quả và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 9. CÁC ĐIỀU CHỈNH

9.1. Điều chỉnh bất lợi:

Nếu một hoặc nhiều điều chỉnh trong quá trình xây dựng, vận hành Hệ Thống Băng Tải có ảnh hưởng bất lợi cộng dồn đến các lợi ích kinh tế của Nhà Đầu Tư, khi xảy ra việc điều chỉnh hoặc tại bất kỳ thời điểm nào sau đó:

a) Nhà Đầu Tư bằng thông báo (với đầy đủ chi tiết về tác động bất lợi của điều chỉnh đối với các lợi ích kinh tế của Nhà Đầu Tư) yêu cầu Than Cao Sơn nhanh chóng xem xét và đồng ý về một trong những biện pháp khắc phục sau đây (chấp nhận

được đối với Các Bên liên quan), bao gồm:

(i) Yêu cầu điều chỉnh thiết kế thi công;

(ii) Đấu nối các công trình hạ tầng đối với Hệ Thống Băng Tải;

(iii) Thời hạn hoàn thành Hệ Thống Băng Tải;

(iv) Bất kỳ phương án nào được Các Bên cùng thỏa thuận.

b) Nếu biện pháp khắc phục theo Điều 9.1(a) không được thỏa thuận trong giai đoạn Sáu mươi (60) ngày từ ngày nhận thông báo đề cập trong Điều 9.1(a), thì Nhà Đầu Tư sẽ gửi thông báo bổ sung cho Than Cao Sơn để đề xuất lựa chọn một trong những biện pháp khắc phục theo Điều 9.1(a) để khôi phục và duy trì các lợi ích kinh tế tương ứng của Nhà Đầu Tư bị ảnh hưởng.

c) Nếu biện pháp khắc phục theo Điều 9.1(b) không được thỏa thuận đầy đủ trong Ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được thông báo bổ sung, Tranh Chấp đó sẽ được đưa lên Tòa án để quyết định mức bồi thường phù hợp.

d) Ngay sau khi đạt được thoả thuận hoặc quyết định về bất kỳ biện pháp khắc phục nào theo điều này, Các Bên sẽ tiến hành tất cả sửa đổi cần thiết đối với Hợp Đồng.

9.2. Điều chỉnh thuận lợi:

Nếu một hoặc nhiều điều chỉnh trong quá trình xây dựng, vận hành Hệ Thống Băng Tải có ảnh hưởng thuận lợi cộng dồn đến các lợi ích kinh tế của Nhà Đầu Tư, thì:

a) Than Cao Sơn bằng thông báo (với đầy đủ chi tiết về tác động tích cực của điều chỉnh đối với các lợi ích kinh tế của Nhà Đầu Tư) yêu cầu Nhà Đầu Tư nhanh chóng xem xét và đồng ý về một trong những biện pháp khắc phục sau đây (chấp nhận được đối với Các Bên liên quan), theo đó Than Cao Sơn sẽ nhận được khoản bồi thường tương đương với các lợi ích kinh tế đó:

(i) Yêu cầu điều chỉnh thiết kế thi công;

(ii) Đấu nối các công trình hạ tầng của dự án đối với Hệ Thống Băng Tải;

(iii) Thời hạn hoàn thành Hệ Thống Băng Tải;

(iv) Bất kỳ phương án nào được Các Bên cùng thỏa thuận.

b) Nếu biện pháp khắc phục theo Điều 9.2(a) không được thỏa thuận trong giai đoạn Sáu mươi (60) ngày từ ngày nhận thông báo đề cập trong Điều 9.2(a), thì Than Cao Sơn sẽ gửi thông báo bổ sung cho Nhà Đầu Tư để đề xuất lựa chọn một trong những biện pháp khắc phục theo Điều 9.2(a) để khôi phục và duy trì các lợi ích kinh tế tương ứng của Than Cao Sơn bị ảnh hưởng.

c) Nếu biện pháp khắc phục theo Điều 9.2(b) không được thỏa thuận đầy đủ trong Ba mươi (30) ngày kể từ ngày ngày nhận được thông báo bổ sung, Tranh Chấp đó sẽ được đưa lên Tòa án để quyết định mức bồi thường phù hợp.

d) Ngay sau khi đạt được thoả thuận hoặc quyết định về bất kỳ biện pháp khắc phục nào theo điều này, Các Bên sẽ tiến hành tất cả sửa đổi cần thiết đối với Hợp Đồng.

9.3. Điều chỉnh khác:

Nếu có phát sinh bất kỳ hạng mục xây dựng hoặc thiết bị ngoại vi nào bắt buộc phải có

trong quá trình xây lắp để phục vụ Hệ Thống Băng Tải mà trong hồ sơ mời thầu của Than Cao Sơn và hồ sơ dự thầu của Nhà Đầu Tư đều chưa đề cập tới thì Nhà Đầu Tư phải khẩn trương lập thiết kế, lập dự toán bổ sung trình Than Cao Sơn phê duyệt và tiến hành xây lắp ngay để kịp Ngày Vận Hành Thương Mại Theo Yêu Cầu.

Đối với phần chi phí đầu tư phát sinh nói trên, Than Cao Sơn sẽ chấp nhận và điều chỉnh đơn giá thuê vận chuyển đất đá sau khi được TKV chấp thuận đề nghị điều chỉnh đơn giá của Than Cao Sơn.

PHẦN II.
VẬN CHUYỂN ĐẤT ĐÁ

Điều 10. CÔNG SUẤT VÀ SẢN LƯỢNG VẬN CHUYỂN

Công suất vận tải đất đá theo yêu cầu của Hợp Đồng là Mười nghìn bốn trăm (10.400) tấn/giờ. Sản lượng vận chuyển đất đá mỗi năm theo yêu cầu của Hợp Đồng là Năm mươi hai triệu bốn trăm nghìn (52.400.000) tấn. Sản lượng vận tải cụ thể cho từng kỳ kế hoạch sẽ do Các Bên thỏa thuận, thống nhất. Khi Than Cao Sơn có nhu cầu tăng khối lượng vận chuyển lớn hơn Năm mươi hai triệu bốn trăm nghìn (52.400.000) tấn và Nhà Đầu Tư có khả năng đáp ứng được thì Các Bên sẽ thỏa thuận thống nhất về khối lượng vận chuyển tăng và Phí Công Suất Vượt Trội thanh toán cho Nhà Đầu Tư, nếu được TKV chấp thuận bằng văn bản thì Các Bên sẽ ký phụ lục Hợp Đồng để thực hiện.

Điều 11. CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ THIẾT BỊ KỸ THUẬT

11.1. Phương tiện vận chuyển:

Nhà Đầu Tư có trách nhiệm vận chuyển đất đá thải cho Than Cao Sơn từ điểm nhận cấp liệu của Hệ Thống Băng Tải đến Bãi Thải Bàng Nâu bằng Hệ Thống Băng Tải đã được đầu tư, xây dựng.

11.2. Cơ sở hạ tầng cho vận hành Hệ Thống Băng Tải:

Khi Hệ Thống Băng Tải bắt đầu vận hành, Than Cao Sơn có đủ điều kiện về cơ sở hạ tầng:

a) Đủ phương tiện, thiết bị để cấp đất đá theo công suất thiết kế của Hệ Thống Băng Tải và cấp đủ khối lượng đất đá theo kế hoạch vận chuyển Các Bên đã thống nhất;

b) Thiết bị cân sẵn sàng cho việc vận chuyển đất đá;

c) Hệ Thống Cung Cấp Điện đã sẵn sàng cấp điện tại điểm đấu nối (nếu không có trở ngại trong việc đóng điện, cấp điện từ EVN).

d) Cơ sở hạ tầng nhận đất đá thải của Hệ Thống Băng Tải là Bãi Thải Bàng Nâu đã hoàn thành và không có bất cứ trở ngại nào cho việc đổ đất đá thải từ Hệ Thống Băng Tải, phù hợp theo tiến độ vận hành của Hệ Thống Băng Tải.

11.3. Cân đo, giờ vận hành:

a) Nguyên tắc cân, xác nhận giờ vận hành:

Toàn bộ khối lượng đất đá được vận chuyển bằng Hệ Thống Băng Tải sẽ được cân theo quy định của Hợp Đồng và toàn bộ số giờ vận hành của Hệ Thống Băng Tải sẽ được Các Bên thống kê, xác nhận bằng văn bản để làm cơ sở cho việc quy trách nhiệm vận chuyển đất đá và thanh toán chi phí vận chuyển cho Nhà Đầu Tư.

b) Thiết Bị Cân:

Than Cao Sơn, bằng chi phí của mình, có trách nhiệm thiết kế, lắp đặt, vận hành và bảo dưỡng thiết bị cân. Thiết bị cân phải có khả năng ghi nhớ toàn bộ khối lượng đất đá đã được vận chuyển qua nó. Các Bên phải cùng nhau chốt chỉ số trên thiết bị cân hàng ca, hàng ngày, hàng tháng để đưa vào chứng từ và/hoặc hoá đơn thanh toán.

Thiết bị cân phải được định kỳ kiểm định bởi Cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Chi phí kiểm định cân Các Bên cùng gánh chịu.

c) Sai số và sửa lỗi thiết bị cân:

Thiết bị cân phải được thiết kế, lắp đặt và hoạt động đảm bảo sai số về số lượng đất đá vận chuyển qua cân trong điều kiện vận hành bình thường nằm trong giới hạn ghi trong giấy chứng nhận kiểm định thiết bị cân do Cơ quan chủ quản cấp. Nếu phát hiện thiết bị cân có sai số vượt quá sai số cho phép thì một trong hai bên có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, hiệu chỉnh, kiểm định lại thiết bị cân. Phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan có thẩm quyền, chi phí thuê kiểm tra, hiệu chỉnh, kiểm định lại thiết bị cân sẽ do Các Bên cùng chi trả nếu cân không đảm bảo độ chính xác theo quy định. Nếu kết quả sau kiểm tra thiết bị cân vẫn đạt tiêu chuẩn về độ chính xác theo quy định thì chi phí thuê kiểm tra, hiệu chỉnh, kiểm định lại thiết bị cân sẽ do Bên đưa ra yêu cầu kiểm tra chi trả. Không phụ thuộc vào kết quả kiểm tra thiết bị cân của Cơ quan có thẩm quyền, sản lượng vận chuyển đã được thiết bị cân ghi lại trước thời điểm kiểm tra, kiểm định vẫn là sản lượng được dùng để Các Bên thanh toán.

Nếu có sự sai số của thiết bị cân mà nguyên nhân được xác định là do có sự cố tình tác động nhằm làm sai lệch chỉ số cân thì sản lượng vận chuyển trước khi kiểm tra, kiểm định thiết bị cân sẽ được Các Bên xem xét giải quyết và thống nhất giá trị sản lượng vận chuyển để làm cơ sở thanh toán, trong trường hợp này, Bên có lỗi phải bồi thường thiệt hại cho Bên kia và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 12. XÁC ĐỊNH CHI PHÍ VẬN CHUYỂN

Giá thuê vận chuyển đất đá thải bằng Hệ Thống Băng Tải được xác định theo quyết định số 1881/QĐ-TCS-DA ngày 04/4/2014 của Giám đốc Công ty cổ phần than Cao Sơn - Vinacomin về việc phê duyệt kết quả đấu thầu Gói thầu số 3: Lựa chọn nhà đầu tư xây dựng, vận hành trạm nghiền và hệ thống băng tải vận chuyển đất đá ra bãi thải Bàng Nâu (Khảo sát xây dựng, lập TKBVTC-Dự toán, thi công xây dựng, vận hành) Thuộc dự án: Cải tạo mở rộng mỏ than Cao Sơn-Công ty cổ phần than Cao Sơn-TKV (nay là Công ty cổ phần than Cao Sơn-Vinacomin. Giá thuê vận chuyển đất đá thải bằng Hệ Thống Băng Tải được quy định chi tiết tại Phụ lục 8.

Điều 13. LẬP CHỨNG TỪ THANH TOÁN VÀ THANH TOÁN

13.1. Thông báo thanh toán hàng tháng:

Trong Năm (05) Ngày Làm Việc đầu tiên của tháng kế tiếp, Các Bên phải lập biên bản xác nhận tổng số giờ vận hành của Hệ Thống Băng Tải và tổng khối lượng đất đá đã vận chuyển được trong tháng vừa qua. Hàng tháng Nhà Đầu Tư có trách nhiệm gửi thông báo thanh toán cho Than Cao Sơn, gồm:

a) Tổng số giờ vận hành, khối lượng đất đá đã vận chuyển của tháng vừa qua;

b) Ngày tới hạn khoản thanh toán (Ngày thanh toán) thể hiện tại thông báo là ngày cuối cùng của tháng mà Nhà Đầu Tư gửi thông báo thanh toán;

c) Tổng số tiền mà Than Cao Sơn phải thanh toán cho Nhà Đầu Tư tính đến hết ngày cuối cùng của tháng vừa qua;

d) Tổng các khoản phải thu và phải trả tại cuối tháng vừa qua của Bên này đối với Bên

kia theo Hợp Đồng, bao gồm tất cả các tranh chấp về số tiền liên quan đến bất kỳ tháng nào trước mà được giải quyết trong tháng đó và phải được hai bên đối chiếu, xác định giá trị thanh toán trước khi phát hành hóa đơn giá trị gia tăng.

13.2. Hóa đơn thanh toán:

Trước khi phát hành hóa đơn thanh toán, Nhà Đầu Tư phải đối chiếu với Than Cao Sơn về tổng số giờ vận hành, sản lượng vận chuyển, giá trị thanh toán và công nợ trong tháng. Trước ngày thanh toán ít nhất là Một (1) Ngày Làm Việc, Nhà Đầu Tư phải gửi cho Than Cao Sơn một Hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ để thanh toán cho việc vận chuyển.

13.3. Yêu cầu thanh toán của Nhà Đầu Tư:

Ngoài các quy định tại Điều 13.1 và Điều 13.2, Nhà Đầu Tư có thể phát hành một yêu cầu thanh toán riêng (Yêu cầu thanh toán) cho Than Cao Sơn vào thời điểm mà Nhà Đầu Tư tự nhận thấy và xác định được một hoặc tất cả các khoản sau:

a) Bất kỳ số tiền mà Than Cao Sơn phải trả cho Nhà Đầu Tư theo Hợp Đồng;

b) Than Cao Sơn sẽ thanh toán số tiền không tranh chấp trong mỗi yêu cầu thanh toán trong vòng Bốn mươi lăm (45) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được yêu cầu thanh toán đó, với điều kiện yêu cầu thanh toán liên quan tới việc vận chuyển đất đá và được hai bên đối chiếu, thống nhất, Than Cao Sơn nhận đủ hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ.

13.4. Thanh Toán:

Các khoản thanh toán cho Nhà Đầu Tư sẽ được Than Cao Sơn chuyển vào tài khoản của Nhà Đầu Tư ghi trong Hợp Đồng.

Than Cao Sơn sẽ có quyền được giảm trừ bất kỳ số tiền còn nợ không tranh chấp từ bất kỳ yêu cầu thanh toán nào vào số tiền phải trả.

13.5. Số tiền tranh chấp:

a) Nếu Than Cao Sơn không đồng ý về bất kỳ số tiền nào nêu trong hóa đơn thanh toán hoặc Nhà Đầu Tư không đồng ý về bất kỳ số tiền nào nêu trong yêu cầu thanh toán, toàn bộ số tiền không tranh chấp sẽ được thanh toán vào ngày thanh toán và toàn bộ số tiền tranh chấp sẽ được đưa vào tài khoản tín thác được mở sau ngày Hợp Đồng có hiệu lực tại một ngân hàng do hai bên thỏa thuận. Bên tranh chấp bất kỳ số tiền tương ứng nào phải ngay sau đó (và không muộn quá Ba (03) Ngày Làm Việc) cấp cho Bên kia các chi tiết hợp lý liên quan tới cơ sở tranh chấp của mình. Các Bên sẽ tổ chức thảo luận có thiện chí với quan điểm giải quyết tranh chấp liên quan đến số tiền tương ứng. Nếu Các Bên không thể giải quyết tranh chấp theo các điều kiện chấp nhận được cho mỗi Bên, trong vòng Ba mươi (30) ngày kể từ ngày thông báo tranh chấp của Bên tranh chấp nêu ở trên, tranh chấp sẽ được giải quyết theo các quy định tại Điều 21.

b) Sau khi tranh chấp được giải quyết xong, tất cả số tiền tranh chấp phải trả cho Bên kia phải được thanh toán trong Mười bốn (14) ngày kể từ ngày giải quyết xong.

c) Tình trạng tranh chấp về hoá đơn hoặc yêu cầu thanh toán sẽ không giải tỏa nghĩa vụ của bất kỳ Bên nào tuân thủ các điều khoản trong Hợp Đồng (ngoại trừ nghĩa vụ thanh toán, số tiền tranh chấp sẽ được điều chỉnh duy nhất bởi Điều 13.5a)).

13.6. Thanh toán chậm và không thanh toán:

a) Thanh toán chậm:

Tất cả các khoản thanh toán chậm theo quy định của Hợp Đồng (hoặc các khoản thanh toán liên quan tới bất kỳ phán quyết hoặc phân xử của Tòa án) sẽ phải chịu mức lãi suất huy động bình quân 01 tháng của 04 ngân hàng thương mại: Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại thời điểm tính toán.

b) Than Cao Sơn không thanh toán:

Trong vòng Sáu mươi (60) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, nếu Nhà Đầu Tư không nhận được toàn bộ số tiền ghi trong hoá đơn đến hạn thanh toán đó thì Nhà Đầu Tư có thể ngừng vận chuyển đất đá thuê cho Than Cao Sơn; Nhà Đầu Tư có thể ngừng vận chuyển đất đá đến khi nhận được toàn bộ số tiền đến hạn phải trả, cùng với tiền lãi tương ứng cho việc thanh toán chậm nhưng với điều kiện là Nhà Đầu Tư không có quyền ngừng vận chuyển nếu Than Cao Sơn không thanh toán là vì một tranh chấp theo Hợp Đồng.

c) Nhận thông báo thanh toán và hoá đơn thanh toán:

Các hoá đơn và thông báo có thể được gửi bằng cách giao trực tiếp hoặc thư đảm bảo (không gửi qua fax) sẽ coi như đã được nhận theo như các quy định về việc nhận thông báo nêu trong Điều 24.2.

13.7. Nộp Thuế:

Trong trường hợp Nhà Đầu Tư được yêu cầu giữ lại hoặc chịu trách nhiệm thanh toán bất kỳ loại Thuế nào (không phải thuế giá trị gia tăng) liên quan tới các khoản thanh toán mà Nhà Đầu Tư phải trả theo Hợp Đồng thì Nhà Đầu Tư sẽ chịu và thanh toán các khoản Thuế đó theo hạn định hiện hành của pháp luật và theo quy định tại địa phương.

PHẦN III.
CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 14. THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

14.1. Thời Hạn Hợp Đồng:

Thời Hạn Hợp Đồng là Hai mươi mốt phảy năm (21,5) năm, gồm Thời Hạn Xây Dựng là Một phảy năm (1,5) năm và Thời Hạn Vận Hành là (i) Hai mươi (20) năm cộng với bất kỳ thời hạn bổ sung nào cần thiết để hoàn thành các nghĩa vụ còn tồn tại theo Hợp Đồng và trong phạm vi yêu cầu để thanh lý Hợp Đồng giữa Than Cao Sơn với Nhà Đầu Tư, hoặc (ii) Một thời hạn ngắn hơn Hai mươi (20) năm nếu trong Thời Hạn Vận Hành Thương Mại đã xảy ra sự điều chỉnh khối lượng vận chuyển lớn hơn Năm mươi hai triệu bốn trăm nghìn (52.400.000) tấn/năm.

14.2. Thời Hạn Xây Dựng:

Thời Hạn Xây Dựng trong Hợp Đồng là thời hạn tính từ Ngày Bắt Đầu cho đến Ngày Vận Hành Thương Mại. Thời Hạn Xây Dựng tối đa là Một phảy năm (1,5) năm. Nhà Đầu Tư sẽ nỗ lực cao nhất để thực hiện đầu tư xây dựng công trình theo thời hạn nêu trên và Than Cao Sơn sẽ nỗ lực cao nhất hỗ trợ một cách hợp lý để Nhà Đầu Tư tuân thủ lịch biểu đã đề ra, quy định tại Phụ lục số 2.

Trường hợp Nhà Đầu Tư không khởi công xây dựng Hệ Thống Băng Băng Tải theo lịch biểu mà không phải là do lỗi của Than Cao Sơn hoặc do điều kiện bất khả kháng thì Than Cao Sơn có thể xem xét chấm dứt Hợp Đồng.

Trường hợp Nhà Đầu tư không đạt được Ngày Vận Hành Thương Mại theo lịch biểu mà nguyên nhân được xác định không phải là do lỗi của Than Cao Sơn hoặc do điều kiện bất khả kháng thì Than Cao Sơn có thể xem xét gia hạn cho Nhà Đầu Tư một khoảng thời gian hợp lý cho Nhà Đầu Tư khắc phục để đạt được Ngày Vận Hành Thương Mại. Nếu quá thời hạn đã được gia hạn mà Nhà Đầu Tư vẫn không thể đạt được Ngày Vận Hành Thương Mại thì Than Cao Sơn có thể chấm dứt Hợp Đồng.

14.3. Thời Hạn Vận Hành

Thời Hạn Vận Hành trong Hợp Đồng, bắt đầu tính từ Ngày Vận Hành Thương Mại và sẽ chấm dứt sau Hai mươi (20) năm, trừ khi được gia hạn hoặc rút ngắn theo thỏa thuận của Các Bên bằng văn bản hoặc được chấm dứt trước thời hạn theo quy định của Hợp Đồng.

Điều 15. NHÀ ĐẦU TƯ CHUYỂN GIAO HỆ THỐNG BĂNG TẢI

15.1. Chuyển giao trước Thời Hạn Hợp Đồng:

Trong trường hợp chấm dứt Hợp Đồng theo quy định tại Điều 17, Điều 18 thì: tối thiểu trước Một (01) tháng trước thời điểm chuyển giao Nhà Đầu Tư gửi tới Than Cao Sơn một đề nghị chuyển giao. Nếu Than Cao Sơn không chấp thuận chuyển giao, khi đó việc chuyển giao được thực hiện như là trường hợp Hợp Đồng chấm dứt trước thời hạn. Nếu Than Cao Sơn chấp thuận chuyển giao, nội dung thực hiện như sau:

a) Đơn vị nhận chuyển giao thành lập một Ban gồm Sáu (6) thành viên (Ban Tiếp Quản) gồm có Ba (3) đại diện do Đơn vị nhận chuyển giao chỉ định và Ba (3) đại diện do Nhà Đầu Tư chỉ định. Nhà Đầu Tư sẽ trình kế hoạch chuyển giao cho Ban

Tiếp Quản trong vòng Mười lăm (15) Ngày Làm Việc kể từ ngày thành lập Ban Tiếp Quản, và kế hoạch chuyển giao đó sẽ bao gồm bản xác nhận hoặc điều chỉnh dự kiến về Ngày Chuyển Giao. Ban Tiếp Quản sẽ thực hiện các công việc chuẩn bị cần thiết để hoàn thành việc chuyển giao.

b) Việc chuyển giao đó sẽ bao gồm nhưng không chỉ giới hạn ở:

(i) một phần hoặc tất cả các hạng mục của Hệ Thống Băng Tải quy định tại Bản Kê Tài Sản;

(ii) các bản sao tiêu chuẩn kỹ thuật của các nhà sản xuất, sổ tay vận hành của các nhà sản xuất, lịch sử về thiết bị, sổ tay vận hành và biên bản sửa chữa và bảo trì;

(iii) bất kỳ bảo đảm hoặc bảo hành thiết bị có hiệu lực nào liên quan đến Hệ Thống Băng Tải và các bản sao đã được ký và đóng dấu của tất cả các bản vẽ hoàn công của Hệ Thống Băng Tải;

c) Trong vòng Mười lăm (15) Ngày Làm Việc kể từ ngày thành lập Ban Tiếp Quản, Đơn vị nhận chuyển giao sẽ mời một đơn vị tư vấn và kiểm toán độc lập, được Nhà Đầu Tư chấp thuận để xác định giá trị tài sản Hệ Thống Băng Tải trước khi chuyển giao. Chi phí mời đơn vị tư vấn và kiểm toán độc lập do Các Bên cùng gánh chịu. Nếu Các Bên không nhất trí kết quả xác định giá trị tài sản do đơn vị tư vấn và kiểm toán độc lập đưa ra thì giải quyết theo Điều 21.

d) Nhà Đầu Tư phải thanh toán mọi khoản nợ của mình còn tồn đọng trước hoặc sau Ngày Chuyển Giao; việc Nhà Đầu Tư thanh toán các khoản nợ còn tồn đọng sẽ không làm chậm trễ Ngày Chuyển Giao.

e) Đơn vị nhận chuyển giao có trách nhiệm thanh toán cho Nhà Đầu Tư giá trị tài sản chuyển giao được xác định theo Điều 15.1c), trước hoặc sau Ngày Chuyển Giao.

15.2. Chuyển Giao đúng Thời Hạn Hợp Đồng:

Khi hết Thời Hạn Hợp Đồng mà hai bên không nhất trí tiếp tục thực hiện Hợp Đồng thì Hệ Thống Băng Tải sẽ được ưu tiên chuyển giao cho Than Cao Sơn nếu Than Cao Sơn có văn bản đồng ý tiếp nhận. Nếu Than Cao Sơn đồng ý tiếp nhận thì:

a) Trong vòng Chín mươi (90) Ngày Làm Việc trước ngày kết thúc Thời Hạn Hợp Đồng, Than Cao Sơn sẽ mời một đơn vị tư vấn và kiểm toán độc lập, được Nhà Đầu Tư chấp thuận để xác định giá trị tài sản Hệ Thống Băng Tải trước khi chuyển giao. Giá trị tài sản Hệ Thống Băng Tải khi chuyển giao phải luôn nhỏ hơn hoặc bằng giá trị tài sản còn lại được liệt kê trong Bản Kê Tài Sản và phải được Các Bên thống nhất. Chi phí mời đơn vị tư vấn và kiểm toán độc lập do Các Bên cùng gánh chịu. Nếu Các Bên không nhất trí kết quả xác định giá trị tài sản do đơn vị tư vấn và kiểm toán độc lập đưa ra thì giải quyết theo Điều 21.

b) Than Cao Sơn có trách nhiệm thanh toán cho Nhà Đầu Tư giá trị tài sản chuyển giao được xác định theo Điều 15.2(a), trước hoặc sau ngày kết thúc Thời Hạn Hợp Đồng.

c) Vào Ngày Chuyển Giao, Nhà Đầu Tư sẽ chuyển giao cho Than Cao Sơn:

(i) Mọi hạng mục, hoặc một, hoặc một số hạng mục được liệt kê trong Bản

Kê Tài Sản (theo thỏa thuận với Than Cao Sơn) không bị ràng buộc bởi bất kỳ biện pháp bảo đảm nào trên cơ sở "nguyên trạng", trong tình trạng đang vận hành phù hợp với Quy Định An Toàn Vận Hành Thiết Bị Băng Tải, Máy Nghiền và đáp ứng được các Tiêu Chuẩn Vận Hành Tối Thiểu. Việc chuyển giao đó có thể sẽ bao gồm nhưng không giới hạn ở các hạng mục thiết bị quan trọng được đưa vào Hệ Thống Băng Tải, bản sao của tất cả các tài liệu về quy cách kỹ thuật của nhà sản xuất, tài liệu hướng dẫn vận hành của nhà sản xuất, lịch sử thiết bị và nhật ký vận hành cùng với các bản sao được ký và đóng dấu của tất cả các bản vẽ hoàn công cho Hệ Thống Băng Tải, kể cả các công trình dân dụng và kiến trúc;

(ii) Công Trình Nhà Ở phù hợp cho việc sử dụng, có tính đến các hao mòn thông thường (nếu Than Cao Sơn đồng ý nhận chuyển giao); và

d) Nhà Đầu Tư phải thanh toán mọi khoản nợ của mình còn tồn đọng trước hoặc sau Ngày Chuyển Giao. Việc Nhà Đầu Tư thanh toán các khoản nợ còn tồn đọng sẽ không làm chậm trễ Ngày Chuyển Giao.

15.3. Trường hợp hết Thời Hạn Hợp Đồng mà không chuyển giao:

a) Khi hết Thời Hạn Hợp Đồng, nếu Các Bên cùng nhất trí tiếp tục thực hiện Hợp Đồng hoặc không có bất cứ đề xuất nào khác thì Hợp Đồng đương nhiên tiếp tục có hiệu lực đến khi có thỏa thuận mới mà không có bất kỳ điều kiện nào phát sinh.

b) Khi hết Thời Hạn Hợp Đồng, nếu Các Bên không nhất trí tiếp tục thực hiện Hợp Đồng và Các Bên không nhất trí Chuyển Giao thì Nhà Đầu Tư có quyền và trách nhiệm tháo dỡ, thu hồi toàn bộ tài sản thuộc Hệ Thống Băng Tải, Công Trình Nhà Ở, hoàn trả mặt bằng sạch cho Than Cao Sơn. Toàn bộ kinh phí tháo dỡ, thu hồi tài sản, các công việc cần thiết để hoàn trả mặt bằng sạch do Nhà Đầu Tư tự gánh chịu. Nhà Đầu Tư phải thông báo cho Than Cao Sơn về kế hoạch tháo dỡ, thu hồi tài sản trước khi tháo dỡ Ba mươi (30) Ngày Làm Việc.

Điều 16. CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ

Nhà Đầu Tư được phép chuyển nhượng tất cả các quyền và nghĩa vụ có liên quan của mình theo Hợp Đồng cho Bên Nhận Chuyển Nhượng, với điều kiện là Bên Nhận Chuyển Nhượng chấp nhận mọi quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng và phải được Than Cao Sơn chấp thuận bằng văn bản.

Than Cao Sơn có thể chuyển nhượng mọi quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng cho bất kỳ một đơn vị nào được TKV chấp thuận, vào bất kỳ thời điểm nào mà không cần phải có sự chấp thuận của Nhà Đầu Tư với điều kiện Bên nhận chuyển nhượng chấp nhận mọi quyền và nghĩa vụ của Than Cao Sơn theo Hợp Đồng.

Điều 17. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

17.1. Định nghĩa sự kiện bất khả kháng:

Là bất kỳ sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống nào hoặc sự kết hợp các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống được nói tới trong Điều 17.1 làm một Bên (Bên Bị Ảnh Hưởng) bị cản trở, hoặc gây trì hoãn (mà việc bị cản trở hoặc gây trì hoãn đó là không thể tránh khỏi) một phần hoặc toàn bộ việc thực hiện nghĩa vụ theo Hợp Đồng của Bên Bị Ảnh Hưởng nhưng chỉ khi và trong phạm vi các sự kiện, điều kiện và tình huống đó: (i) trực tiếp cản trở hoặc trì hoãn việc Bên Bị Ảnh Hưởng thực hiện các nghĩa vụ của mình phát sinh theo

Hợp Đồng, (ii) không nằm trong khả năng kiểm soát hợp lý của Bên Bị Ảnh Hưởng, (iii) Bên Bị Ảnh Hưởng đã không thể tránh được dù có áp dụng sự cẩn trọng hợp lý và (iv) không có lỗi hoặc sơ suất của Bên Bị Ảnh Hưởng.

Sự Kiện Bất Khả Kháng bao gồm (nhưng không giới hạn) bất kỳ sự kiện và tình huống nào sau đây trong phạm vi mà những sự kiện đó hay hậu quả của những sự kiện đó đáp ứng các yêu cầu nói trên, bao gồm:

a) động đất, sụt lở tầng, sóng thần, sét, giông bão, lũ lụt, mưa kéo dài hoặc các điều kiện thời tiết khắc nghiệt bất thường khác;

b) dịch bệnh, nạn dịch, hoặc kiểm dịch có ảnh hưởng trực tiếp đến đến việc thực hiện nghĩa vụ theo Hợp Đồng của bên bị ảnh hưởng;

c) hành động chiến tranh (tuyên bố hoặc không tuyên bố), xâm lược, xung đột vũ trang hoặc hành động bao vây, cấm vận, khởi nghĩa, bạo loạn, khủng bố, đảo chính, đình công, bãi công trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam;

d) nổ, tai nạn, hoặc hỏa hoạn;

e) các tai nạn giao thông, rơi máy bay, tai nạn hoặc các sự cố khác làm ngừng hoặc trì hoãn hoạt động giao thông mà không thể tiên đoán được một cách hợp lý;

f) bất kỳ Cơ Quan Hữu Quan nào quốc hữu hóa, hoặc nắm quyền kiểm soát tất cả tài sản hoặc các quyền của Nhà Đầu Tư;

g) bất kỳ sự không thực hiện hoặc trì hoãn nào phát sinh từ việc phát hiện tại mặt bằng công trình có bom mìn chưa nổ hoặc di tích khảo cổ;

h) mất điện, tiết giảm công suất tiêu thụ điện, EVN chậm hoặc không cấp điện cho Hệ Thống Cung Cấp Điện;

i) không cấp hoặc không cấp đủ đất đá do việc nổ mìn không thực hiện được hoặc giảm khối lượng đất đá nổ mìn mà nguyên nhân không phải do lỗi của Than Cao Sơn.

j) bất kỳ sự kiện hoặc tình huống nào có tính chất tương tự các sự kiện nêu trên.

17.2. Các trường hợp không phải là sự kiện bất khả kháng:

Sự kiện bất khả kháng cụ thể sẽ không bao gồm các trường hợp sau, trừ trường hợp do hậu quả của một sự kiện bất khả kháng:

a) Chậm đầu tư thiết bị theo tiến độ, không có, giao muộn, thay đổi về giá thành trang thiết bị, vật liệu, phụ tùng dùng cho Hệ Thống Băng Tải, đơn giá vận chuyển;

b) Không hoạt động do hao mòn máy móc của các thiết bị và vật tư thuộc Hệ Thống Băng Tải;

c) Không thực hiện do (i) Các Bên (Một trong hai bên) có hành vi sai sót hoặc sơ suất, cố ý hoặc bất cẩn, (ii) không tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, hoặc (iii) vi phạm Hợp Đồng; hoặc

d) Hư hỏng về điện hoặc cơ khí của máy móc thiết bị do Nhà Đầu Tư vận hành hay sở hữu vì việc vận hành các máy móc thiết bị đó không theo đúng Quy Định An Toàn Vận Hành Thiết Bị Băng Tải, Máy Nghiền;

e) Không thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng và vận hành Hệ Thống Băng Tải;

f) Các trường hợp tương tự trên theo ý muốn chủ quan của các đối tác liên quan đến Hợp Đồng.

17.3. Nghĩa vụ thông báo và giải quyết các sự kiện:

a) Bên bị ảnh hưởng, trong vòng Hai mươi bốn (24) giờ phải thông báo cho Bên kia về sự kiện bất khả kháng; nếu vì sự kiện bất khả kháng mà không thể gửi thông báo trong khoảng thời gian quy định trên thì Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải gửi thông báo cho Bên kia trong thời gian không muộn hơn Một (01) ngày sau khi thông tin liên lạc được khôi phục. Mọi thông báo phải thể hiện đầy đủ các chi tiết của sự kiện bất khả kháng, ảnh hưởng của nó tới Bên đang đòi miễn trừ và kiến nghị các biện pháp khắc phục. Bên bị ảnh hưởng bởi một sự kiện bất khả kháng phải gửi cho Bên kia các báo cáo thường xuyên về tiến trình các biện pháp khắc phục và các thông tin khác theo yêu cầu hợp lý của Bên kia.

b) Bên bị ảnh hưởng phải cho Bên kia tiếp cận để thu thập thông tin thêm về các tình huống của sự kiện bất khả kháng và để kiểm tra Hệ Thống Băng Tải.

c) Bên bị ảnh hưởng bởi một sự kiện bất khả kháng phải gửi thông báo cho Bên kia về (i) việc ảnh hưởng của sự kiện liên quan tạo ra bởi một sự kiện bất khả kháng, và (ii) việc do ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng mà Bên đó được hưởng các quyền hoặc sự ảnh hưởng việc thực hiện nghĩa vụ theo Hợp Đồng.

17.4. Hậu quả của sự kiện bất khả kháng:

Không Bên nào phải chịu trách nhiệm hay có nghĩa vụ hay bị coi là đã vi phạm Hợp Đồng do việc trì hoãn hoặc không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng do một hoặc nhiều sự kiện bất khả kháng hoặc ảnh hưởng của một hoặc những sự kiện đó hoặc tổng hợp các sự kiện đó, với điều kiện là Bên tuyên bố đòi miễn trách nhiệm với nguyên nhân là sự kiện bất khả kháng theo điều này sẽ không được miễn trừ trách nhiệm trong trường hợp Bên đó trì hoãn hoặc không thực hiện các nghĩa vụ khi sự kiện bất khả kháng đó đã không xảy ra.

17.5. Khắc Phục:

Mọi thiệt hại, mọi chi phí để khắc phục thiệt hại và mọi chi phí để khôi phục sự hoạt động trở lại bình thường của Hệ Thống Băng Tải do Sự Kiện Bất Khả Kháng gây ra đối với Bên nào Bên đó tự gánh chịu. Bên bị ảnh hưởng phải cố gắng hợp lý để khắc phục ảnh hưởng của bất kỳ tác nhân gây ra sự kiện bất khả kháng nào ngay khi có thể. Các hoạt động không bị liên quan bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng, Các Bên vẫn phải chủ động điều hành để sẽ và/hoặc đáp ứng ngay khi có thể sau khi khắc phục xong các Sự Kiện Bất Khả Kháng:

a) Sự Kiện Bất Khả Kháng ảnh hưởng đến Nhà Đầu Tư: trong trường hợp Sự Kiện Bất Khả Kháng ảnh hưởng đến Nhà Đầu Tư dẫn đến yêu cầu cần khắc phục thì trong vòng Mười lăm (15) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện, Nhà Đầu Tư phải gửi một kế hoạch khắc phục cho Than Cao Sơn. Nếu Nhà Đầu Tư không khôi phục được việc vận hành bình thường của Hệ Thống Băng Tải trong vòng Ba mươi (30) ngày tính từ ngày sự kiện đó xảy ra, thì Nhà Đầu Tư và Than Cao Sơn sẽ đàm phán

với tinh thần thiện chí để thỏa thuận về việc:

(i) liệu Khắc Phục có khả thi không (dựa trên tính khả thi kỹ thuật và kinh tế); và

(ii) nếu khả thi thì thống nhất lịch biểu của Khắc Phục đó.

b) Nếu sau Mười lăm (15) ngày đàm phán mà Các Bên không thỏa thuận được vấn đề Khắc Phục thì Nhà Đầu Tư hoặc Than Cao Sơn có thể chấm dứt Hợp Đồng bằng cách gửi một Thông Báo Chấm Dứt cho bên kia.

17.6. Bất Khả Kháng trong Giai Đoạn Xây Dựng:

Nếu trước Ngày Vận Hành Thương Mại:

a) một Sự Kiện Bất Khả Kháng xảy ra và Bên Bị Ảnh Hưởng là Nhà Đầu Tư và Sự Kiện Bất Khả Kháng đó gây chậm trễ trong việc đạt được Ngày Vận Hành Thương Mại Theo Yêu Cầu của Hệ Thống Băng Tải, thì Nhà Đầu Tư sẽ được gia hạn một khoảng thời gian bằng thời gian của sự kiện đó.

b) một Sự Kiện Bất Khả Kháng xảy ra gây chậm trễ trong việc đạt được Ngày Vận Hành Thương Mại Theo Yêu Cầu của Hệ Thống Băng Tải thì (trừ khi đã có Ngày Vận Hành Thương Mại) Thời Hạn Xây Dựng sẽ được gia hạn một khoảng thời gian bằng thời hạn xảy ra của Sự Kiện Bất Khả Kháng đó.

17.7. Bất Khả Kháng trong Giai Đoạn Vận Hành:

Nếu trong Giai Đoạn Vận Hành Thương Mại, một Sự Kiện Bất Khả Kháng xảy ra làm Hệ Thống Băng Tải phải ngừng hoạt động (kể cả trường hợp phải ngừng hoạt động do Than Cao Sơn không cung cấp được đất đá cho Hệ Thống Băng Tải mà nguyên nhân là do ảnh hưởng của Sự Kiện Bất Khả Kháng) thì: (i) trong thời gian ngừng hoạt động này Than Cao Sơn không phải thanh toán phí vận chuyển cho Nhà Đầu Tư và (ii) khối lượng đất đá trong kế hoạch vận chuyển sẽ được giảm trừ tương ứng với thời gian ngừng hoạt động và (iii) Thời Hạn Vận Hành Thương Mại sẽ được gia hạn một khoảng thời gian bằng thời gian ngừng hoạt động do ảnh hưởng của Sự Kiện Bất Khả Kháng.

17.8. Chấm dứt Hợp đồng do Sự Kiện Bất Khả Kháng Kéo Dài:

Nếu một Sự Kiện Bất Khả Kháng xảy ra mà Bên Bị Ảnh Hưởng là Nhà Đầu Tư và Sự Kiện Bất Khả Kháng đó không yêu cầu Khắc Phục hoặc Bên Bị Ảnh Hưởng là Than Cao Sơn và Sự Kiện Bất Khả Kháng đó ngăn cản hoặc trì hoãn việc thực hiện Hợp Đồng và hậu quả trong mỗi trường hợp trên gây ra: (i) chậm trễ trong việc đạt được Ngày Vận Hành Thương Mại Theo Yêu Cầu của Hệ Thống Băng Tải quá Chín mươi (90) ngày hoặc (ii) làm cho Hệ Thống Băng Tải không vận hành được hoặc không đáp ứng được các Tiêu Chuẩn Vận Hành Tối Thiểu trong khoảng thời gian dài hơn Sáu mươi (60) ngày liên tục thì mỗi bên (Than Cao Sơn hoặc Nhà Đầu Tư) sẽ có quyền chấm dứt Hợp Đồng bằng cách gửi Thông Báo Chấm Dứt cho Bên kia.

17.9. Thanh Toán Khi Chấm Dứt do Sự Kiện Bất Khả Kháng:

Bất kỳ Thông Báo Chấm Dứt nào được gửi theo Điều 17 sẽ có hiệu lực ngay lập tức và Các Bên sẽ được bỏ qua và miễn trừ mọi nghĩa vụ và trách nhiệm theo Hợp Đồng, ngoại trừ việc thanh toán các khoản tiền đến hạn hoặc cộng dồn trước ngày Thông Báo Chấm Dứt.

Điều 18. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG TRƯỚC THỜI HẠN

Hợp Đồng có thể bị chấm dứt theo Điều 17.8 hoặc theo các quy định sau:

18.1. Vi Phạm Của Nhà Đầu Tư:

Than Cao Sơn có thể đưa ra thông báo ý định chấm dứt Hợp Đồng khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào dưới đây (mỗi sự kiện là một Sự Kiện Vi Phạm Của Nhà Đầu Tư), với điều kiện là một sự kiện như vậy sẽ không được coi là Sự Kiện Vi Phạm Của Nhà Đầu Tư nếu sự kiện đó (i) do một Sự Kiện Vi Phạm Của Than Cao Sơn gây ra; hoặc (ii) xảy ra do hệ quả của một Sự Kiện Bất Khả Kháng hoặc (iii) xảy ra vì một Ngừng Hoạt Động Bắt Buộc:

(a) Nhà Đầu Tư không thực hiện Điều 6.2(a) Ký Quỹ Bảo Đảm Thực Hiện hoặc Điều 6.2(b) Ký Quỹ Bảo Đảm Vận Hành;

(b) Nhà Đầu tư không tiến hành khởi công xây dựng Hệ Thống Băng Tải trong thời hạn được quy định tại Điều 6.2(e);

(c) Trong Giai Đoạn Vận Hành Thương Mại Nhà Đầu Tư và/hoặc Nhà Thầu Vận Hành, Bảo Trì (nếu có) của Nhà Đầu Tư rời bỏ, trong khoảng thời gian quá Mười (10) ngày liên tục mà không được sự đồng ý trước bằng văn bản của Than Cao Sơn;

(d) Nhà Đầu Tư không đạt được Ngày Vận Hành Thương Mại trong vòng Chín mươi (90) ngày sau Ngày Vận Hành Thương Mại Theo Yêu Cầu hoặc một giai đoạn dài hơn như Các Bên có thể thỏa thuận;

(e) Sau ngày vận hành thương mại, Hệ Thống Băng Tải không đáp ứng được các Tiêu Chuẩn Vận Hành Tối Thiểu được xác định bằng Kiểm Tra Công Suất Tin cậy cho Hai (2) năm liên tiếp;

(f) Nhà Đầu Tư không vận hành, bảo dưỡng, chỉnh sửa hoặc sửa chữa Hệ Thống Băng Tải theo Quy Định An Toàn Vận Hành Thiết Bị Băng Tải, Máy Nghiền tới mức có ảnh hưởng bất lợi nghiêm trọng đến sự an toàn của con người, tài sản và Hệ Thống Băng Tải;

(g) Xảy ra một trong các sự kiện sau đây (ngoại trừ cho mục đích hợp nhất hoặc tái cơ cấu):

(i) các cổ đông của Nhà Đầu Tư thông qua một nghị quyết giải thể Nhà Đầu Tư;

(ii) Nhà Đầu Tư tự nguyện nộp đơn xin tuyên bố phá sản, hoãn trả nợ hoặc các biện pháp tương tự khác;

(h) Một Cơ quan thanh lý được chỉ định trong quá trình giải thể Nhà Đầu Tư sau khi đã thông báo cho Nhà Đầu Tư và sau khi đã tuân theo thủ tục hợp lệ mà việc chỉ định đó không bị hủy bỏ hoặc hoãn thi hành trong vòng Chín mươi (90) ngày kể từ ngày chỉ định; hoặc

(i) Một tòa án có quyền tài phán đối với Nhà Đầu Tư ra lệnh giải thể Nhà Đầu Tư mà lệnh đó không bị một tòa án có thẩm quyền hoãn thi hành hoặc hủy bỏ trong vòng Bốn mươi lăm (45) ngày, trừ khi Than Cao Sơn xác định rằng thủ tục tố tụng hoặc vụ án đó

không (và sẽ không có khả năng) gây ảnh hưởng bất lợi nghiêm trọng tới khả năng của Nhà Đầu Tư trong việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng trong thời gian còn lại của Thời Hạn Vận Hành Thương Mại;

(j) Bất kỳ thông báo, tuyên bố hoặc bảo đảm nào của Nhà Đầu Tư trong Hợp Đồng là không đúng về một phương diện quan trọng khi được đưa ra và thông báo, tuyên bố hay bảo đảm không đúng đó có ảnh hưởng bất lợi và nghiêm trọng tới khả năng của Nhà Đầu Tư trong việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng;

(k) Bất kỳ vi phạm nghiêm trọng nào của Nhà Đầu Tư đối với Hợp Đồng (với điều kiện là điều này không áp dụng đối với các trường hợp nêu tại các điểm (c), (d), (e), (h), (g) và (j) của Điều 18.1) mà không được khắc phục trong vòng Ba mươi (30) ngày sau khi Than Cao Sơn thông báo rằng một vi phạm nghiêm trọng đối với Hợp Đồng đã xảy ra và đang tiếp diễn; với điều kiện là nếu đã cố gắng hợp lý mà không thể khắc phục được vi phạm đó trong thời hạn Ba mươi (30) ngày đó thì thời hạn khắc phục sẽ được gia hạn thêm một khoảng thời gian hợp lý mà Than Cao Sơn với toàn quyền quyết định hợp lý của mình cho phép khắc phục vi phạm đó;

(l) Bất kỳ vi phạm hay các vi phạm nào của Nhà Đầu Tư trong việc thanh toán một hay các khoản tiền vượt quá số tiền tương đương Năm trăm nghìn (500.000) Đô La Mỹ mà Nhà Đầu Tư phải trả theo Hợp Đồng (trừ những khoản tiền đang bị tranh chấp một cách thiện chí) sau Bốn mươi lăm (45) ngày kể từ khi nhận được thông báo bằng văn bản của Than Cao Sơn về việc chậm thanh toán;

(m) Nhà Đầu Tư chuyển nhượng Hợp Đồng hoặc chuyển giao (bằng bất kỳ phương thức nào) bất kỳ quyền nào của mình theo Hợp Đồng hoặc lợi ích của mình trong Hệ Thống Băng Tải vì lợi ích của các bên cho vay của mình mà không được Than Cao Sơn đồng ý chấp thuận bằng văn bản; hoặc

(n) Nhà Đầu Tư bị tuyên bố là phá sản theo Luật phá sản;

(o) Nhà Đầu Tư thực hiện việc đổ thải không theo đúng: quy hoạch; và/hoặc quy trình đổ thải; và/hoặc thiết kế bãi thải đã được phê duyệt.

18.2. Vi phạm của Than Cao Sơn:

Nhà Đầu Tư có thể đưa ra thông báo ý định chấm dứt Hợp Đồng khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào dưới đây (mỗi sự kiện gọi là một Sự Kiện Vi Phạm Của Than Cao Sơn), với điều kiện một sự kiện như vậy sẽ không phải là Sự Kiện Vi Phạm Của Than Cao Sơn nếu sự kiện đó là (i) do một Sự Kiện Vi Phạm Của Nhà Đầu Tư gây ra; hoặc (ii) xảy ra do hệ quả của một Sự Kiện Bất Khả Kháng:

(a) Việc giải thể, tư nhân hoá Than Cao Sơn, ngoại trừ trường hợp sáp nhập, hợp nhất, hoặc tổ chức lại Than Cao Sơn trong đó tất cả các nghĩa vụ của Than Cao Sơn theo Hợp Đồng được chuyển nhượng phù hợp với các điều khoản tại Điều 16;

(b) Bất kỳ vi phạm hay các vi phạm nào của Than Cao Sơn trong việc thanh toán một hay nhiều khoản tiền vượt quá số tiền tương đương Hai triệu (2.000.000) Đô La Mỹ cho

Nhà Đầu Tư mà Than Cao Sơn phải thanh toán theo Hợp Đồng (ngoại trừ các khoản tiền đang bị tranh chấp một cách thiện chí) sau Sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Nhà Đầu Tư về việc chậm thanh toán;

(c) Bất kỳ vi phạm nghiêm trọng nào của Than Cao Sơn đối với Hợp Đồng mà không được khắc phục trong vòng Sáu mươi (60) ngày sau khi Nhà Đầu Tư đã thông báo một vi phạm nghiêm trọng đối với Hợp Đồng đã xảy ra và đang tiếp diễn, với điều kiện là nếu đã cố gắng hợp lý mà không thể khắc phục được vi phạm đó trong thời hạn Sáu mươi (60) ngày đó thì thời hạn khắc phục sẽ được gia hạn thêm một khoảng thời gian hợp lý mà Nhà Đầu Tư với toàn quyền quyết định hợp lý của mình cho phép khắc phục vi phạm đó;

(d) Bất kỳ thông báo, tuyên bố hoặc bảo đảm nào của Than Cao Sơn trong Hợp Đồng là không đúng về một phương diện quan trọng khi được đưa ra, và thông báo, tuyên bố hay bảo đảm không đúng đó có ảnh hưởng bất lợi đáng kể tới khả năng của Than Cao Sơn trong việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng;

(e) Than Cao Sơn bị tuyên bố phá sản theo Luật phá sản.

18.3. Các Biện Pháp Xử Lý Vi Phạm:

a) Trong trường hợp một Bên vi phạm thì Bên kia có thể có thể chấm dứt Hợp Đồng bằng cách gửi thông báo ý định chấm dứt Hợp Đồng cho Bên vi phạm, thông báo phải nêu rõ sự vi phạm của Bên vi phạm (Thông Báo Ý Định Chấm Dứt). Nếu trong thời hạn thông báo Ba mươi (30) ngày nêu trong Điều này, sự vi phạm được khắc phục thì Hợp Đồng sẽ không bị chấm dứt.

b) Ngay khi hết thời hạn Thông Báo Ý Định Chấm Dứt Ba mươi (30) ngày (trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác) Bên đã đưa ra Thông Báo Ý Định Chấm Dứt có thể chấm dứt Hợp Đồng bằng việc gửi thông báo chấm dứt Hợp Đồng (Thông Báo Chấm Dứt) cho Bên vi phạm và theo đó Hợp Đồng sẽ chấm dứt vào Ngày Chấm Dứt.

18.4. Thanh Toán Khi Chấm Dứt do Vi Phạm Của Than Cao Sơn:

Nếu: (i) Nhà Đầu Tư chấm dứt Hợp Đồng bằng cách gửi Thông Báo Chấm Dứt vì vi phạm Của Than Cao Sơn; hoặc (ii) Than Cao Sơn chấm dứt Hợp Đồng bằng việc gửi Thông Báo Chấm Dứt cho Nhà Đầu Tư thì Than Cao Sơn phải có nghĩa vụ nhận chuyển giao toàn bộ Hệ Thống Băng Tải được liệt kê trong Bản Kê Tài Sản vào Ngày Chấm Dứt trong thời hạn 180 ngày sau Ngày Chấm Dứt.

Trong vòng Sáu mươi (60) Ngày Làm Việc kể từ Ngày Chấm Dứt, Nhà Đầu Tư sẽ mời một đơn vị tư vấn và kiểm toán độc lập, được Than Cao Sơn chấp thuận để xác định giá trị tài sản Hệ Thống Băng Tải khi chuyển giao. Chi phí mời đơn vị tư vấn và kiểm toán độc lập do Các Bên cùng gánh chịu. Nếu Các Bên không nhất trí kết quả do đơn vị tư vấn và kiểm toán độc lập đưa ra thì giải quyết theo Điều 21.

18.5. Thanh toán khi chấm dứt do Vi Phạm Của Nhà Đầu Tư và/hoặc do Bất Khả Kháng kéo dài:

a) Trong trường hợp do vi phạm của Nhà Đầu Tư và/hoặc do Bất Khả Kháng kéo

dài, nếu Than Cao Sơn chấm dứt Hợp Đồng bằng cách gửi Thông Báo Chấm Dứt hoặc Nhà Đầu Tư chấm dứt Hợp Đồng bằng cách gửi Thông Báo Chấm Dứt thì Than Cao Sơn sẽ có quyền được ưu tiên nhận chuyển giao nhưng Than Cao Sơn không có nghĩa vụ phải nhận hoặc phải nhận tất cả các tài sản được liệt kê vào Ngày Chấm Dứt trong Bản Kê Tài Sản (Quyền Lựa Chọn Chuyển Giao Của Than Cao Sơn). Quyền Lựa Chọn Chuyển Giao Của Than Cao Sơn sẽ được thực hiện vào bất kỳ thời gian nào trong khoảng thời gian Một trăm tám mươi (180) Ngày Làm Việc sau Ngày Chấm Dứt.

(i) Nếu Than Cao Sơn thực hiện Quyền Lựa Chọn Chuyển Giao Của Than Cao Sơn thì trong vòng Một trăm tám mươi (180) Ngày Làm Việc kể từ Ngày Chấm Dứt, Than Cao Sơn sẽ mời một đơn vị tư vấn và kiểm toán độc lập, được Nhà Đầu Tư chấp thuận để xác định giá trị tài sản Hệ Thống Băng Tải và Công Trình Nhà Ở trước khi chuyển giao. Chi phí mời đơn vị tư vấn và kiểm toán độc lập do Các Bên cùng gánh chịu. Nếu Các Bên không nhất trí kết quả do đơn vị tư vấn và kiểm toán độc lập đưa ra thì giải quyết theo Điều 21.

(ii) Nếu Than Cao Sơn không thực hiện Quyền Lựa Chọn Chuyển Giao Của Than Cao Sơn, thì Nhà Đầu Tư bằng kinh phí của mình phải tháo dỡ, thu hồi toàn bộ tài sản thuộc Hệ Thống Băng Tải và Công Trình Nhà Ở và làm tất cả các công việc cần thiết để hoàn trả mặt bằng Địa Điểm sạch (như khi nhận bàn giao từ Than Cao Sơn) cho Than Cao Sơn hoặc chuyển giao Hệ Thống Băng Tải, Công Trình Nhà Ở và tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích liên quan đến Nhà Đầu Tư (bao gồm việc tiếp tục sử dụng Địa Điểm, mà sẽ theo các điều khoản đã nêu trong Hợp Đồng cho Bên thứ ba do Nhà Đầu Tư chỉ định và được Than Cao Sơn chấp thuận bằng văn bản. Trong trường hợp này, Bên thứ ba nhận chuyển nhượng sẽ kế thừa các quyền đó và đồng ý bị ràng buộc bởi Hợp Đồng theo thỏa thuận và thủ tục được thỏa thuận hợp lý bởi tất cả Các Bên liên quan, và Các Bên phải hợp tác hợp lý và thiện chí trong việc thực hiện chuyển nhượng này và cấp bất kỳ giấy phép, cho phép và chấp thuận được yêu cầu.

b) Than Cao Sơn sẽ được quyền giữ lại tới mức toàn bộ khoản Ký Quỹ Bảo Đảm Thực Hiện hoặc khoản Ký Quỹ Bảo Đảm Vận Hành để bù đắp cho những thiệt hại của việc Chấm Dứt do Vi Phạm Của Nhà Đầu Tư. Trong trường hợp xảy ra tranh chấp giữa Các Bên Liên Quan tới (i) việc xảy ra hoặc khắc phục Sự Kiện Vi Phạm Của Nhà Đầu Tư hoặc (ii) số lượng của khoản thiệt hại có liên quan tới vi phạm đó, Than Cao Sơn vẫn được quyền rút các khoản tiền từ khoản Ký Quỹ Bảo Đảm Thực Hiện hoặc Ký Quỹ Bảo Đảm Vận Hành mà không phụ thuộc vào việc chờ kết quả giải quyết một tranh chấp. Sau khi tranh chấp đó được giải quyết, Khoản Ký Quỹ Bảo Đảm Thực Hiện hoặc Ký Quỹ Bảo Đảm Vận Hành đó sẽ được hoàn trả cho Nhà Đầu Tư nếu Than Cao Sơn bị xử thua.

c) Trong trường hợp đã xảy ra sự kiện Chậm Trễ Ngày Vận Hành Thương Mại và khoản Bồi Thường Do Chậm Trễ phải trả mà vẫn chưa được Nhà Đầu Tư trả vào Ngày Chấm Dứt thì Than Cao Sơn vẫn được quyền hưởng khoản Bồi Thường Do Chậm Trễ đã được bảo đảm bằng khoản Bảo Đảm Thực Hiện Hợp Đồng.

18.6. Thanh Toán Khi Chấm Dứt:

a) Bất kỳ Thanh Toán Khi Chấm Dứt nào cũng được trả trực tiếp vào tài khoản ngân hàng.

b) Bất kỳ Thanh Toán Khi Chấm Dứt nào và bất kỳ khoản tiền nào khác sẽ được xác định thỏa thuận trên tinh thần trao đổi thiện chí. Nhà Đầu Tư và Than Cao Sơn sẽ hoàn thành việc xác định Thanh Toán Khi Chấm Dứt hoặc bất kỳ số tiền nào khác được đề cập ở trên trong Bốn mươi lăm (45) ngày.

c) Việc hoàn thành chuyển giao Hệ Thống Băng Tải và việc thanh toán bất kỳ khoản tiền nào khác sẽ được thực hiện tại Địa Điểm và vào ngày do Các Bên Liên Quan thỏa thuận không chậm hơn Một trăm tám mươi (180) ngày sau Ngày Chấm Dứt. Các khoản thanh toán chậm sẽ chịu theo mức lãi suất huy động bình quân 01 tháng của 04 ngân hàng: ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam, ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam tính từ ngày đến hạn thanh toán cho đến ngày số tiền đó được thanh toán.

d) Khi nhận được Thanh Toán Khi Chấm Dứt đầy đủ, Nhà Đầu Tư sẽ từ bỏ bất kỳ quyền hoặc biện pháp khắc phục nào khác đối với Than Cao Sơn theo Hợp Đồng, ngoại trừ bất kỳ quyền hoặc biện pháp khắc phục nào khác của Nhà Đầu Tư để khiếu kiện và nhận bất kỳ khoản thanh toán nào đến hạn trước Ngày Chấm Dứt, nhưng Than Cao Sơn vẫn chưa thanh toán.

Điều 19. THANH LÝ HỢP ĐỒNG, CÁC CHẾ TÀI SỬ LÝ VI PHẠM, TÁC ĐỘNG CỦA CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

19.1. Thanh lý hợp đồng:

Sau khi Hợp Đồng chấm dứt và Nhà Đầu Tư đã nhận được khoản Thanh Toán Khi Chấm Dứt tương ứng và bất kỳ khoản tiền khác nào mà Nhà Đầu Tư có quyền nhận theo Hợp Đồng (hoặc, trong trường hợp Than Cao Sơn không thực hiện Quyền Lựa Chọn Chuyển Giao Của Than Cao Sơn) và mọi quyền sở hữu và lợi ích liên quan tới Nhà Đầu Tư được chuyển giao cho bên thứ ba do Nhà Đầu Tư chỉ định thì Hợp Đồng sẽ được thanh lý theo các quy định của pháp luật về hợp đồng kinh tế. Các thủ tục này sẽ bao gồm cả việc Các Bên thanh toán các khoản nợ còn lại của mình và chuyển giao cho bên tiếp nhận đủ số tiền để trang trải bất kỳ khiếu nại còn chưa được giải quyết xong.

19.2. Các chế tài xử lý vi phạm:

a) Sự kiện vi phạm của Nhà Đầu Tư đã xảy ra và không được khắc phục trong vòng Ba mươi (30) ngày tính từ ngày gửi Thông Báo Ý Định Chấm Dứt, Than Cao Sơn, có thể:

(i) Gửi Thông Báo Chấm Dứt; và/hoặc

(ii) Tiến hành theo Điều 20 của Hợp Đồng để thu hồi bất kỳ bồi thường thiệt hại nào mà Than Cao Sơn có quyền được hưởng (Bao gồm tất cả các loại phí, chi phí và phí tổn phát sinh một cách hợp lý khi thực hiện quyền chế tài của mình).

b) Nếu sự kiện vi phạm của Than Cao Sơn đã xảy ra và không được khắc phục trong vòng Ba mươi (30) ngày tính từ ngày gửi Thông Báo Ý Định Chấm Dứt, Nhà Đầu Tư có toàn quyền quyết định, có thể:

(i) Gửi Thông Báo Chấm Dứt; và/hoặc

(ii) Tiến hành theo Điều 20 của Hợp Đồng để thu hồi bất kỳ bồi thường thiệt hại nào mà Nhà Đầu Tư có quyền được hưởng (Bao gồm tất cả các loại phí, chi phí và phí tổn phát sinh một cách hợp lý khi thực hiện quyền chế tài của mình).

19.3. Tác động của Chấm Dứt Hợp Đồng:

Hợp Đồng dù bị chấm dứt dưới bất kỳ hình thức nào cũng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi và/hoặc nghĩa vụ của Các Bên đã phát sinh trước Ngày Chấm Dứt.

Điều 20. KHIẾU NẠI VÀ CÁC GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM CỤ THỂ

20.1. Hiệu Lực Của Khiếu Nại:

Các quyền của Các Bên Liên Quan phát sinh liên quan tới bất kỳ vi phạm nào của Hợp Đồng xảy ra trước ngày Hợp Đồng bị thanh lý, trừ khi được thực hiện đầy đủ trước khi thanh lý, sẽ vẫn có đầy đủ hiệu lực và giá trị sau khi Hợp Đồng bị thanh lý. Tuy nhiên, không Bên Liên Quan nào sẽ có quyền đòi khiếu nại đối với vi phạm Hợp Đồng, nếu khiếu nại đó chưa được đưa ra chính thức bằng văn bản trước khi Hợp Đồng bị thanh lý; với điều kiện rằng không nội dung nào trong Điều này hạn chế khả năng của Bên có khiếu nại.

20.2. Thiệt hại gián tiếp:

Trong bất kỳ tình huống nào, Các Bên, các cán bộ quản lý, nhân viên, người đại diện, nhà thầu hoặc nhà thầu phụ của Bên đó sẽ không phải chịu trách nhiệm với bất kỳ Bên còn lại nào trong Hợp Đồng về bồi thường thiệt hại ngoài Hợp Đồng.

20.3. Các giới hạn trách nhiệm cụ thể:

Tổng số các khoản tiền mà Than Cao Sơn được quyền nhận theo Hợp Đồng cho việc không thực hiện hoặc vi phạm Hợp Đồng bởi Nhà Đầu Tư xảy ra ở bất cứ thời điểm nào trong Thời Hạn Hợp Đồng sẽ không vượt quá số tiền của Nhà Đầu Tư đã Ký Quỹ Bảo Đảm (Bảo ĐảmThực Hiện, Bảo Đảm Vận Hành) và đây là biện pháp khắc phục duy nhất của Nhà Đầu Tư đối với Than Cao Sơn.

Điều 21. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

21.1. Hòa giải:

Nếu phát sinh bất kỳ Tranh Chấp nào giữa Các Bên, thì Các Bên phải nỗ lực thảo luận với nhau với tinh thần thiện chí và công bằng để giải quyết Tranh Chấp đó trong vòng tối đa là Ba mươi (30) ngày hoặc một thời hạn dài hơn hơn theo thỏa thuận bằng văn bản của Các Bên.

21.2. Chuyên Gia:

a) Nếu Các Bên không giải quyết Tranh Chấp được bằng hòa giải thì Các Bên sẽ thống nhất chỉ định một Công ty độc lập chuyên về kỹ thuật công trình hoặc một Tổ chức tài chính độc lập có kinh nghiệm và chuyên môn phù hợp đáp ứng được

yêu cầu hợp lý của Các Bên để thực hiện vai trò giải quyết Tranh Chấp đó (Chuyên Gia).

b) Không có quyết định nào của Chuyên Gia là cuối cùng hoặc ràng buộc bất kỳ Bên nào và bất kỳ Bên nào cũng có thể đưa Tranh Chấp ra Tòa án để giải quyết theo quy định trong vòng Ba mươi (30) ngày sau ngày có quyết định của Chuyên Gia.

c) Chuyên Gia nào có uy tín và có văn phòng tại Việt Nam sẽ được ưu tiên lựa chọn. Chi phí mời Chuyên Gia sẽ do Các Bên cùng gánh chịu.

d) Nếu việc lựa chọn Chuyên Gia yêu cầu phải có thỏa thuận giữa Than Cao Sơn và Nhà Đầu Tư, mỗi Bên được xem là đã thỏa thuận về ứng viên được đề xuất bởi Bên còn lại trong trường hợp Bên đó không thông báo cho Bên còn lại sự không đồng ý trong Ba mươi (30) ngày sau khi Bên đó đã nhận được thông báo về đề xuất ứng viên từ Bên còn lại. Nếu Các Bên không thể đạt được thỏa thuận trong Ba mươi (30) ngày về việc lựa chọn Chuyên Gia thì mỗi Bên có thể đưa tranh chấp ra Tòa án.

21.3. Tòa án:

a) Nếu Tranh Chấp không thể giải quyết được thông qua thảo luận giữa Các Bên, hoặc nếu bất kỳ Bên nào liên quan đến Tranh Chấp quyết định thực hiện các quyền đưa ra phân xử tại Tòa án thì Tranh Chấp sẽ được xét xử tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

b) Thủ tục kiện ra Tòa án sẽ được tiến hành theo quy định hiện hành.

21.4. Tiếp tục thực hiện nghĩa vụ:

Trong khi bất kỳ Tranh Chấp nào theo Hợp Đồng chưa được giải quyết, bao gồm cả bắt đầu và chờ đợi việc giải quyết bằng Tòa án, Các Bên vẫn bị ràng buộc bởi các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng mà không bị ảnh hưởng bởi quyết định cuối cùng theo quy định tại Điều 20.

Trong quá trình xét xử của Tòa án, Các Bên phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng và không Bên nào được thực hiện các biện pháp khắc phục khác nêu trong Hợp Đồng do có các vấn đề còn đang Tranh Chấp, với điều kiện trong mọi trường hợp mỗi Bên có thể thực hiện quyền chấm dứt Hợp Đồng kể cả trong thời gian chờ Tòa án xét xử.

Điều 22. PHỐI HỢP GIỮA CÁC BÊN

22.1. Ban phối hợp:

Ban phối hợp được thành lập với các thành viên được quy định tại Điều 22.2 dưới đây để phối hợp tất cả các hoạt động của việc xây dựng , vận chuyển đất đá của Hệ Thống Băng Tải, trao đổi các thông tin phù hợp và đưa ra các khuyến nghị có liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng. Những hoạt động đó bao gồm:

a) Soạn thảo quy trình phối hợp trình lãnh đạo Các Bên ký ban hành;

b) Trao đổi các thông tin phù hợp, thường xuyên giữa Các Bên về các vấn đề liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến việc thực hiện Hợp Đồng;

c) Giám sát việc thực hiện nghĩa vụ của Các Bên theo Hợp Đồng trong quá trình xây

dựng và Vận Hành Thương Mại;

d) Giám sát sự tiến triển việc Than Cao Sơn và Nhà Đầu Tư làm các thủ tục cần thiết để nhận được các phê chuẩn, cho phép và các yêu cầu cần thiết khác;

e) Điều phối các hoạt động có liên quan của Các Bên nhằm giảm thiểu những sự cố gây gián đoạn và các công việc khác liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ của Các Bên.

22.2. Thành viên của Ban phối hợp:

Ban phối hợp có Mười (10) người, gồm Năm (5) đại diện của Nhà Đầu Tư và Năm (5) đại diện của Than Cao Sơn và sẽ được thành lập trong vòng Ba mươi (30) ngày kể từ ngày Hợp Đồng có hiệu lực. Ban phối hợp sẽ họp ít nhất mỗi tháng một lần, tại địa điểm do Các Bên thỏa thuận. Các Bên có thể thay thế đại diện của mình trong Ban phối hợp bất cứ lúc nào sau khi thông báo cho Bên kia.

22.3. Hiệu lực của các khuyến nghị từ Ban phối hợp:

Bất kỳ khuyến nghị nào của Ban phối hợp cũng không thể làm thay đổi Hợp Đồng hoặc ràng buộc Các Bên. Các khuyến nghị từ Ban phối hợp chỉ mang tính chất thông báo, nhắc nhở, đôn đốc.

Điều 23. BẢO MẬT

Mỗi Bên sẽ giữ bí mật và không tiết lộ cho Bên thứ ba các điều khoản, điều kiện của Hợp Đồng hoặc thông tin, dữ liệu khác mà Bên đó có hoặc nhận được theo hoặc liên quan tới Hợp Đồng nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên kia, ngoại trừ: (i) theo yêu cầu của Toà án hoặc cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và/hoặc (ii) cho bất kỳ tổ chức tài chính, tổ chức bảo hiểm trên cơ sở cần thiết liên quan đến Mỗi Bên và cho Bên sẽ nhận chuyển nhượng Hợp Đồng.

Điều 24. THÔNG BÁO

24.1. Phát hành thông báo:

Các thông tin trao đổi và thông báo chính thức giữa Nhà Đầu Tư với Than Cao Sơn sẽ được thực hiện giữa đại diện liên danh Nhà thầu Công ty cổ phần Tân Phú Xuân với Than Cao Sơn.

Các thông tin trao đổi và thông báo chính thức mà Than Cao Sơn gửi tới đại diện liên danh Nhà thầu Công ty cổ phần Tân Phú Xuân sẽ được coi là đáp ứng mọi yêu cầu về nghĩa vụ thông báo của Than Cao Sơn với Nhà Đầu Tư theo quy định trong Hợp Đồng.

24.2. Cách thức liên lạc:

Các thông báo, thư, hoặc các liên lạc giữa Nhà Đầu Tư và Than Cao Sơn chỉ được chấp nhận khi có ký xác nhận của người có chức năng, nhiệm vụ được phép nhận;

Thời điểm nhận được thông báo, thư, hoặc các liên lạc là thời điểm ký xác nhận của người có chức năng, nhiệm vụ được phép nhận thông báo, thư, hoặc các liên lạc. Trong trường hợp chuyển bằng fax (fax không được coi là thông báo chính thức), thời điểm nhận được thông báo được xác định dựa trên việc báo cáo chuyển fax tự động; nếu thời điểm fax ngoài giờ hành chính thì thời điểm nhận được tính là Ngày Làm Việc tiếp theo.

24.3. Địa chỉ:

Nếu không có thay đổi nào thì địa chỉ gửi thông báo đến là trụ sở chính của mỗi Bên; Bất kỳ bên nào cũng có thể thay đổi địa chỉ hoặc số máy điện thoại, máy fax của mình sau khi gửi thông báo cho bên kia

Điều 25. BẢO ĐẢM VÀ CAM KẾT

25.1. Than Cao Sơn cam đoan và bảo đảm với Nhà Đầu Tư:

Than Cao Sơn tuyên bố và đảm bảo vào ngày ký Hợp Đồng:

a) Ngoài sự chấp thuận và đồng ý của TKV về: giá trúng thầu, điều chỉnh giá thuê vận chuyển đất đá trong thời hạn Vận Hành Thương Mại thì không cần phải có sự cho phép hay chấp thuận của bất kỳ Cơ Quan Hữu Quan nào ngoài những cho phép hay chấp thuận đã có được để Than Cao Sơn ký kết và giao nhận Hợp Đồng một cách hợp lệ và thực hiện các nghĩa vụ của Than Cao Sơn liên quan tới Hợp Đồng;

b) Than Cao Sơn bảo đảm có quyền thuê vận chuyển toàn bộ số lượng đất đá theo Hợp Đồng và đảm bảo thêm rằng sẽ không có bất kì trở ngại và quyền lợi trái ngược nào liên quan;

c) Than Cao Sơn có đủ các thẩm quyền cần thiết để thực hiện hoạt động của mình, sở hữu tài sản riêng, thực hiện và hoàn thành các trách nhiệm của mình theo Hợp Đồng;

25.2. Cam kết của Than Cao Sơn:

Than Cao Sơn cam kết với Nhà Đầu Tư:

a) Có kế hoạch cụ thể từng tháng, quý, năm để cấp đất đá cho Nhà Đầu Tư vận chuyển theo Hợp Đồng.

b) Cung cấp cho Nhà Đầu Tư các dữ liệu kỹ thuật và thông số thiết bị liên quan đến cơ sở hạ tầng giao, nhận đất đá có ảnh hưởng đến Hệ Thống Băng Tải trong vòng Ba mươi (30) ngày kể từ ngày Hợp Đồng có hiệu lực;

c) Cơ sở hạ tầng cấp điện, cấp đất đá và nhận đất đá thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và luôn sẵn sàng cấp đất đá cho Hệ Thống Băng Tải và nhận đất đá từ Hệ Thống Băng Tải kể từ Ngày Bắt Đầu Tính Sản Lượng Vận Tải;

d) Hỗ trợ hợp lý trong khả năng của Than Cao Sơn, bao gồm cả việc cấp đất đá liên quan tới công tác chạy thử Hệ Thống Băng Tải;

e) Bảo đảm rằng người kế nhiệm hoặc nhận chuyển nhượng của Than Cao Sơn cam kết thực hiện đầy đủ mọi quyền và nghĩa vụ của Than Cao Sơn theo Hợp Đồng;

f) Hợp tác hợp lý để sửa đổi Hợp Đồng nếu có yêu cầu hợp lý của Nhà Đầu Tư.

25.3. Nhà Đầu Tư cam đoan và bảo đảm với Than Cao Sơn:

a) Nhà Đầu Tư là một Nhà thầu liên danh có hai thành viên là những Công ty được thành lập hợp pháp theo Luật Doanh Nghiệp, tồn tại và hoạt động trong tình trạng tốt theo Luật pháp Việt Nam;

b) Việc ký kết và thực hiện các nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư theo Hợp Đồng đã được thỏa thuận trong Liên danh và trong mỗi thành viên của Liên danh đã có sự cho

phép một cách hợp lệ, đúng quy định của nội bộ Công ty, không và sẽ không cần bất kỳ sự chấp thuận bổ sung nào khác;

c) Hợp Đồng này hình thành các trách nhiệm về pháp lý, hiệu lực và ràng buộc Nhà Đầu Tư, có thể thi hành đối với Nhà Đầu Tư theo các điều kiện Hợp Đồng;

d) Nhà Đầu Tư sẽ xin và duy trì mọi phê chuẩn của Than Cao Sơn cần thiết hoặc có thể cần thiết vào bất kỳ thời điểm nào cho việc thực hiện các nghĩa vụ tương ứng của Nhà Đầu Tư theo Hợp Đồng;

e) Hợp Đồng cấu thành các nghĩa vụ hợp pháp, có hiệu lực và ràng buộc Nhà Đầu Tư, có hiệu lực cưỡng chế thi hành đối với Nhà Đầu Tư theo các điều khoản của Hợp Đồng;

f) Trong phạm vi hiểu biết cao nhất của mình, hiện không có bất kỳ vụ kiện hay thủ tục tố tụng nào còn chờ giải quyết hay có một bên đe dọa sẽ kiện Nhà Đầu Tư tại bất kỳ Tòa án, Cơ quan có thẩm quyền nào mà có thể ảnh hưởng nghiêm trọng và bất lợi tới tình trạng tài chính hoặc làm phương hại tới khả năng thực hiện Hợp Đồng;

g) Nhà Đầu Tư có trách nhiệm phải thu xếp để có được các khoản vốn chủ sở hữu và khoản vay cần thiết (bao gồm bất kỳ khoản phát sinh hoặc yêu cầu vốn lưu động hợp lý nào) đủ cho việc thi công, hoàn thành, vận hành và bảo trì Hệ Thống Băng Tải theo cách thức quy định trong Hợp Đồng;

h) Nhà Đầu Tư nỗ lực một cách hợp lý để thương lượng và thực hiện các Hợp Đồng có liên quan để xây dựng, sở hữu, vận hành và bảo trì Hệ Thống Băng Tải theo các điều khoản thương mại hợp lý;

i) Mỗi tài liệu trong Hợp Đồng và các thỏa thuận khác quan trọng đối với việc xây dựng, vận hành, sở hữu và bảo trì Hệ Thống Băng Tải trong thời hạn cho phép, được ủy quyền hợp lệ, ký kết và giao nhận bởi Nhà Đầu Tư, và sẽ tạo thành các nghĩa vụ hợp lệ và có ràng buộc pháp lý của Nhà Đầu Tư, có thể được cưỡng chế thi hành theo các điều khoản của tài liệu đó, trừ trường hợp hiệu lực cưỡng chế thi hành đó bị giới hạn bởi luật phá sản, mất khả năng thanh toán nợ đến hạn hoặc luật tương tự ảnh hưởng đến các quyền của Các Bên;

j) Nhà Đầu Tư chỉ thuê tư vấn, đại diện hoặc chuyên gia có kinh nghiệm trong việc xây dựng và vận hành Hệ Thống Băng Tải có quy mô tương tự;

k) Nhà Đầu Tư sẽ thiết kế, giám sát kỹ thuật, cấp vốn, xây dựng, hoàn tất, sở hữu và vận hành Hệ Thống Băng Tải phù hợp với:

   (i) Các kế hoạch và quy cách kỹ thuật được đưa ra phù hợp với Hợp Đồng và tài liệu đấu thầu;

   (ii) Các yêu cầu của Than Cao Sơn và pháp luật, và

   (iii) Quy Định An Toàn Vận Hành Thiết Bị Băng Tải, Máy Nghiền và các quy định có liên quan của Nhà nước và của TKV (nếu có).

l) Nhà Đầu Tư sẽ thiết kế, xây dựng Hệ Thống Băng Tải để cung cấp và duy trì khả năng vận hành phù hợp với yêu cầu vận chuyển đất đá, mà thời gian vận hành, sử dụng của Hệ Thống Băng Tải sẽ đạt tối thiểu bằng thời gian vận hành thương mại

Hai mươi (20 năm);

m) Với chi phí của mình, Nhà Đầu Tư sẽ chịu trách nhiệm đảm bảo việc xây dựng, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng Hệ Thống Băng Tải tuân thủ tất cả các quy định về xây dựng, môi trường và an toàn theo pháp luật, và chịu trách nhiệm về môi trường liên quan đến Hệ Thống Băng Tải không gây ảnh hưởng bất lợi cho người dân, khu vực lân cận; và

n) Trong bất kỳ trường hợp nào, ngoại trừ các trường hợp bất khả kháng (theo Điều 17), kể cả trong thời gian giải quyết sự tranh chấp theo Điều 21, Nhà Đầu Tư phải duy trì sự vận hành Hệ Thống Băng Tải bình thường để Than Cao Sơn hoạt động sản xuất ổn định, trừ khi có yêu cầu khác đi từ phía Than Cao Sơn;

o) Bảo đảm rằng người kế nhiệm hoặc nhận chuyển nhượng của Nhà Đầu Tư cam kết thực hiện đầy đủ mọi quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư theo Hợp Đồng.

25.4. Cam kết của Nhà Đầu Tư:

Nhà Đầu Tư cam kết với Than Cao Sơn:

a) Sẽ hoàn thành công việc xây dựng, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, vận chuyển đất đá và khi hết Thời Hạn Vận Hành nếu Than Cao Sơn có nhu cầu thì sẽ chuyển giao Hệ Thống Băng Tải cho Than Cao Sơn (chuyển giao theo thỏa thuận) và tuân thủ các nội dung của Hợp Đồng;

b) Hợp tác hợp lý để sửa đổi Hợp Đồng nếu có yêu cầu hợp lý của Than Cao Sơn.

25.5. Bồi thường thiệt hại:

a) Nhà Đầu Tư sẽ bảo vệ, không làm tổn hại đến hoặc hủy hoại tài sản của Than Cao Sơn hoặc Bên thứ ba vì bất cứ hành vi nào (của Nhà Đầu Tư hoặc cán bộ, nhân viên, nhà thầu, nhà thầu phụ) phát sinh liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng. Nếu xảy ra thiệt hại thì phải có trách nhiệm bồi thường cho bên bị thiệt hại.

b) Than Cao Sơn sẽ bảo vệ, không làm tổn hại đến hoặc hủy hoại tài sản của Nhà Đầu Tư hoặc Bên thứ ba vì bất cứ hành vi nào (của Than Cao Sơn hoặc cán bộ, nhân viên, nhà thầu, nhà thầu phụ) phát sinh liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng. Nếu xảy ra thiệt hại thì phải có trách nhiệm bồi thường cho bên bị thiệt hại.

c) Bên được bồi thường sẽ có quyền yêu cầu bên bồi thường trả chi phí hợp lý mà Các Bên thỏa thuận, thống nhất.

Điều 26. LUẬT ÁP DỤNG

Hợp Đồng sẽ được giải thích và áp dụng theo các luật liên quan của Việt Nam và bất kỳ tranh chấp nào phát sinh theo Hợp Đồng sẽ được giải quyết theo các luật đó.

Điều 27. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

27.1. Thoả thuận chung:

Hợp Đồng bao gồm toàn văn Hợp Đồng, các điều khoản và sự ghi nhớ giữa Các Bên.

Không bên nào tham gia Hợp Đồng có tư cách đại diện, bảo lãnh hoặc thực hiện cho Bên kia mà không được quy định hoặc dẫn chiếu từ Hợp Đồng.

Hợp Đồng sẽ không bị thay đổi trừ khi Các Bên thỏa thuận bằng văn bản, được người có

thẩm quyền ký, đóng dấu.

27.2. Luật điều chỉnh:

Hợp Đồng sẽ được điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam.

27.3. Sửa đổi, bổ sung:

Hợp Đồng có thể được sửa đổi, bổ sung khi xảy ra một trong những trường hợp sau với điều kiện là việc sửa đổi, bổ sung phải được thực hiện bằng văn bản do Các Bên ký:

a) Thay đổi quy mô, thiết kế, công suất và/hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật của Hệ Thống Băng Tải;

b) Có sự điều chỉnh về giá thanh toán vận chuyển (ngoại trừ sự điều chỉnh giá vận chuyển do sự thay đổi giá bán điện của EVN và/hoặc sự thay đổi của chỉ số ILy/ILb) hoặc xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng;

c) Trong trường hợp sửa đổi đó là cần thiết hoặc phải có để thực hiện dự án: Cải tạo và mở rộng mỏ than Cao Sơn-Công ty cổ phần than Cao Sơn-TKV, bao gồm cả các sự kiện liên quan đến việc cấp vốn, thiết kế, thi công, vận hành, bảo trì và chuyển giao Hệ Thống Băng Tải; hoặc

d) Các trường hợp khác theo thoả thuận giữa Các Bên.

27.4. Không yêu cầu thi hành:

Mọi điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng phải được tuân thủ trừ khi Bên có quyền hưởng lợi ích từ điều khoản hoặc điều kiện đó thông báo bằng văn bản sẽ không yêu cầu thi hành điều khoản hoặc điều kiện đó. Việc một Bên không yêu cầu hoặc chậm trễ trong việc yêu cầu Bên kia thực hiện bất kỳ điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp Đồng sẽ không ảnh hưởng đến quyền của Bên đó yêu cầu Bên kia thực hiện điều khoản hoặc điều kiện đó của Hợp Đồng, trừ khi Bên đó đã có văn bản thông báo sẽ không yêu cầu thực hiện điều khoản hoặc điều kiện đó. Việc một Bên khước từ bất kỳ điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp Đồng không có nghĩa là Bên đó sẽ khước từ các điều khoản và điều kiện này hoặc các điều khoản và điều kiện khác của Hợp Đồng trong tương lai.

27.5. Tiếp tục có hiệu lực:

Việc kết thúc hoặc chấm dứt Hợp Đồng hoặc việc Tòa án phân xử các Tranh Chấp sẽ không miễn trừ Các Bên khỏi việc thực hiện các nghĩa vụ mà bản chất của các nghĩa vụ là vẫn tiếp tục có hiệu lực sau khi Hợp Đồng kết thúc hoặc chấm dứt, bao gồm các bảo đảm, biện pháp khắc phục, cam kết bồi thường và bảo mật.

27.6. Các bảo đảm khác:

Các Bên phải nỗ lực hợp lý để tiến hành mọi công việc và đưa ra mọi bảo đảm hợp lý cần thiết để có thể hoàn thành các giao dịch quy định trong Hợp Đồng; mỗi Bên phải cung cấp và ký các tài liệu bổ sung hợp lý, cần thiết để thực hiện các quy định của Hợp Đồng và đạt được mục đích của Hợp Đồng. Trong khi thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo Hợp Đồng, nếu có phát sinh các sự kiện làm cản trở, gây thiệt hại hoặc làm giảm lợi ích của mỗi Bên thì Các Bên sẽ có nghĩa vụ phải hành động một cách thiện chí để thỏa thuận thống nhất bổ sung, sửa đổi Hợp Đồng.

27.7. Chi phí:

Mỗi bên phải tự thanh toán tất cả các chi phí mà Bên đó đã gánh chịu liên quan đến chấp thuận, chuẩn bị, ký kết và thực hiện Hợp Đồng.

27.8. Số bản Hợp Đồng:

Hợp Đồng được lập thành Mười hai (12) bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, Mỗi Bên giữ Sáu (6) bản.

27.9. Hiệu lực của Hợp Đồng:

Hợp Đồng có hiệu lực từ ngày đại diện Các Bên ký, đóng dấu và Than Cao Sơn nhận được Bảo Đảm Thực Hiện Hợp Đồng cho tới khi Các Bên hoàn tất thủ tục thanh lý Hợp Đồng.

Hợp Đồng được ký tại trụ sở của Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin: phường Cẩm Sơn – thành phố Cẩm Phả - tỉnh Quảng Ninh.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Lập

ĐẠI DIỆN LIÊN DANH NHÀ THẦU
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ XUÂN
1. CT.CP TÂN PHÚ XUÂN
GIÁM ĐỐC

Bùi Đức Thuận

2. CT.CPĐTXD HẠ TẦNG & KHAI THÁC MỎ TÂN VIỆT BẮC
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Bắc

CÁC PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1
CÁC TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT CỦA HỆ THỐNG BĂNG TẢI , VỐN ĐẦU TƯ HỆ THỐNG BĂNG TẢI

I. YÊU CẦU KỸ THUẬT CỦA HỆ THỐNG BĂNG TẢI

I.1. Trạm nghiền

-Gồm 02 máy nghiền trọn bộ năng suất 10.400 tấn/giờ (5.200 tấn/giờ/máy) bao gồm:
+Máy tiếp liệu tấm
+Băng rỡ tải
+Phễu nhận đá (kết cấu thép) 03 vị trí nhận tải
+Hệ thống điều khiển điện

-Thông số kỹ thuật

Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Nhà sản xuất	Xuất xứ
Máy nghiền	MMD.1300Series hoặc tương đương	02	MMD hoặc tương đương	EU (Anh, Đức, Pháp)
-Năng suất	Q=5200 T/h/máy			
-Tổng công suất	P=1550 kW/máy			
-Tủ phân phối (trạm PP số 3 gồm: 01 tủ đầu vào, 01 tủ cấp điện cho MBA và 02 tủ cấp cho 02 máy nghiền)	400-1250A	04	Schneider, Simen, ABB hoặc tương đương	EU

I.2. Băng tải

I.2.1. Băng tải cố định:

Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Nhà sản xuất	Xuất xứ
1. Băng 1-1 và các thiết bị lắp đặt				
-Năng suất	Q=10.400 T/h			
-Chiều rộng	B=2000			

-Vận tốc	V=4m/s			
-Chiều cao nâng	H=50,1m			
-Chiều dài	L = 905,1 m			
-Tổng công suất động cơ	P= 4 x1000 = 4000 kW			
+Động cơ điện 1000 kW	1LA4454-4AN90-Z	04	Simens	TQ, EU, G7
+Điện áp	U = 6 kV			
+Hộp giảm tốc	B3SH16A22.4	04	Flender, Simens, SEW	TQ, EU, G7
+Tủ phân phối (trạm PP số 4 gồm: 01 tủ đầu vào, 01 tủ cấp điện cho MBA và 04 tủ cấp cho 04 bộ khởi động)	400-1250A	06	Schneider, Simen, ABB	EU
+Hệ thống khởi động	Công nghệ CellByepats	04	Schneider, Simen, ABB Fuji electric,	TQ, EU, G7
+Dây băng	ST.4500, 2000W 8x8		Comoplast Korea hoặc tương đương	Hàn Quốc
+Kết cấu thép			LILAMA69-3	Việt Nam
+Con lăn	D159, D194		LILAMA69-3	Việt Nam
2. Băng 1-2 và các thiết bị lắp đặt				
-Năng suất	Q=10.400 T/h			
-Chiều rộng	B=2000			
-Vận tốc	V=4m/s			
-Chiều cao nâng	H=109 m			
-Chiều dài	L = 1004 m			
-Tổng công suất động cơ	P = 4x 1600 = 6400 kW			
+Động cơ điện 1600 kW	1LA4560-4CN90-Z	04	Simens	TQ, EU, G7
+Điện áp	U=6 kV			
+Hộp giảm tốc	B3SH18A22.4	04	Flender, Simens, SEW	TQ, EU, G7
+Tủ phân phối (trạm PP số 6.1 gồm: 01 tủ đầu vào, 01 tủ cấp điện cho MBA và 04 tủ cấp cho 04 bộ khởi động)	400-1250A	06	Schneider, Simen, ABB	EU
+Hệ thống khởi động	Công nghệ	04	Schneider,	TQ, EU,

	CellByepats		Simen, Fuji Electric	G7
+Dây băng	ST.6300, 2000W 10x10		Comoplast Korea hoặc tương đương	Hàn Quốc
+Kết cấu thép			LILAMA69-3	Việt Nam
+Con lăn D159	D159, D194		LILAMA69-3	Việt Nam
3. Băng 1-3 và các thiết bị lắp đặt				
-Năng suất	Q=10.400 T/h			
-Chiều rộng	B=2000			
-Vận tốc	V=4m/s			
-Chiều cao nâng	H=116 m			
-Chiều dài	L = 741 m			
-Tổng công suất động cơ	P= 4x1600=6400 kW			
+Động cơ điện 1600 kW	1LA4560-4CN90-Z	04	Simens	TQ, EU, G7
+Điện áp	U = 6 kV			
+Hộp giảm tốc	B3SH20A22.4	04	Flender, Simens, SEW	TQ, EU, G7
+Tủ phân phối (trạm PP số 6.2 gồm: 01 tủ đầu vào, 01 tủ cấp điện cho MBA và 04 tủ cấp cho 04 bộ khởi động)	400-1250A	06	Schneider, Simen, ABB	EU
+Hệ thống khởi động	Công nghệ CellByepats	04	Schneider, Simen, Fuji Electric	TQ, EU, G7
+Dây băng	ST.6300, 2000W 10x10		Comoplast Korea hoặc tương đương	Hàn Quốc
+Kết cấu thép			LILAMA69-3	Việt Nam
+Con lăn	D159, D194		LILAMA69-3	Việt Nam
4. Băng duy trì và các thiết bị lắp đặt				
-Năng suất	Q=10.400 T/h			
-Chiều rộng	B=2000			
-Vận tốc	V=4m/s			
-Chiều cao nâng	H=52 m			
-Chiều dài	L = 1082 m			

-Tổng công suất động cơ	P= 5x 1000 = 5000 kW			
+Động cơ điện 1000 kW	1LA4454-4AN90-Z	05	Simens	TQ, EU, G7
+Điện áp	U = 6 kV			
+Hộp giảm tốc	B3SH20A22.4	05	Flender, Simens, SEW	TQ, EU, G7
+Tủ phân phối (trạm PP số 12 gồm: 01 tủ đầu vào và 05 tủ cấp cho 05 bộ khởi động)	400-1250A	06	Schneider, Simen, ABB	EU
+Hệ thống khởi động	Công nghệ CellByepats	05	Schneider, Simen, Fuji electric	TQ, EU, G7
+Dây băng	ST.4500, 2000W 8x8		Comoplast Korea hoặc tương đương	Hàn Quốc
+Kết cấu thép			LILAMA69-3	Việt Nam
+Con lăn	D159, D194		LILAMA69-3	Việt Nam

I.2.2. Băng tải kéo dài, nối dài, máy trung chuyển, máy rót tải

Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Nhà sản xuất	Xuất xứ
1. Băng kéo 1-4 và các thiết bị lắp đặt				
-Năng suất	Q=10.400 T/h			
-Chiều rộng	B=2000			
-Vận tốc	V=4m/s			
-Chiều dài	L = 650 m			
-Tổng công suất động cơ	P =2x800=1600 kW			
+Động cơ điện	1LA4450-4AN90-Z		Simens	TQ, EU, G7
+Điện áp	U = 6 kV			
+Hộp giảm tốc	B3SH16A22.4	02	Flender, Simens, SEW	TQ, EU, G7
+Tủ phân phối (trạm PP số 7 gồm: 01 tủ đầu vào, 01 tủ cấp điện cho MBA, 01 tủ cấp cho máy trung chuyển và máy rót; 02 tủ cấp cho 02 bộ khởi động)	400-1250A	05	Schneider, Simen, ABB	EU
+Dây băng	ST.4500, 2000W		Comoplast	Hàn

	8x8		Korea hoặc tương đương	Quốc
+Hệ thống khởi động	Công nghệ CellByepats		Schneider, Simen, Fuji electric	TQ, EU, G7
+Kết cấu thép			LILAMA69-3	Việt Nam
+Con lăn	D159, D194		LILAMA69-3	Việt Nam
2. Băng 1-5 và các thiết bị lắp đặt				
-Năng suất	Q=10.400 T/h			
-Chiều rộng	B=2000			
-Vận tốc	V=4m/s			
-Chiều dài	L = 650 m			
-Tổng công suất động cơ	P =2x800 = 1600 kW			
+Động cơ điện	1LA4450-4AN90-Z	02	Simens	TQ, EU, G7
+Điện áp	U = 6 kV			
+Hộp giảm tốc	B3SH16A22.4	02	Flender, Simens, SEW	TQ, EU, G7
+Tủ phân phối (trạm PP số 8 gồm: 01 tủ đầu vào, 01 tủ cấp điện cho MBA, và 02 tủ cấp cho 02 bộ khởi động)		04	Schneider, Simen, ABB	EU
+Hệ thống khởi động	Công nghệ CellByepats	02	Schneider, Simen, Fuji electric	TQ, EU, G7
+Dây băng	ST.4500, 2000W 8x8		Comoplast Korea hoặc tương đương	Hàn Quốc
+Kết cấu thép			LILAMA69-3	Việt Nam
+Con lăn	D159, D194		LILAMA69-3	Việt Nam
3. Máy trung chuyển		01		
-Năng suất Q=10.400 T/h	BSW.2000			
-Chiều dài cần	L=52 m			
-Công suất động cơ	P= 75 kW			
5. Máy dỡ tải		01		
-Năng suất Q=10.400 T/h	Spreader Ars-		TAKRAF	EU

	B8000.50 hoặc tương đương		hoặc tương đương	
-Chiều cao rót	H = 22/1,5 mét			
-Công suất động cơ	P= 1820 kW			

I.3. CÁC TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT ÁP DỤNG, YÊU CẦU VẬN HÀNH

I.3.1. Các tiêu chuẩn áp dụng: Các trang thiết bị điện lắp đặt phải đáp ứng các tiêu chuẩn của Việt Nam:

- TCVN 6614-2000 về thử nghiệm vật liệu cách điện và vỏ bọc;
- TCVN 9206-2012 về lắp đặt thiết bị điện trong nhà;
- QTĐ 11 TCN 20-2006 về qui phạm trang bị điện;
- QTĐ 11 TCN 21-2006 về bảo vệ và tự động;
- TCXDVN 259-2011 về tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng;
- QCVN QTĐ 7-2008/BCT tiêu chuẩn về kỹ thuật điện;
- TCVN 9208-2012 về lắp đặt cáp và dây dẫn điện trong các công trình công nghiệp;
- QCVN QTĐ 5-2008/BCT về kiểm định trang thiết bị điện;
- QCVN QTĐ 6-2008/BCT về vận hành, sửa chữa trang thiết bị trong hệ thống điện;
- QCVN 01/2008/BCT Qui chuẩn Quốc gia về an toàn điện;
- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành khác của Việt Nam;
- Ngoài thực hiện theo các tiêu chuẩn, qui trình qui phạm của Việt Nam, Nhà Đầu Tư phải thực hiện theo các qui định của TKV và của Than Cao Sơn.

I.3.2. Các yêu cầu vận hành:

- Thời gian vận hành liên tục 03 ca/ngày, 6 giờ/ca
- Ngày vận hành/năm: 338 ngày
- Nhà đầu tư tự biên soạn qui trình vận hành và bảo dưỡng thiết bị dể duy trì thiết bị hoạt động ổn định và an toàn

I.4. YÊU CẦU KỸ THUẬT VÀ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC XÂY DỰNG

I.4.1. Yêu cầu kỹ thuật:

Các nội dung công việc trong phần xây dựng cho tuyến băng tải Nhà Đầu Tư phải thực hiện theo đúng các nội dung trong hồ sơ dự thầu, không được làm cản trở sản xuất của Than Cao Sơn:

- San gạt mặt bằng trạm nghiền đá số 1: Than Cao Sơn giao mặt bằng sạch tại mức +55 cho Nhà Đầu Tư tổ chức thi công theo cốt thiết kế của trạm nghiền.

- San gạt mặt bằng Hệ Thống Băng Tải và đường công vụ: Than Cao Sơn giao mặt bằng sạch nền tuyến băng theo cốt thiết kế tương đối cho Nhà Đầu Tư thực hiện thi công mặt bằng (san gạt, lu lèn.... làm mặt đường và đường công vụ) phục vụ cho việc thi công lắp đặt, vận chuyển thiết bị... Để đảm bảo an toàn trong quá trình Nhà Đầu Tư thi công lắp đặt tuyến băng yêu cầu Nhà Đầu Tư làm mặt bằng và đường công vụ độc lập với đường vận chuyển đất đá của Than Cao Sơn.

- Quá trình thi công lắp đặt các đoạn băng qua các tuyến đường vận chuyển, yêu cầu Nhà Đầu Tư thi công đúng theo thiết kế kỹ thuật đảm bảo an toàn và không làm ảnh hưởng

đến các tuyến đường vận chuyển bên dưới tuyến băng.

- Các công trình hạ tầng (phân xưởng băng tải đá) phục vụ cho Hệ Thống Băng Tải như: nhà giao ca và điều hành sản xuất, nhà ăn ca, nhà vệ sinh và nhà sửa chữa được thi công theo thiết kế kỹ thuật với diện tích tạm tính: Nhà giao ca và điều hành sản xuất: 135 m^2; Nhà ăn ca: 198 m^2; Nhà vệ sinh: 12,96 m^2 và Nhà sửa chữa: 216 m^2.

- Nhà Đầu Tư phải đổ đất đá thải trong quá trình thi công theo qui hoạch bãi thải của Than Cao Sơn.

I.4.2. Tiêu chuẩn áp dụng:

1. Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 4;

2. Luật sửa đổi bổ sung số 38/2009/QH12 ngày 19/06/2009.

3. Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/2/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

4. Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ về Về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

5. Thông tư 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

6. Công trình xây dựng - Tổ chức thi công TCVN 4055:2012;

7. Công tác đất.Quy phạm thi công và nghiệm thu TCVN 4447:1987;

8. Công tác nền móng – Thi công và nghiệm thu TCVN 9361:2012;

9. Kết cấu gạch đá. Quy phạm thi công và nghiệm thu TCVN 4085:1985;

10. Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối. Quy phạm thi công và nghiệm thu TCVN 4453:1995;

11. Công tác hoàn thiện trong xây dựng. Quy phạm thi công và nghiệm thu TCVN 5674:1992

12. Xi măng TCVN 2682: 2009; TCVN6260: 2009; TCVN 9202:2012;

13. Xi măng - Danh mục chỉ tiêu và chất lượng TCVN 4745:2005;

14. Xi măng. Phân loại TCVN 5439:2004;

15. Cát xây dựng. Các yêu cầu kỹ thuật TCVN 4570:2006; TCXDVN 1770:1986; TCVN 337-86 đến TCVN 346-86 cát xây dựng, phương pháp thử;

16. Đá dăm, sỏi dùng trong xây dựng. Yêu cầu kỹ thuật TCVN 1771:1987; TCVN 7570:2006

17. Nước trộn bêtông và vữa. Yêu cầu kỹ thuật TCXDVN 302:2004;

18. Bê tông nặng. Yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên TCVN - 5592 – 91;

19. Bê tông khối lớn - Thi công và nghiệm thu TCVN 9341:2012;

20. Vữa xây dựng. Yêu cầu kỹ thuật TCVN 4314:2003;

21. Hướng dẫn pha trộn và sử dụng vữa xây dựng TCVN 4459:1987;

22. Cốt thép bê tông TCVN 1651:2008; sắt thép TCVN 1774: 1986;

23. Hệ thống cấp thoát nước bên trong nhà và công trình. Quy phạm thi công và nghiệm thu TCVN 4519:1988;

24. Công tác trắc đạc trong xây dùng công trình - yêu cầu chung TCXDVN 309:2004;

25. Hệ thống tiêu chuẩn an toàn lao động – các khái niệm cơ bản - thuật ngữ và định nghĩa TCVN 3153:1979;

26. An toàn điện trong xây dựng. Yêu cầu chung TCVN 4086:1985;

27. Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng TCVN 5308:1991;

28. Chống sét cho công trình xây dựng - Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống TCVN 9385:2012;

29. Công việc hàn điện. Yêu cầu chung về an toàn TCVN 3146:1986; và

30. Các qui định, tiêu chuẩn, văn bản pháp luật hiện hành khác của Việt Nam.

I.4.3. Khối lượng công việc thi công như sau:

Số TT	Tên hạng mục và qui mô kết cấu	Đơn vị	Khối lượng
I	**PHẦN MẶT BẰNG**		
1	**San gạt mặt bằng trạm nghiền đá số 1**		
	Đào đắp đất	m^3	160 000
	Rãnh xây đá hộc VXM mác 100	m	305
	Tường kè BTCT cao 12m	m	56
	Tường kè BTCT cao 6-12m	m	36
	Tường kè BT cao 6m	m	149,4
	Đào đất xây tường kè	m^3	2 000
	Đào đắp đất bù chân tường kè	m^3	250
	Diện tích sân bãi BTXM dày 33cm, cấp phối đá dăm dầy 30cm	m^2	9 182
2	**San gạt mặt bằng hệ thống băng tải và đường công vụ**		
	Đào đắp (70% đất cấp III, 30% đá cấp II, đào đá bằng khoan nổ mìn)	m^3	274 252
	Đào rãnh, khuôn	m^3	2 551
	Diện tích mặt đường cấp phối đá dăm dầy 20cm, trên lớp đá xô bồ 40cm	m^2	9 464
	Rãnh xây đá hộc	m^3	248

II	**HỆ THỐNG BĂNG TẢI**		
1	**Băng tải duy trì**		
	Kiến trúc	m	1 082
2	**Băng tải số 1-1**		
	Kiến trúc	m	905
	- Cầu băng tải: dài 171m, rộng 3,3m, chiều cao theo độ dốc. Móng BTCT; cột thép		
	- Băng tải đi trên đất: dài 734m, rộng 3,3m, chiều cao theo độ dốc; móng BTCT		
	- Trạm nghiền (2 cái): dài 79m, cao 12m, móng BTCT, tường BTCT		
3	**Băng tải số 1-2**		
	Kiến trúc	m	1004
	- Cầu băng tải: dài 47,4m, rộng 3,3m, chiều cao theo độ dốc. Móng cột BTCT; cột thép		
	- Băng tải đi trên đất: dài 956,6m, rộng 3,3m, chiều cao theo độ dốc; móng cột BTCT		
	- Cầu qua băng (gồm 2 cái): dài 5,9m, rộng 1m, cao 3,4m, móng cột BTCT, cột thép		
4	**Băng số 1-3**		
	Kiến trúc	m	747
	- Băng tải đi trên đất: dài 741m, rộng 3,3m, chiều cao theo độ dốc; móng cột BTCT		
	- Cầu qua băng (gồm 1 cái): dài 5,9m, rộng 1m, cao 3,4m, móng cột BTCT, cột thép		
5	**Băng tải kéo dài 1-4**		
	Kiến trúc	m	650
	Băng tải dài 650m, rộng 3,3m, chiều cao theo độ dốc; móng cột BTCT		
6	**Băng tải nối dài (khi dịch chuyển) 1-5**		

	Kiến trúc	m	650
	Băng tải dài 650m, rộng 3,3m, chiều cao theo độ dốc; móng cột BTCT		
7	**Chiếu sáng hệ thống băng tải đá**		
III	**PHÂN XƯỞNG BĂNG TẢI ĐÁ**		
1	**Nhà giao ca và điều hành sản xuất**		
	a. Kiến trúc		
	Kết cấu: KT (18x7,5)m2 cao 3,6m. Móng tường xây đá hộc; móng cột, cột BTCT; tường xây gạch; cột BTCT, kèo, xà gồ bằng thép; mái lợp tôn, trần nhựa, nền lát gạch LD; cửa nhôm kính, bể phốt BTCT	m^2	135
	b. Chiếu sáng		
	c. Cấp nước		
2	**Nhà ăn ca**		
	a. Kiến trúc		
	Kết cấu: KT (18x11,1)m2 cao 4,4m. Móng tường xây đá hộc; móng cột, cột BTCT; tường xây gạch; cột BTCT, kèo, xà gồ bằng thép; mái lợp tôn, trần nhựa, nền lát gạch LD; cửa nhôm kính	m^2	198
	b. Chiếu sáng		
	c. Cấp nước		
3	**Nhà vệ sinh**		
	a. Kiến trúc		
	Kết cấu: KT (3,6x3,6)m2 cao 3m. Móng tường xây đá hộc; tường xây gạch; mái BTCT, nền lát gạch chống trơn; cửa gỗ	m^2	12,96
	b. Chiếu sáng		
	c. Cấp nước		
4	**Nhà sửa chữa**		
	a. Kiến trúc		

	Kết cấu: KT (18x12)m2 cao 9m. Móng tường xây đá hộc; móng cột, cột BTCT; tường xây gạch; cột, kèo, xà gồ bằng thép; mái lợp tôn, nền lát gạch LD; cửa thép	m^2	216
	b. Chiếu sáng		

II. VỐN ĐẦU TƯ HỆ THỐNG BĂNG TẢI

STT	Khoản mục đầu tư	Giá trị trước thuế (1000đ)
	Tổng số	**2.056.931.991**
1	Chi phí xây dựng	136.163.554
2	Chi phí thiết bị	1.672.286.092
3	Chi phí quản lý dự án	5.205.845
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình	14.198.820
5	Chi phí khác	80.612.449
5.1	Chi phí khác	8.001.627
5.2	Lãi vay xây dựng cơ bản	72.610.821
6	Chi phí dự phòng do khối lượng công việc phát sinh	148.465.231
	Vay tín dụng dài hạn	**1.984.321.169**

PHỤ LỤC 2
TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ

Mốc thời gian	Thời gian hoàn thành
Ngày ký hợp đồng	08/4/2014
Nộp Bảo đảm thực hiện Hợp Đồng	14/4/2014
Bàn giao Địa Điểm cho Nhà Đầu Tư: -Nền tuyến băng (đoạn B-C) -Bunke (đoạn A-B) -Nền tuyến băng (đoạn C-D) -Toàn bộ mặt bằng Địa Điểm	 02/5/2014 16/6/2014 01/9/2014 Hai bên sẽ thống nhất sau
Phê duyệt thiết kế	Hai bên sẽ thống nhất sau
Khởi công xây dựng công trình	Hai bên sẽ thống nhất sau
Hoàn thành xây dựng công trình	18 tháng tính từ ngày bàn giao toàn bộ mặt bằng Địa Điểm
Vận hành thương mại theo yêu cầu	Hai bên sẽ thống nhất sau
Nộp Bảo đảm vận hành	Hai bên sẽ thống nhất sau

PHỤ LỤC 3
CÁC TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG

...

Nhà Đầu Tư phải trình lên Cơ quan có thẩm quyền Báo Cáo Đánh Giá Tác Động Môi Trường hoặc Cam Kết Bảo Vệ Môi Trường đối với công trình Hệ Thống Băng Tải. Nhà Đầu Tư sẽ thực hiện công trình Hệ Thống Băng Tải theo đúng quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ môi trường, bao gồm nhưng không giới hạn ở những văn bản được liệt kê dưới đây:

1. CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Luật Bảo vệ môi trường Việt Nam: số 52/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005;

Nghị định 80/2006/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 09/8/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Nghị định 21/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 28/2/2008 sửa đổi bổ sung Nghị định 80/2006/NĐ-CP;

Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường (thay thế một số điều của Nghị định 80/2006/NĐ-CP và Nghị định 21/2008/NĐ-CP);

Thông tư 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Các văn bản pháp luật hiện hành khác.

2. CÁC TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Trong quá trình hoạt động, tất cả các chất thải từ Hệ Thống Băng Tải sẽ được xử lý để đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường như sau:

Bụi và không khí xung quanh: Nồng độ bụi và các chất gây ô nhiễm trong khí thải phát tán từ Hệ Thống Băng Tải sẽ bảo đảm Quy chuẩn Việt Nam số 05:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và Quy chuẩn số 06:2009/BTNMT quy chuẩn quốc gia về một số chất độc hại trong môi trường không khí xung quanh.

Tiếng ồn: Tiếng ồn phát ra từ hoạt động của Hệ Thống Băng Tải sẽ đáp ứng QCVN 26:2010/BTNMT của Bộ tài nguyên và Môi trường Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Nước thải công nghiệp và sinh hoạt: chất thải lỏng công nghiệp và sinh hoạt sẽ được xử lý nhằm đáp ứng Áp dụng Quy chuẩn Việt Nam số 40:2011/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp và Quy chuẩn Việt Nam số 14:2008/BTNMT quy chuẩn quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Chất thải nguy hại: Nhà Đầu Tư sẽ chịu trách nhiệm thu gom, lưu giữ, quản lý tất cả các loại chất thải nguy hại theo Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2012 của Bộ Tài nguyên môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

Chất thải rắn thông thường: Nhà Đầu Tư sẽ chịu trách nhiệm thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý tất cả các loại chất thải rắn thông thường theo Nghị định số: 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn và các tiêu chuẩn: TCVN 6696-2000 (Chất thải rắn - Bãi chôn lấp hợp vệ sinh), TCVN 6705-2000 (Chất thải rắn không nguy hại - phân loại).

Ngoài ra, Nhà Đầu Tư sẽ áp dụng các biện pháp và kế hoạch giảm thiểu ô nhiễm và xử lý sự cố môi trường, đào tạo công nhân và nhân viên điều khiển Hệ Thống Băng Tải để vận hành hiệu quả và an toàn.

PHỤ LỤC 4
CÁC QUY TRÌNH: KIỂM TRA, PHỐI HỢP VẬN HÀNH, BẢO DƯỠNG

1. KIỂM TRA VẬN HÀNH

Nhà Đầu Tư phải tiến hành các thử nghiệm sau đây cho Hệ Thống Băng Tải:

1.1. Thử nghiệm vận hành

Sau khi khởi động không tải Hệ Thống Băng Tải, với sự hợp tác của Than Cao Sơn, Nhà Đầu Tư sẽ tiến hành kiểm tra hoạt động của Hệ Thống Băng Tải. Khi Hệ Thống Băng Tải có khả năng hoạt động liên tục an toàn, thì Nhà Đầu Tư thông báo cho Than Cao Sơn về việc sẵn sàng tiến hành các thử nghiệm vận hành của Hệ Thống Băng Tải.

Thử nghiệm vận hành là: kiểm tra hoàn toàn không tải; kiểm tra hệ thống an toàn; các kiểm tra vận hành khác mà Nhà Đầu Tư xét thấy thích hợp.

1.2. Kiểm Tra Công Suất Tin Cậy Ban Đầu, Công Suất Tin Cậy

1.2.1. Điều kiện để kiểm tra: (i) Nhà Đầu Tư phải đảm bảo Hệ Thống Băng Tải đã sẵn sàng ở trạng thái ổn định về cơ khí và điện và có thể được vận hành theo Quy Định An Toàn Vận Hành Thiết Bị Băng Tải, Máy Nghiền; và (ii) Than Cao Sơn phải duy trì các điều kiện cung cấp đất đá theo điều kiện thiết kế trong phạm vi tối đa có thể; và (iii) Các thiết bị sau

đây phải sẵn sàng làm việc: Thiết Bị Cân, dụng cụ bấm giờ, các dụng cụ khác (nếu cần thiết); và (iv) Các Bên phải duy trì điều kiện làm việc ổn định trong suốt thời hạn kiểm tra.

1.2.2. Tiến hành kiểm tra

Quá trình kiểm tra sẽ kéo dài trong Bốn (04) giờ (Thời Hạn Kiểm Tra). Tại thời điểm bắt đầu và kết thúc mỗi giờ trong Thời Hạn Kiểm Tra. Kỹ Sư sẽ ghi lại chỉ số cân được của Thiết Bị Cân khi kiểm tra Công Suất Tin Cậy Ban Đầu.

(i) Công Suất Tin Cậy Ban Đầu được xác định bằng: Tổng số tấn đất đá Hệ Thống Băng Tải vận chuyển được trong Bốn (4) giờ chia cho Bốn (4) giờ, nếu kết quả số tấn có được $\geq 90\%$ công suất thiết kế, được Kỹ sư xác nhận và được Than Cao Sơn chấp nhận thì kết quả đó là Công Suất Tin Cậy Ban Đầu. Việc Kiểm Tra Công Suất Tin Cậy Ban Đầu chỉ được hoàn tất khi kết quả kiểm tra Công Suất Tin Cậy Ban Đầu được Than Cao Sơn chấp nhận và được Kỹ Sư xác nhận bằng văn bản về kết quả kiểm tra Công Suất Tin Cậy Ban Đầu.

(ii) Công Suất Tin Cậy được xác định bằng: Tổng số tấn đất đá Hệ Thống Băng Tải vận chuyển được trong Bốn (4) giờ chia cho Bốn (4) giờ. Kết quả số tấn có được nếu được Than Cao Sơn chấp nhận sẽ là Công Suất Tin Cậy. Việc kiểm tra Công Suất Tin Cậy sẽ được hoàn tất khi có xác nhận và chấp thuận bằng văn bản của Nhà Đầu Tư và Than Cao Sơn về kết quả thử nghiệm.

2. KIỂM TRA MÔI TRƯỜNG

Nhà Đầu Tư sẽ tiến hành các cuộc kiểm tra về môi trường nhằm bảo đảm tuân thủ Các Tiêu Chuẩn Môi Trường...

3. QUY TRÌNH PHỐI HỢP VẬN HÀNH

3.1. Chậm nhất là Chín mươi (90) ngày trước ngày dự kiến ngày Vận Hành Thương Mại, Nhà Đầu Tư phải cung cấp cho Than Cao Sơn bản dự thảo qui trình vận hành (Quy Trình Phối Hợp Vận Hành) liên quan tới: (i) mọi hoạt động phối hợp vận hành giữa Than Cao Sơn và Nhà Đầu Tư để thử nghiệm Công Trình Cơ Sở Hạ Tầng Than Cao Sơn; và (ii) mọi hoạt động phối hợp vận hành giữa Than Cao Sơn và Nhà Đầu Tư bao gồm nhưng không giới hạn ở cách thức liên lạc hàng ngày, các danh sách nhân sự chủ chốt, lập kế hoạch công suất và sản lượng vận chuyển, kế hoạch ngừng hoạt động của Hệ Thống Băng Tải, báo cáo công suất và năng suất, Quy Định An Toàn Vận Hành Thiết Bị Băng Tải, Máy Nghiền các kế hoạch Khẩn Cấp và các qui trình an toàn.

3.2. Trong vòng Ba mươi (30) ngày sau khi Than Cao Sơn nhận được bản dự thảo Quy Trình Phối Hợp Vận Hành, Than Cao Sơn sẽ thông báo cho Nhà Đầu Tư các đề nghị xóa bỏ, sửa đổi hoặc bổ sung (nếu có), Các bên sẽ nỗ lực cao nhất để thống nhất trên cơ sở nội dung của Hợp Đồng.

3.3. Quy Trình Phối Hợp Vận Hành chính thức được các Bên đồng ý sẽ thay cho dự thảo Quy Trình Phối Hợp Vận Hành và sẽ ràng buộc Các Bên.

3.4. Quy Trình Phối Hợp Vận Hành có thể được sửa đổi tùy từng thời điểm. Các sửa đổi đó phải được Than Cao Sơn và Nhà Đầu Tư đồng ý bằng văn bản.

4. BẢO DƯỠNG, TIỂU TU, ĐẠI TU THEO KẾ HOẠCH

Trong vòng Một trăm tám mươi (180) ngày trước Ngày Phải Vận Hành Thương Mại và sau đó là Một trăm tám mươi (180) ngày trước khi bắt đầu mỗi năm dương lịch, Nhà Đầu

Tư phải gửi cho Than Cao Sơn lịch biểu đề xuất các giai đoạn Ngừng Hoạt Động Theo Kế Hoạch của mình (bao gồm cả thời lượng của mỗi giai đoạn này). Than Cao Sơn có thể đề nghị thay đổi thời gian Ngừng Hoạt Động Theo Kế Hoạch với điều kiện là Than Cao Sơn phải đề nghị trước ít nhất Ba (3) tháng của các tháng Than Cao Sơn đề nghị thay đổi. Nhà Đầu Tư sẽ nỗ lực hợp lý để thời gian của mỗi giai đoạn Ngừng Hoạt Động Theo Kế Hoạch tương đối ngắn phù hợp với Các Giới Hạn Kỹ Thuật và Quy Định An Toàn Vận Hành Thiết Bị Băng Tải, Máy Nghiền.

Không phụ thuộc vào việc ấn định thời gian Ngừng Hoạt Động Theo Kế Hoạch như qui định trên đây, Than Cao Sơn có thể gửi thông báo bằng văn bản trước ít nhất mười (10) ngày cho Nhà Đầu Tư để yêu cầu Nhà Đầu Tư bố trí lại thời gian Ngừng Hoạt Động Theo Kế Hoạch, khi đó Nhà Đầu Tư sẽ nỗ lực hợp lý về mặt kỹ thuật cũng như thương mại để bố trí lại thời gian Ngừng Hoạt Động Theo Kế Hoạch đó; tuy nhiên với điều kiện là (i) Than Cao Sơn không được yêu cầu bố trí lại lịch biểu Ngừng Hoạt Động Theo Kế Hoạch với thời gian ngắn hơn hay dài hơn, hoặc theo cách thức hoặc thời điểm nằm ngoài Các Giới Hạn Kỹ Thuật, hoặc không phù hợp với Quy Định An Toàn Vận Hành Thiết Bị Băng Tải, Máy Nghiền hoặc không phù hợp với điều kiện bảo hành, hoặc khuyến nghị của nhà sản xuất, và (ii) Than Cao Sơn không được yêu cầu đưa Ngừng Hoạt Động Theo Kế Hoạch lên sớm hơn quá Ba mươi (30) ngày kể từ ngày gửi thông báo đó nếu chưa được sự đồng ý của Nhà Đầu Tư. Nhà Đầu Tư sẽ không phải bố trí lại lịch cho bất cứ Ngừng Hoạt Động Theo Kế Hoạch nào nếu như việc bố trí lại đó sẽ làm vô hiệu các điều kiện bảo hành do bất kỳ nhà sản xuất nào đưa ra hoặc nếu trái với Quy Định An Toàn Vận Hành Thiết Bị Băng Tải, Máy Nghiền.

Khi phát sinh nhu cầu ngừng hoạt động để bảo dưỡng, Nhà Đầu Tư phải thông báo ngay cho Than Cao Sơn về nhu cầu này, và về thời điểm dự định bắt đầu cũng như lượng thời gian dự tính ngừng hoạt động để bảo dưỡng, và Than Cao Sơn sẽ cho phép Nhà Đầu Tư bố trí lịch ngừng hoạt động để bảo dưỡng trong một khoảng thời gian hợp lý theo hoàn cảnh, nhưng trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được vượt quá thời gian qui định theo Các Giới Hạn Kỹ Thuật và Quy Định An Toàn Vận Hành Thiết Bị Băng Tải, Máy Nghiền.

Trong những năm Nhà Đầu Tư dự định tiến hành tiểu tu hoặc đại tu, Nhà Đầu Tư sẽ gửi trước kế hoạch sửa chữa của mình (bao gồm cả dự tính về lượng thời gian) cho Than Cao Sơn bằng cách gửi văn bản thông báo. Thời gian thực hiện sẽ do Các Bên nỗ lực thỏa thuận nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.

5. DUY TRÌ HỒ SƠ VẬN HÀNH

Mỗi Bên sẽ lưu giữ các hồ sơ cập nhật hoàn chỉnh, chính xác và tất cả các số liệu khác mà mỗi Bên yêu cầu nhằm quản lý tốt Hợp Đồng. Các hồ sơ mà Nhà Đầu Tư duy trì sẽ bao gồm: (i) việc vận chuyển đất đá cho mỗi Kỳ Lập Hóa Đơn tại Điểm Giao Nhận; và (ii) những thay đổi về tình trạng vận hành, những lần Ngừng Hoạt Động Theo Kế Hoạch và Ngừng Hoạt Động Bắt Buộc; và (iii) mọi tình trạng bất thường được phát hiện trong những lần kiểm tra; và (iv) bất kỳ hồ sơ nào khác mà Ban Phối Hợp có thể yêu cầu Nhà Đầu Tư duy trì một cách hợp lý.

6. BÁO CÁO HÀNG NĂM

Nhà Đầu Tư phải gửi cho Than Cao Sơn một báo cáo vận hành và bảo dưỡng cho mỗi năm hợp đồng, trong vòng Ba (3) tháng sau khi kết thúc mỗi năm hợp đồng. Báo cáo hàng năm này phải bao gồm (i) báo cáo vận hành và bảo dưỡng của năm trước đó, và (ii) kế hoạch vận hành và bảo dưỡng dự kiến cho năm sắp tới. Than Cao Sơn không được sử dụng hoặc tiết lộ các báo cáo đó ngoại trừ cho các cố vấn, các tư vấn và các Nhà thầu của Than Cao Sơn theo yêu cầu của pháp luật, hoặc bất kỳ quy định nào khác có liên quan tới việc quản lý và thi hành Hợp Đồng.

PHỤ LỤC 5
MẪU BẢN KÊ TÀI SẢN

Tất cả các tài sản được liệt kê dưới đây thuộc phạm vi của Hệ Thống Băng Tải. Bản kê Tài sản này sẽ được Nhà Đầu Tư sửa đổi vào từng thời điểm nhưng phải có sự phê chuẩn của Than Cao Sơn. Tùy thuộc vào việc tuân thủ các điều khoản của phần định nghĩa Bản kê Tài sản trong Hợp Đồng, danh sách dưới đây là danh sách chưa đầy đủ và có thể bao gồm các tài sản khác và Bản Kê Tài Sản sẽ bao gồm tất cả các tài sản phù hợp cần thiết để đảm bảo hoạt động bình thường của Hệ Thống Băng Tải.

1. Tài sản vật kiến trúc.
2. Thiết bị Hệ Thống Băng Tải.
3. Các tài sản khác.

PHỤ LỤC 6
MẪU BẢO ĐẢM THỰC HIỆN

(Các Bên sẽ thống nhất trên cơ sở mẫu của ngân hàng phát hành theo quy định)

MẪU BẢO ĐẢM VẬN HÀNH

(Các Bên sẽ thống nhất trên cơ sở mẫu của ngân hàng phát hành theo quy định)

PHỤ LỤC 7
MẪU GIẤY XÁC NHẬN THANH TOÁN

(Các Bên sẽ thống nhất sau)

PHỤ LỤC 8
THANH TOÁN CHI PHÍ VẬN CHUYỂN HỆ THỐNG BĂNG TẢI

Phụ Lục này mô tả các thủ tục liên quan tới việc xác định các khoản thanh toán mà Than Cao Sơn phải trả cho Nhà Đầu Tư: Phí Công Suất, Phí Điện Năng , Phí Bổ Sung và Các khoản tiền phạt mà Các Bên phải thanh toán.

Theo các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng, Nhà Đầu Tư sẽ cung cấp Công Suất Tin Cậy và thực hiện vận chuyển đất đá cho Than Cao Sơn tới khi kết thúc Thời Hạn Hợp Đồng và Than Cao Sơn sẽ thanh toán cho Nhà Đầu Tư với mỗi kỳ lập hóa đơn số tiền tương đương với tổng số tiền Phí Công Suất, Phí Điện Năng, và Phí Bổ Sung được định nghĩa trong Phụ Lục này (gọi chung là Giá Vận chuyển). Kỳ Lập Hóa Đơn nghĩa là kỳ lập hóa đơn kết thúc gần nhất trừ khi được nêu cụ thể khác đi.

Số Tiền Hóa Đơn (IA)

Đối với mỗi Kỳ Lập Hóa Đơn đã kết thúc, Than Cao Sơn sẽ thanh toán vào Ngày Thanh Toán cho Nhà Đầu Tư một khoản phí căn cứ vào số tiền trên hóa đơn (Số Tiền Hóa Đơn) và được tính theo công thức sau:

$$IAn = CCn + ECn + SCn$$

Trong đó:

IAn = Số Tiền Hóa Đơn tính bằng VND cho Kỳ Lập Hóa Đơn n;
CCn = Phí Công Suất tính bằng VND cho Kỳ Lập Hóa Đơn n;
ECn = Phí Điện Năng tính bằng VND cho Kỳ Lập Hóa Đơn n;
SCn = Phí Bổ Sung tính bằng VND cho Kỳ Lập Hóa Đơn n; và
Mọi khoản thanh toán trong Phụ Lục này được quy định là chưa bao gồm VAT.

1. Phí Công Suất, Phí Công Suất Vượt Trội

1.1. Phí Công Suất

Phí Công Suất cho Kỳ Lập Hóa Đơn n sẽ được tính theo công thức sau đây:

$$CCn = DCy \times Dn \times (FCCy + 9.443\ đ/tấn \times ILy / ILb)$$

Trong đó:

CCn = Phí Công Suất tính bằng VND cho Kỳ Lập Hóa Đơn n;

FCCy = Phí Công Suất Cố Định cho năm hợp đồng thứ y, khi có Kỳ Lập Hóa Đơn n, được tính bằng đồng/tấn và được qui định tại Phụ Lục này;

DCy = Công Suất tin cậy 01 giờ trong năm vận hành thứ y, được tính bằng tấn/giờ.

Dn = Số giờ vận hành trong Kỳ Lập Hóa Đơn n, được Các Bên xác nhận bằng văn bản, được tính bằng giờ;

ILb = Giá trị Chỉ Số Giá Tiêu Dùng cho Việt Nam được Tổng Cục Thống Kê Việt Nam công bố cho năm chào thầu;

ILy = Giá trị Chỉ Số Giá Tiêu Dùng cho Việt Nam được Tổng Cục Thống Kê Việt Nam công bố cho năm thứ y;

ILy/ILb của năm chào thầu (năm 2013) = 1;

Quy ước: Trong các kỳ lập hóa đơn n, Giá trị Chỉ Số Giá Tiêu Dùng cho Việt Nam của năm thứ y được tạm tính bằng Giá trị Chỉ Số Giá Tiêu Dùng cho Việt Nam của năm liền kề trước năm thứ y . Các Bên sẽ thanh quyết toán giá vận chuyển trong năm vận hành thứ y trong

thời hạn Bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày Tổng Cục Thống Kê Việt Nam công bố Giá trị Chỉ Số Giá Tiêu Dùng cho Việt Nam trong năm thứ y.

FCCy trong mỗi Năm Hợp Đồng y như sau:

Năm Hợp Đồng (y)	FCCy (VND/tấn)	Năm Hợp Đồng (y)	FCCy (VND/tấn)
1	5.320	11	4.822
2	6.015	12	4.525
3	5.781	13	4.228
4	5.837	14	3.931
5	5.700	15	3.634
6	5.447	16	3.337
7	5.195	17	3.040
8	5.494	18	2.743
9	5.416	19	2.446
10	5.119	20	2.149

1.2. Phí Công Suất Vượt Trội

Phí Công Suất Vượt Trội được thanh toán khi kết thúc năm vận hành thương mại thứ y và được tính theo công thức:

CCyvt = Vy x 9.443 đ/tấn x (SLy – 52.400.000) tấn x ILy / ILb

Trong đó:

CCyvt = Phí Công suất vượt trội, được tính bằng đồng.

SLy = Tổng sản lượng vận chuyển được của năm thứ y, được tính bằng tấn.
(SLy > 52.400.000 tấn).

Vy = Tỷ lệ phần trăm (%).

Trong đó: Vy = 20% nếu Than Cao Sơn yêu cầu kế hoạch vận chuyển năm thứ y ≤ 52.400.000 tấn/năm; nếu Than Cao Sơn yêu cầu kế hoạch vận chuyển năm thứ y > 52.400.000 tấn/năm thì Vy sẽ được điều chỉnh theo quy định tại Điều 10.

ILb = Giá trị Chỉ Số Giá Tiêu Dùng cho Việt Nam được Tổng Cục Thống Kê Việt Nam công bố cho năm chào thầu;

ILy = Giá trị Chỉ Số Giá Tiêu Dùng cho Việt Nam được Tổng Cục Thống Kê Việt Nam công bố cho năm thứ y;

ILy/ILb của năm chào thầu (năm 2013) = 1;

Quy ước: Trong các kỳ lập hóa đơn n, Giá trị Chỉ Số Giá Tiêu Dùng cho Việt Nam của năm thứ y được tạm tính bằng Giá trị Chỉ Số Giá Tiêu Dùng cho Việt Nam của năm liền kề trước năm thứ y. Các Bên sẽ thanh quyết toán giá vận chuyển trong năm vận hành thứ y trong thời hạn Bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày Tổng Cục Thống Kê Việt Nam công bố Giá trị Chỉ Số Giá Tiêu Dùng cho Việt Nam trong năm thứ y.

2. Phí Điện Năng

Phí Điện Năng sẽ thanh toán cho Chi phí Điện năng của Nhà Đầu Tư và sẽ được tính theo công thức sau:

ECn = STHy x Gđn x EOn

Trong đó:

ECn = Phí điện năng của kỳ lập hóa đơn n trong năm thứ y, được tính bằng đồng.

STHy = Suất tiêu hao điện năng của năm thứ y có kỳ lập hóa đơn n, được tính bằng kwh/tấn;

Gđn = Giá bán điện của EVN tại thời điểm có kỳ lập hóa đơn n, được tính bằng đồng/kwh.

EOn = Sản lượng vận chuyển trong kỳ lập hóa đơn n, được tính bằng tấn.

STH của từng năm hợp đồng thứ y:

Năm hợp đồng (y)	STH (kwh/tấn)	Năm hợp đồng (y)	STH (kwh/tấn)
1	1,76	11	2,25
2	1,76	12	2,25
3	1,76	13	2,25
4	1,88	14	2,25
5	1,88	15	2,25
6	1,88	16	2,25
7	1,88	17	2,25
8	2,25	18	2,25
9	2,25	19	2,25
10	2,25	20	2,25

3. Phí Bổ Sung (SC)

Phí Bổ Sung được tính theo công thức sau: **SCn = DIPCn + AAn + ACn + OCn**

Trong đó:

SCn = Tổng các Phí Bổ Sung tính bằng VND cho Kỳ Lập Hóa Đơn n;

DIPCn = Phí Thanh Toán Lãi Suất Vi Phạm tính bằng VND cho Kỳ Lập Hóa Đơn n;

AAn = Phí Điều Chỉnh tính bằng VND cho Kỳ Lập Hóa Đơn n;

ACn = Phí Phụ Trội tính bằng VND cho Kỳ Lập Hóa Đơn n; và

OCn = Các loại phí khác theo các điều khoản và điều kiện Hợp Đồng, được hai bên thống nhất, tính bằng VND cho Kỳ Lập Hóa Đơn n.

Phí Thanh Toán Lãi Suất Vi Phạm là phần lãi suất được tính cho tất cả các khoản tiền mà Than Cao Sơn thanh toán chậm cho Nhà Đầu Tư mà không phải do lỗi của Nhà Đầu Tư và/hoặc do tình trạng Bất Khả Kháng sẽ phải chịu lãi theo mức lãi suất huy động bình quân 01 tháng của 04 ngân hàng: Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam tính từ ngày đến hạn thanh toán cho đến ngày số tiền đó được thanh toán.

Phí Điều Chỉnh (AA) bao gồm: các lỗi lập hóa đơn; các số liệu đo đếm được chỉnh sửa; lỗi dự tính của một số hệ số nhất định; điều chỉnh do thanh toán chậm. Phí Phụ Trội (AC) bao gồm bất kỳ chi phí, lệ phí hay phí tổn nào, nếu có.

4. CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG

4.1. Khoản Bồi Thường Do Ngừng Hoạt Động là khoản bồi thường mà Nhà Đầu Tư phải thanh toán cho Than Cao Sơn:

CCynghđ = (FCCy + 9.443 đồng/tấn x ILy / ILb) x DCy x Hy

Trong đó:

CCynghđ = Khoản Bồi Thường Do Ngừng Hoạt Động trong năm thứ y, được tính bằng VND;

DCy = Công Suất Tin Cậy 01 giờ của năm thứ y, được tính bằng tấn/giờ; và

Hy = Tổng số Giờ Ngừng Hoạt Động do lỗi của Nhà Đầu Tư trong năm thứ y, được Các Bên xác nhận bằng văn bản, được tính bằng giờ.

FCCy = Phí Công Suất Cố Định cho Năm Hợp Đồng thứ y, được tính bằng đồng/tấn;

ILb = Giá trị Chỉ Số Giá Tiêu Dùng cho Việt Nam được Tổng Cục Thống Kê Việt Nam công bố cho năm chào thầu;

ILy = Giá trị Chỉ Số Giá Tiêu Dùng cho Việt Nam được Tổng Cục Thống Kê Việt Nam công bố cho năm thứ y;

ILy/ILb của năm chào thầu (năm 2013) = 1;

Quy ước: Trong các kỳ lập hóa đơn n, Giá trị Chỉ Số Giá Tiêu Dùng cho Việt Nam của năm thứ y được tạm tính bằng Giá trị Chỉ Số Giá Tiêu Dùng cho Việt Nam của năm liền kề trước năm thứ y. Các Bên sẽ thanh quyết toán giá vận chuyển trong năm vận hành thứ y trong thời hạn Bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày Tổng Cục Thống Kê Việt Nam công bố Giá trị Chỉ Số Giá Tiêu Dùng cho Việt Nam trong năm thứ y.

4.2. Khoản Bồi Thường Do Thiếu Hụt: là khoản tiền mà Nhà Đầu Tư phải thanh toán cho Than Cao Sơn:

CCyth = ĐGy x CĐy x (SLKHy - SLTHy)

Trong đó:

CCyth = Khoản Bồi Thường mà Nhà Đầu Tư phải thanh toán do không vận chuyển đủ kế hoạch sản lượng đất đá trong năm thứ y, được tính bằng VND;

ĐGy = Đơn giá vận chuyển đất đá theo quy định của TKV áp dụng cho loại xe ô tô có trọng tải ≤ 40 tấn cho Một (01) Tkm, có điều chỉnh các chi phí đầu vào của năm thứ y, được tính bằng đ/Tkm.

CĐy = Cung độ vận chuyển bằng đường ô tô, tính từ điểm nhận cấp liệu của Hệ Thống Băng Tải đến điểm đổ thải của Hệ Thống Băng Tải trong năm thứ y, được tính bằng Km, (cung độ vận chuyển bằng đường ô tô không phải là cung độ vận chuyển bằng băng tải);

SLKHy = Sản lượng kế hoạch đất đá sẽ vận chuyển trong năm thứ y mà Các Bên đã thống nhất, được tính bằng tấn;

SLTHy = Sản lượng đất đá đã vận chuyển được trong năm thứ y, được tính bằng tấn.

4.3. Khoản Bồi Thường Do Chậm Trễ: là khoản tiền mà Nhà Đầu Tư phải thanh toán cho Than Cao Sơn được tính bằng 0,01% giá trị phần bị chậm trễ / 01 ngày chậm trễ Ngày Vận Hành Thương Mại nhân với Tổng số ngày diễn ra chậm trễ Ngày Vận Hành Thương Mại; khoản Bồi Thường Do Chậm Trễ tối đa là 12% giá trị phần bị chậm trễ.

4.4. Khoản Bồi Thường Do Chậm Đưa Vào Sử Dụng: là khoản tiền mà Than Cao Sơn phải thanh toán cho Nhà Đầu Tư:

CCc = 4.509 đ/tấn x 52.400.000 tấn/365 ngày x Nc = 647.319.452 đ x Nc

Trong đó:

CCc = Khoản Bồi Thường Do Chậm Đưa Vào Sử Dụng (đồng);

Nc = Tổng số ngày chậm đưa vào sử dụng (ngày) theo quy định tại Điều 7.3.

4.509 đ/tấn = Phí Công Suất Cố Định (FCC) bình quân 20 năm của Hệ Thống Băng Tải.

52.400.000 tấn = Khối lượng đất đá vận chuyển/năm;